



Hướng dẫn sử dụng
















Quality, Design and Innovation



home.liebherr.com/fridge-manuals



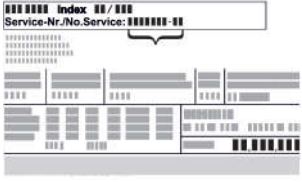
LIEBHERR

Mục lục

| | | |
|---|--|----------|
| 1 | Khái quát về thiết bị | 3 |
| 1.1 | Phạm vi giao hàng..... | 3 |
| 1.2 | Tổng quan về thiết bị và phụ tùng..... | 3 |
| 1.3 | SmartDevice..... | 3 |
| 1.4 | Phạm vi sử dụng của thiết bị..... | 4 |
| 1.5 | Sự phù hợp..... | 4 |
| 1.6 | Các chất SVHC theo quy định REACH..... | 4 |
| 1.7 | Cơ sở dữ liệu EPREL..... | 4 |
| 2 | Hướng dẫn an toàn chung | 4 |
| 3 | Đưa vào vận hành | 6 |
| 3.1 | Bật thiết bị..... | 6 |
| 3.2 | Chèn các thành phần..... | 6 |
| 4 | Quản lý thực phẩm | 7 |
| 4.1 | Lưu trữ thực phẩm..... | 7 |
| 4.2 | Thời gian lưu trữ..... | 7 |
| 5 | Tiết kiệm năng lượng | 7 |
| 6 | Điều khiển | 8 |
| 6.1 | Điều khiển và hiển thị..... | 8 |
| 6.1.1 | Trạng thái hiển thị..... | 8 |
| 6.1.2 | Điều hướng..... | 8 |
| 6.1.3 | Ký hiệu hiển thị..... | 8 |
| 6.2 | Khái niệm điều khiển..... | 8 |
| 6.2.1 | Bật/tắt chức năng..... | 8 |
| 6.2.2 | Chọn giá trị theo từng chức năng..... | 8 |
| 6.2.3 | Chọn giá trị hàm..... | 9 |
| 6.2.4 | Chọn giá trị cài đặt..... | 9 |
| 6.2.5 | Vào menu Khách hàng..... | 9 |
| 6.3 | Tính năng..... | 9 |
|  | Tắt thiết bị..... | 9 |
|  | WiFi..... | 10 |
|  | Nhiệt độ..... | 10 |
|  | Đơn vị nhiệt độ..... | 10 |
|  | SuperFrost..... | 10 |
|  | Chế độ Party..... | 11 |
|  | Chế độ Sabbath..... | 11 |
|  | Tiết kiệm năng lượng..... | 11 |
|  | IceMaker / MaxIce*..... | 12 |
|  | Đá viên*..... | 13 |
|  | TubeClean*..... | 13 |
|  | Trạng thái đèn (trạng thái hiển thị)*..... | 13 |
|  | Độ sáng màn hình..... | 13 |
|  | Âm báo cửa..... | 13 |
|  | Khoá đầu vào..... | 13 |

| | | |
|---|--|-----------|
|  | Ngôn ngữ..... | 13 |
|  | Thông tin..... | 14 |
|  | Nhắc nhở..... | 14 |
|  | Cài đặt lại..... | 14 |
| 6.4 | Thông báo lỗi..... | 14 |
| 6.4.1 | Cảnh báo..... | 14 |
| 6.4.2 | Tin nhắn..... | 14 |
| 6.4.3 | Chế độ Demo..... | 14 |
| 7 | Đặc điểm | 14 |
| 7.1 | Ngăn kéo..... | 14 |
| 7.2 | Bảng kéo có IceTower*..... | 16 |
| 7.3 | Kệ kính*..... | 17 |
| 7.4 | EasyTwist-Ice*..... | 18 |
| 7.5 | Máy làm đá*..... | 18 |
| 7.6 | VarioSpace..... | 19 |
| 7.7 | Phụ kiện..... | 19 |
| 8 | Bảo trì | 19 |
| 8.1 | Tháo/lắp hệ thống ngăn kéo..... | 19 |
| 8.2 | Rà đồng thiết bị..... | 21 |
| 8.3 | Vệ sinh thiết bị..... | 21 |
| 9 | Hỗ trợ khách hàng | 23 |
| 9.1 | Thông số kỹ thuật..... | 23 |
| 9.2 | Tiếng ồn khi vận hành..... | 24 |
| 9.3 | Lỗi kỹ thuật..... | 24 |
| 9.4 | Dịch vụ khách hàng..... | 25 |
| 9.5 | Tầm mô tả mẫu..... | 26 |
| 10 | Tắt máy | 26 |
| 11 | Tiêu huỷ | 26 |
| 11.1 | Chuẩn bị thiết bị cho tiêu huỷ..... | 26 |
| 11.2 | Vứt bỏ thiết bị theo cách thân thiện với môi trường..... | 26 |

Nhà sản xuất liên tục làm việc để phát triển hơn nữa tất cả các loại và mẫu mã. Xin lưu ý rằng chúng tôi có quyền thay đổi hình dạng, thiết bị và công nghệ.

| Ký hiệu | Nội dung |
|---|---|
|  | Đọc hướng dẫn Vui lòng đọc kỹ thông tin trong các hướng dẫn này để hiểu tất cả lợi ích của thiết bị mới của bạn. |
|  | Hướng dẫn đầy đủ trên internet Bạn có thể tìm hướng dẫn chi tiết trên internet bằng cách sử dụng mã QR ở mặt trước của hướng dẫn này hoặc bằng cách nhập số dịch vụ tại home.liebherr.com/fridge-manuals . Số dịch vụ có thể được tìm thấy trên thẻ số seri: |
| |  <p>Hình. Ví dụ minh họa</p> |

| Ký hiệu | Nội dung |
|--|--|
|  | Kiểm tra thiết bị Kiểm tra tất cả các bộ phận xem có hư hỏng do vận chuyển không. Nếu bạn có bất kỳ khiếu nại nào, vui lòng liên hệ với đại lý hoặc bộ phận chăm sóc khách hàng. |
|  | Sự khác biệt Những hướng dẫn này áp dụng cho nhiều mẫu máy nên có thể có sự khác biệt. Các phần chỉ áp dụng cho một số mẫu máy nhất định được đánh dấu bằng dấu hoa thị (*). |
|  | Hướng dẫn và kết quả Hướng dẫn được đánh dấu ▶ Kết quả được đánh dấu ▷ |
|  | Videos Videos về các thiết bị có sẵn trên kênh Youtube của hãng Liebherr-Hausgeräte. |

Những hướng dẫn vận hành này được áp dụng cho các mẫu:

| | |
|----------------|----------------------|
| FN c | 46/50/52/66/70/72... |
| FN d | 42/46/50... |
| FN (sd) d | 52...(i) |
| SFN bs/sd/st d | 52...(i) |
| GNex | 1460-c |
| LTGN-270 | |

Lưu ý

Nếu thiết bị của bạn có chữ N trong thiết kế sản phẩm, đó là thiết bị NoFrost

1 Khái quát về sản phẩm

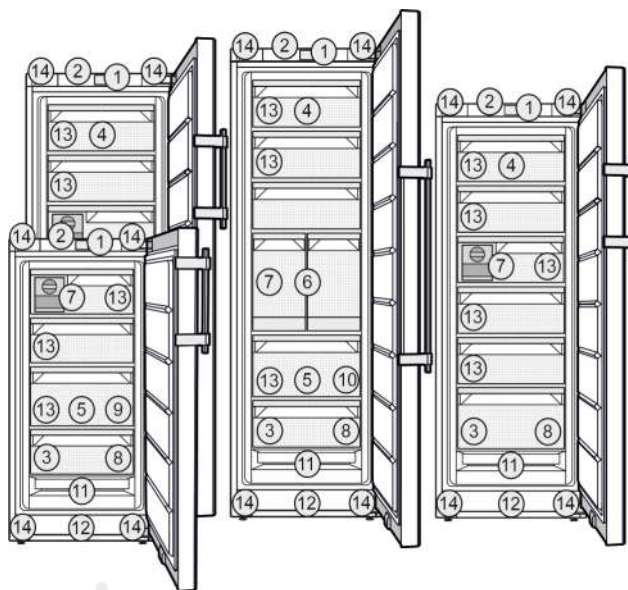
1.1 Phạm vi giao hàng

Kiểm tra tất cả các bộ phận có bị hư hỏng trong khi vận chuyển hay không. Nếu có bất kỳ khiếu nại nào, liên hệ với nhà bán lẻ hoặc bộ phận chăm sóc khách hàng (xem mục 9.4 Dịch vụ chăm sóc khách hàng).

Thiết bị mới đi kèm với các bộ phận sau:

- Thiết bị độc lập
- Tính năng (tùy thuộc vào kiểu máy)
- Vật liệu lắp đặt (tùy thuộc vào kiểu máy)
- "Quick Start Guide" - Hướng dẫn khởi động nhanh
- "Installation Guide" - Hướng dẫn Cài đặt
- Sổ hướng dẫn về dịch vụ

1.2 Tổng quan về sản phẩm và phụ tùng



Hình. 1 Ví dụ minh họa

Thiết bị

- | | |
|---|---|
| (1) Điều khiển | (8) Khay cấp đông, bình tích trữ lạnh |
| (2) Đèn, trạng thái đèn (trạng thái hiển thị)* | (9) Khay đá viên* |
| (3) Tầm chắn | (10) Muống đá viên* |
| (4) Ngăn kéo nghiêng* | (11) NoFrost |
| (5) SpaceBox* | (12) Khe thông gió |
| (6) IceTower* | (13) VarioSpace |
| (7) IceMaker* / EasyTwist-Ice* | (14) Chân có thể điều chỉnh (phía trước), bánh xe di chuyển (phía sau) tay cầm vận chuyển phía trên (phía sau) và ở dưới cùng (phía trước) |

Lưu ý

▶ Kệ, các ngăn kéo và các giỏ đựng đồ được sắp xếp để có hiệu quả năng lượng tối ưu khi sản phẩm được giao. Việc thay đổi vị trí các kệ, ví dụ kệ được chèn vào ngăn tủ lạnh, sẽ không làm ảnh hưởng tới mức tiêu thụ điện năng.

1.3 SmartDevice

SmartDevice là giải pháp mạng cho tủ đông của bạn.

Nếu thiết bị của bạn hỗ trợ SmartDevice, bạn có thể kết nối thiết bị nhanh chóng và dễ dàng với WiFi. Với ứng dụng SmartDevice, bạn có thể vận hành thiết bị từ thiết bị di động. Các chức năng và tùy chọn cài đặt bổ sung có sẵn trong ứng dụng SmartDevice.

Thiết bị hỗ trợ SmartDevice:*

Thiết bị của bạn được trang bị một SmartDeviceBox. Để kết nối thiết bị của bạn với WiFi, bạn cần tải phần mềm SmartDevice.*

Thiết bị tương thích với SmartDevice:*

Thiết bị của bạn tương thích để sử dụng với SmartDeviceBox. Trước tiên bạn phải mua và cài đặt SmartDeviceBox. Để kết nối thiết bị của bạn với WiFi, bạn cần tải phần mềm SmartDevice.*

Hướng dẫn an toàn chung



Thông tin thêm về SmartDevice smartdevice.liebherr.com

Mua SmartDeviceBox trong cửa hàng của Liebherr Hausgeräte:* home.liebherr.com/shop/de/deu/smartdevicebox.html*

Tải phần mềm SmartDevice app:



Sau khi cài đặt và cấu hình SmartDevice, bạn có thể kết nối thiết bị của bạn với WiFi bằng ứng dụng SmartDevice và ứng dụng WiFi (xem WiFi).

Lưu ý

Bạn không thể sử dụng SmartDevice ở các quốc gia: Belarus, Kazakhstan, Nga. Chức năng SmartDevice không khả dụng ở đó.

1.4 Phạm vi sử dụng

Mục đích sử dụng

Thiết bị chỉ phù hợp để làm mát thực phẩm trong môi trường gia đình hoặc hộ gia đình. Ví dụ:

- trong bếp ăn nhân viên, giường ngủ và chuẩn bị bữa sáng,
- bởi khách trong các căn nhà ở nông thôn, khách sạn, nhà nghỉ và chỗ ở khác,
- để phục vụ ăn uống và các dịch vụ tương tự trong việc buôn bán thương mại.

Thiết bị không phù hợp như một thiết bị tích hợp.

Tất cả các loại sử dụng khác đều không được phép.

Cảnh báo lạm dụng:

Các ứng dụng sau đây bị nghiêm cấm:

- Bảo quản và làm lạnh thuốc, huyết tương, chế phẩm phòng thí nghiệm hoặc các chất tương tự và các sản phẩm dựa trên Chỉ thị thiết bị y tế 2007/47/EC
- Sử dụng ở những khu vực có nguy cơ cháy nổ

Việc sử dụng sai thiết bị có thể làm hư hỏng hàng hoá được lưu trữ.

Phân loại khí hậu

Tùy thuộc vào phân loại khí hậu, thiết bị được thiết kế để hoạt động ở nhiệt độ môi trường hạn chế. Phân loại khí hậu áp dụng cho thiết bị

của bạn được in trên bảng đánh giá.

Lưu ý

► Duy trì nhiệt độ môi trường xung quanh được chỉ định để đảm bảo thiết bị hoạt động bình thường.

| Phân loại khí hậu | đối với nhiệt độ môi trường xung quanh |
|-------------------|--|
| SN | 10 °C to 32 °C |
| N | 16 °C to 32 °C |
| ST | 16 °C to 38 °C |
| T | 16 °C to 43 °C |
| SN-ST | 10 °C to 38 °C |
| SN-T | 10 °C to 43 °C |

Nếu thiết bị của bạn không có kết nối nước cố định thì thiết bị được đảm bảo hoạt động chính xác nhiệt độ môi trường xuống thấp hơn -15 °C.*

1.5 Tính hợp quy

Mạch điện của tủ lạnh đã được kiểm tra rò rỉ. Thiết bị này tuân thủ các quy định an toàn hiện hành và các chỉ thị tương ứng.

Cho thị trường EU:* Thiết bị tuân thủ chỉ thị 2014/53/EU.*

Cho thị trường GB:* Thiết bị này tuân thủ Quy định về thiết bị vô tuyến 2017 SI 2017No. 1206.*

Toàn văn Tuyên bố tính hợp quy của thị trường EU có sẵn trên trang web sau: www.liebherr.com

1.6 Chất SVHC theo quy định REACH

Bạn có thể kiểm tra xem thiết bị của mình có chứa chất SVHC theo quy định REACH hay không tại liên kết sau: home.liebherr.com/de/deu/de/liebherr-erleben/nachhaltigkeit/umwelt/scip/scip.html

1.7 EPREL database

Thông tin chi tiết về các yêu cầu dán nhãn năng lượng và thiết kế sinh thái sẽ có trên cơ sở dữ liệu sản phẩm Châu Âu (EPREL) từ ngày 1 tháng 3 năm 2021. Bạn có thể truy cập cơ sở dữ liệu sản phẩm tại liên kết sau: <https://eprel.ec.europa.eu/> Bạn sẽ được hỏi để nhập ID. Bạn có thể tìm thấy ID model trên bảng tên.

2 Hướng dẫn an toàn chung

Vui lòng giữ các hướng dẫn vận hành này ở nơi an toàn để bạn có thể tham khảo lại bất cứ lúc nào.

Nếu bạn chuyển lại thiết bị, vui lòng đưa hướng dẫn vận hành này cho người dùng tiếp theo.

Đọc kỹ hướng dẫn vận hành này trước khi sử dụng để đảm bảo sử dụng thiết bị an toàn và đúng cách. Luôn tuân theo các hướng dẫn, hướng dẫn an toàn và thông báo cảnh báo đi kèm. Chúng rất quan trọng để đảm bảo bạn có thể vận hành và lắp đặt thiết bị một cách an toàn và không gặp bất kỳ sự cố nào.

Nguy hiểm cho người dùng:

- Thiết bị này có thể được sử dụng bởi trẻ em và những người bị suy giảm khả năng về thể chất, giác quan hoặc tâm thần hoặc thiếu kinh nghiệm và kiến thức với điều kiện là họ được giám sát hoặc nhận được hướng dẫn về cách sử dụng an toàn thiết bị này cũng như về các mối nguy hiểm có thể xảy ra. Trẻ em không được chơi với thiết bị này. Trẻ em không được phép thực hiện công việc vệ sinh và bảo trì nếu không có sự giám sát của người lớn. Trẻ em từ 3 đến 8 tuổi được phép xếp và dỡ thiết bị. Trẻ em dưới 3 tuổi phải tránh xa thiết bị trừ khi có sự giám sát liên tục của người lớn.

- Ổ cắm phải dễ tiếp cận để có thể nhanh chóng ngắt kết nối thiết bị khỏi nguồn điện trong trường hợp khẩn cấp. Nó không được đặt ở khu vực phía sau thiết bị.

- Khi ngắt kết nối thiết bị khỏi nguồn điện, luôn cầm vào phích cắm. Không kéo cáp.

- Trong trường hợp có lỗi hãy rút phích cắm nguồn điện hoặc tắt cầu chì.

- Không làm hỏng cáp nguồn điện. Không vận hành thiết bị khi dây nguồn điện bị lỗi.

- Chỉ bộ phận dịch vụ khách hàng hoặc nhân viên được đào tạo đặc biệt khác mới có thể sửa chữa hoặc thực hiện các thao tác khác trên thiết bị.

- Chỉ lắp ráp, kết nối và thải bỏ thiết bị theo hướng dẫn.

- Nhà sản xuất không chịu trách nhiệm về những hư hỏng do kết nối nước cố định bị lỗi.*

Nguy cơ hỏa hoạn:

- Chất làm mát được sử dụng (thông tin trên tấm mô hình) thân thiện với môi trường nhưng cũng dễ cháy. Bất kỳ chất làm mát nào bị rò rỉ đều có thể bốc cháy.

• Không làm hỏng các đường ống dẫn điện của tủ lạnh.

• Không xử lý các nguồn gây cháy bên trong thiết bị.

• Không sử dụng các thiết bị điện bên trong thiết bị (ví dụ: máy làm sạch bằng hơi nước, máy sưởi, máy làm kem, v.v.).

• Nếu tủ lạnh bị rò rỉ: loại bỏ mọi ngọn lửa trần hoặc nguồn đánh lửa khỏi điểm rò rỉ. Điều hòa không khí trong phòng đúng cách. Thông báo dịch vụ khách hàng.

- Không cất giữ chất nổ hoặc thuốc xịt sử dụng chất đẩy dễ cháy như butan, propan, pentane, v.v. trong thiết bị. Để xác định các bình xịt này, hãy tìm danh sách nội dung được in trên bình hoặc biểu tượng ngọn lửa. Khí có khả năng thoát ra có thể bốc cháy do các bộ phận điện.

- Đặt nền, đèn và các vật dụng khác bằng ngọn lửa trần cách xa thiết bị để chúng không gây cháy thiết bị.

- Hãy đảm bảo bảo quản đồ uống có cồn hoặc các loại bao bì khác có chứa cồn trong hộp đậy kín. Bất kỳ lượng cồn nào rò rỉ ra ngoài đều có thể bị đốt cháy bởi các bộ phận điện.

Nguy cơ bị lật và rơi:

- Không lạm dụng bệ, ngăn kéo, cửa, v.v. như một bước để hỗ trợ. Điều này đặc biệt áp dụng cho trẻ em.

Nguy cơ ngộ độc thực phẩm:

- Không ăn thực phẩm đã bảo quản quá lâu.

Nguy cơ tê cóng và đau:

- Tránh để da tiếp xúc lâu với bề mặt lạnh hoặc hàng lạnh/đông lạnh hoặc thực hiện các biện pháp bảo vệ, ví dụ như đeo găng tay.

Nguy cơ bị thương và hư hỏng:

- Hơi nước nóng có thể gây thương tích. Không sử dụng thiết bị làm sạch bằng hơi nước hoặc sưởi ấm bằng điện, ngọn lửa trần hoặc bình xịt rã đông để rã đông.

- Không dùng dụng cụ sắc nhọn để lấy đá.

Nguy cơ bị nghiền nát:

- Không cầm vào bản lề khi đóng mở cửa. Ngón tay có thể bị kẹt.

Các ký hiệu trên thiết bị:



Biểu tượng này có thể được đặt trên máy nén. Nó liên quan đến dầu trong máy nén và đề cập đến nguy cơ: Nuốt hoặc hít phải có thể gây tử vong. Lời khuyên này chỉ liên quan đến việc tái chế. Không có nguy hiểm trong hoạt động bình thường.

Cách thức vận hành



Biểu tượng này nằm trên máy nén và cho biết sự nguy hiểm của vật liệu dễ cháy. Không tháo nhãn dán.



Nhãn dán này hoặc nhãn dán tương tự có thể được dán ở phía sau thiết bị. Nhãn dán này cho biết có tấm cách nhiệt chân không (VIP) hoặc tấm perlite ở cửa và/hoặc vỏ máy. Lời khuyên này chỉ liên quan đến việc tái chế. Không tháo nhãn dán.

Vui lòng lưu ý các thông báo cảnh báo và lời khuyên cụ thể khác trong các chương khác:

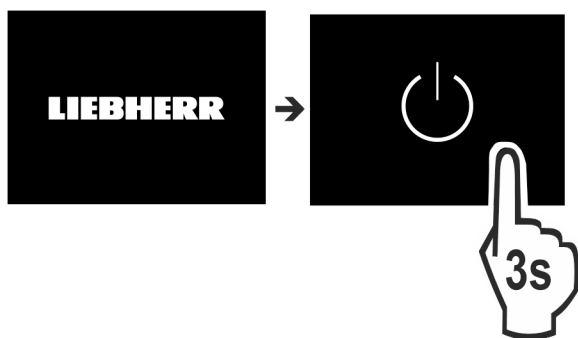
| | | |
|--|------------|---|
| | NGUY HIỂM | cho biết một tình huống nguy hiểm tức thời sẽ dẫn đến tử vong hoặc bị thương nặng nếu không tránh được. |
| | CẢNH BÁO | biểu thị một tình huống nguy hiểm có thể dẫn đến tử vong hoặc bị thương nặng nếu không tránh được. |
| | THẬN TRỌNG | cho biết một tình huống nguy hiểm có thể dẫn đến thương tích nhẹ hoặc trung bình nếu không tránh được. |
| | CHÚ Ý | chỉ ra một tình huống nguy hiểm có thể dẫn đến thiệt hại về tài sản nếu không tránh được. |
| | Lưu ý | chỉ ra các hướng dẫn và lời khuyên hữu ích. |

3 Đi vào vận hành

3.1 Bật thiết bị

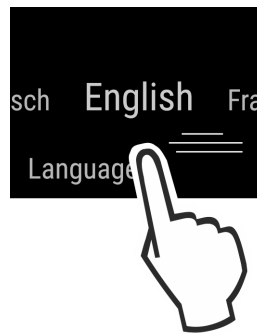
Đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau:

- Thiết bị được thiết lập và kết nối theo hướng dẫn lắp đặt.
- Tất cả các dải dính, băng dính và băng bảo vệ cũng như các thiết bị an toàn khi vận chuyển bên trong và trên thiết bị đều được tháo bỏ.
- Tất cả các tờ rơi tiếp thị được lấy ra khỏi ngăn kéo.



Hình. 2

- ▶ Bật thiết bị bằng màn hình.

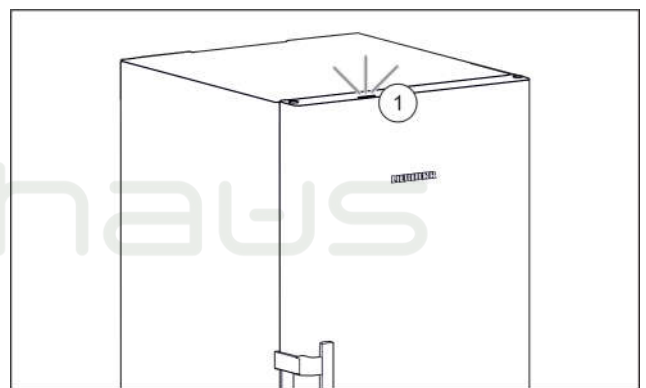


Hình. 3

- ▶ Lựa chọn ngôn ngữ.
- ▷ Màn hình hiển thị xuất hiện.



Trạng thái đèn (trạng thái hiển thị):*



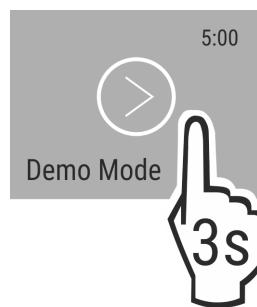
Hình. 4

Khi bạn khởi động thiết bị, trạng thái đèn Hình. 4 (1) bị tắt theo mặc định.*

- ▶ Kích hoạt đèn trạng thái. (xem Trạng thái đèn (trạng thái hiển thị)*) *

Thiết bị khởi động ở chế độ Demo:

Nếu thiết bị khởi động ở chế độ Demo, bạn có thể vô hiệu hoá chế độ Demo trong vòng 5 phút tiếp theo.



Hình. 5

- ▶ Ấn chế độ Demo trong 3 giây.
- ▷ Chế độ Demo bị tắt.

Lưu ý

Nhãn hàng khuyến nghị:

- ▶ Dự trữ thực phẩm đông lạnh dưới -18 °C hoặc lạnh hơn

3.2 Chèn các thành phần

Lưu ý

Phụ kiện có thể được mua ở cửa hàng Liebherr-Hausgeräte home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html.

► Đưa các thành phần được cung cấp để tận dụng tối đa thiết bị của bạn.

4 Quản lý thực phẩm

4.1 Dự trữ thực phẩm



CẢNH BÁO

Nguy cơ cháy nổ

► Không sử dụng bất kỳ thiết bị điện nào trong khu vực thực phẩm của thiết bị trừ khi được nhà sản xuất khuyến nghị.

Lưu ý

Mức tiêu thụ năng lượng tăng và công suất làm mát giảm nếu thông gió không đủ.

► Luôn giữ cho các khe gió thông thoáng.

Khi bảo quản thực phẩm, hãy luôn tuân thủ những điều sau:

- Lỗ thông gió trên bức tường phía sau bên trong không bị cản trở.
- Lỗ thông gió trên quạt không bị cản trở.
- Thực phẩm được đóng gói kín.
- Thịt, cá sống được đựng trong hộp sạch, đậy kín để tránh tiếp xúc hoặc nhỏ giọt vào các thực phẩm khác.
- Thực phẩm không được bảo quản quá gần nhau vì không khí cần được lưu thông.

Lưu ý

Việc không tuân theo những hướng dẫn này có thể dẫn đến thực phẩm bị hư hỏng.

4.1.1 Ngăn đông

Điều này mang lại môi trường bảo quản khô ráo, băng giá ở -18°C. Khí hậu băng giá rất lý tưởng để bảo quản thực phẩm đông lạnh và hàng hóa đông lạnh trong vài tháng, làm đá viên và đông lạnh thực phẩm tươi sống.

Trữ đông thực phẩm

Bạn có thể làm đông bao nhiêu kg thực phẩm tươi sống trong vòng 24 giờ như ghi trên bảng hiệu (xem bảng mẫu 9.5) trong "công suất đông lạnh ... kg/24 giờ".

Để thực phẩm được đông lạnh nhanh chóng tối đa, hãy đảm bảo số lượng sau đây cho mỗi gói:

- Trái cây, rau củ tối đa 1 kg
- Thịt nặng tới 2.5 kg

Trước khi đông lạnh hàng hóa, vui lòng đảm bảo những điều sau:

- SuperFrost được kích hoạt (xem 6.3 Chức năng) khi lượng thực phẩm cần đông lạnh vượt quá khoảng 2kg.
- Với một lượng nhỏ hàng đông lạnh: SuperFrost được kích hoạt khoảng trước 6 giờ.
- Với số lượng hàng đông lạnh tối đa: SuperFrost được kích hoạt khoảng trước 24 giờ.



Sắp xếp món ăn của bạn như sau:

THẬN TRỌNG

Nguy cơ bị thương do mảnh thủy tinh!

Chai và lon nước uống có thể nổ nếu đông lạnh. Điều này đặc biệt áp dụng cho đồ uống có ga.

► Chỉ đóng băng chai và lon đồ uống khi sử dụng chức năng hẹn giờ đóng chai - *bottle timer*.

Với số lượng ít thực phẩm đông lạnh:

- Đặt hàng tạp hóa đã đóng gói vào ngăn kéo trên cùng.
- Nếu có thể, hãy đặt hàng hóa ở phía sau ngăn kéo, gần bức tường phía sau.

Với số lượng hàng đông lạnh tối đa:

► Phân bổ hàng hóa đã đóng gói vào tất cả các ngăn kéo, nhưng không đặt bất kỳ hàng hóa nào vào ngăn kéo dưới cùng.

► Nếu có thể, hãy đặt hàng hóa ở phía sau ngăn kéo, gần bức tường phía sau.

Với số lượng hàng đông lạnh tối đa:

► Sau khi SuperFrost tự động ngừng hoạt động, hãy đặt thực phẩm vào ngăn kéo.

Rã đông thực phẩm

- Trong tủ lạnh
- Trong lò vi sóng
- Trong bếp/lò nướng
- Ở nhiệt độ phòng



CẢNH BÁO

Nguy cơ ngộ độc thực phẩm!

► Không cấp đông lạnh lại thực phẩm đã rã đông.

► Chỉ lấy ra những thực phẩm bạn cần vào thời điểm đó.

► Nấu thực phẩm đã rã đông càng sớm càng tốt.

Khay đông lạnh

Sử dụng khay đông lạnh để đựng các loại quả mọng, thảo mộc, rau củ và các loại hàng hóa nhỏ khác mà chúng không bị đông cứng trong quá trình chế biến. Thực phẩm sẽ giữ được hình dạng và dễ dàng chia thành các phần sau này.

Bạn cũng có thể bảo quản các gói đông lạnh trong khay đông lạnh để tiết kiệm không gian.

► Trải thực phẩm, chưa đậy kín, ở khoảng cách vừa phải, trên toàn bộ bề mặt của khay đông lạnh.

4.2 Thời gian bảo quản

Hãy tham khảo thời gian lưu trữ được chỉ định làm hướng dẫn.

Trong trường hợp thực phẩm có thời hạn sử dụng tối thiểu thì ngày ghi trên bao bì vẫn được áp dụng.

Thời gian bảo quản khuyến nghị cho các loại thực phẩm khác nhau

| Loại thực phẩm | Nhiệt độ | Thời gian bảo quản |
|---------------------|----------|--------------------|
| Kem | -18 °C | 2 đến 6 tháng |
| Xúc xích, giăm bông | -18 °C | 2 đến 3 tháng |
| Bánh mì, món nướng | -18 °C | 2 đến 6 tháng |
| Thịt lợn | -18 °C | 6 đến 9 tháng |
| Cá béo | -18 °C | 2 đến 6 tháng |
| Cá nạc | -18 °C | 6 đến 8 tháng |
| Phô mai | -18 °C | 2 đến 6 tháng |
| Gia cầm, thịt bò | -18 °C | 6 đến 12 tháng |
| Rau củ quả | -18 °C | 6 đến 12 tháng |

5 Tiết kiệm năng lượng

- Chú ý đến thông gió tốt. Không che các lỗ thông gió hoặc lưới.

- Luôn giữ cho các khe gió của quạt thông thoáng.

- Không lắp đặt thiết bị dưới ánh nắng trực tiếp, cạnh lò nướng, bộ tản nhiệt hoặc thiết bị tương tự.

- Mức tiêu thụ năng lượng phụ thuộc vào điều kiện lắp đặt, ví dụ: nhiệt độ môi trường (xem 1.4 Phạm vi sử dụng của thiết bị). Nhiệt độ môi trường xung quanh ấm hơn có thể làm tăng mức tiêu thụ năng lượng.

- Mở thiết bị trong thời gian ngắn nhất có thể.

- Nhiệt độ càng thấp thì mức tiêu thụ năng lượng càng cao.

Điều khiển

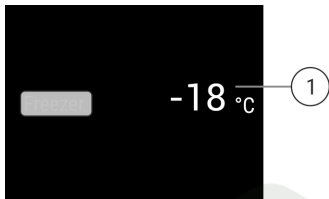
- Thực phẩm được đóng gói và đậy nắp cẩn thận. Điều này ngăn ngừa sương giá hình thành.
- Cho thức ăn còn ấm vào: trước tiên để nguội về nhiệt độ phòng.

6 Điều khiển

6.1 Điều khiển và hiển thị

Màn hình hiển thị cung cấp cho bạn cái nhìn tổng quan nhanh chóng về cài đặt nhiệt độ cũng như trạng thái của các chức năng và cài đặt. Chọn hoặc điều chỉnh các chức năng bằng cách kích hoạt/hủy kích hoạt hoặc chọn một giá trị.

6.1.1 Tình trạng hiển thị



Hình. 6

(1) Hiển thị nhiệt độ

Màn hình Trạng thái hiển thị nhiệt độ đã đặt và là màn hình chính. Từ đó, bạn có thể điều hướng đến các tùy chọn và cài đặt.

6.1.2 Điều hướng

Điều hướng trong menu để truy cập các chức năng riêng lẻ. Tín hiệu âm thanh sẽ phát ra sau khi xác nhận một chức năng hoặc cài đặt. Nếu không có lựa chọn nào được thực hiện sau 10 giây, màn hình sẽ chuyển sang màn hình Trạng thái.

| Điều hướng | Mô tả |
|------------|---|
| | Nhấn nhanh Kích hoạt/hủy kích hoạt chức năng. Xác nhận lựa chọn. Mở menu con. |
| | Giữ (3 giây) Kích hoạt/hủy kích hoạt chức năng. Thanh tăng/giảm xuất hiện trên màn hình. Xác nhận lựa chọn. Đặt lại thiết bị/giá trị. Bật/tắt thiết bị. |
| | Vuốt Điều hướng trong menu. Tìm kiếm các giá trị. |
| | Nhấn nhanh biểu tượng "Back" Màn hình quay lại một mức |

| Điều hướng | Mô tả |
|----------------------|---|
| Đề yên trong 10 giây | Màn hình chuyển sang màn hình Trạng thái. |

6.1.3 Hiển thị ký hiệu

Các biểu tượng hiển thị cung cấp thông tin về trạng thái hiện tại của thiết bị:

| Ký hiệu | Trạng thái thiết bị |
|---------|--|
| | Chế độ chờ Thiết bị hoặc vùng nhiệt độ đã tắt. |
| | Số nhấp nháy Thiết bị đang hoạt động. Nhiệt độ nhấp nháy cho đến khi đạt đến nhiệt độ cài đặt. |
| | |
| | Biểu tượng nhấp nháy Thiết bị đang hoạt động. Việc thiết lập đã được thực hiện. |
| | |

6.2 Khái niệm điều khiển

6.2.1 Kích hoạt/vô hiệu hóa chức năng

Bạn có thể kích hoạt/hủy kích hoạt các chức năng sau:

| Ký hiệu | Chức năng |
|---------|-----------------------------------|
| | SuperFrost ^x |
| | IceMaker and MaxIce ^{**} |
| | Chế độ Party ^x |
| | Tiết kiệm điện năng |

^x Khi chức năng này được bật, thiết bị sẽ hoạt động mạnh hơn. Điều này có nghĩa là tiếng ồn của thiết bị khi hoạt động có thể to hơn trong một thời gian ngắn và sẽ tiêu tốn nhiều năng lượng hơn.

- ▶ Vuốt sang trái trên màn hình cho đến khi chức năng này xuất hiện.
- ▶ Xác nhận chức năng đã chọn bằng một cú chạm ngắn.
- ▷ Bạn nghe thấy âm xác nhận.
- ▷ Trạng thái xuất hiện trên menu.
- ▷ Chức năng đang bật/tắt.

6.2.2 Lựa chọn giá trị hàm

Với các chức năng sau, bạn có thể đặt giá trị trong menu phụ:


| Ký hiệu | Chức năng |
|---------|------------------|
| | Cài đặt nhiệt độ |
| | Bật tắt thiết bị |

- ▶ Vuốt sang trái trên màn hình cho đến khi chức năng này xuất hiện.
- ▶ Xác nhận chức năng đã chọn bằng một cú chạm ngắn.
- ▶ Chọn giá trị cài đặt bằng cách vuốt màn hình.
- ▶ Nhấn nhanh để xác nhận giá trị đã chọn.

6.2.3 Kích hoạt/hủy kích hoạt cài đặt

Bạn có thể kích hoạt/hủy kích hoạt các cài đặt sau:

| Ký hiệu | Mô tả |
|--|---------------------------------------|
|  | WiFi1 |
|  | Entry lock ² |
|  | Trạng thái đèn (trạng thái hiển thị)* |
|  | Chế độ Sabbath ² |
|  | Nhắc nhở ¹ |
|  | Cài đặt lại ² |
|  | Tắt ² |

- ▶ Vuốt trái trên màn hình hiển thị tới khi  hiển thị
- ▶ Chạm để xác nhận Cài đặt
- ▶ Vuốt cho tới khi bạn thấy chức năng bạn cần.

¹ Kích hoạt cài đặt (nhấn nhanh)





- ▶ Nhấn nhanh để xác nhận.
- ▷ Bạn nghe thấy âm xác nhận.
- ▷ Trạng thái xuất hiện trong menu.
- ▷ Cài đặt đang bật/tắt.


² Kích hoạt cài đặt (nhấn lâu)

- ▶ Nhấn lựa chọn trong 3 giây để xác nhận.
- ▷ Bạn nghe thấy âm xác nhận.
- ▷ Trạng thái xuất hiện trong menu.
- ▷ Hiển thị các thay đổi.

6.2.4 Chọn giá trị cài đặt




Với các cài đặt sau, bạn có thể đặt giá trị trong menu phụ:



| Ký hiệu | Cài đặt |
|--|-----------------|
|  | Độ sáng |
|  | Cảnh báo cửa |
|  | Đơn vị nhiệt độ |
|  | Ngôn ngữ |

- ▶ Vuốt trái trên màn hình hiển thị tới khi  xuất hiện.
- ▶ Chạm để xác nhận Cài đặt
- ▶ Vuốt cho tới khi bạn thấy chức năng bạn cần.
- ▶ Chạm nhẹ để xác nhận
- ▶ Chọn giá trị cài đặt mong muốn bằng cách vuốt màn hình.
- ▶ Chạm nhẹ để xác nhận.
- ▷ Bạn nghe thấy âm xác nhận.
- ▷ Trạng thái xuất hiện trong menu.
- ▷ Màn hình chuyển trở lại menu.

6.2.5 Vào menu Khách hàng

Bạn có thể thấy các cài đặt sau trong menu Khách hàng:

| Ký hiệu | Chức năng |
|---|-----------------------|
|  | TubeClean2* |
|  | Đá viên ^{1*} |
|  | Phần mềm |

- ▶ Vuốt sang trái trên màn hình cho đến khi  xuất hiện
- ▶ Nhấn vào cài đặt.
- ▷ Menu con xuất hiện.
- ▶ Vuốt sang trái trên màn hình đến khi thông tin về công cụ  xuất hiện.

- ▶ Nhấn trong 3 giây.
- ▷ Menu nhập mã số sẽ xuất hiện.
- ▶ Nhập mã số 151.
- ▷ Menu khách hàng xuất hiện.
- ▶ Vuốt sang trái trên màn hình cho đến khi cài đặt mong muốn xuất hiện.

¹ Chọn giá trị

- ▶ Xác nhận bằng một cú chạm ngắn..
- ▷ Bạn nghe thấy âm xác nhận.
- ▷ Trạng thái xuất hiện nhanh trên màn hình.
- ▷ Màn hình chuyển trở lại menu.

² Kích hoạt cài đặt

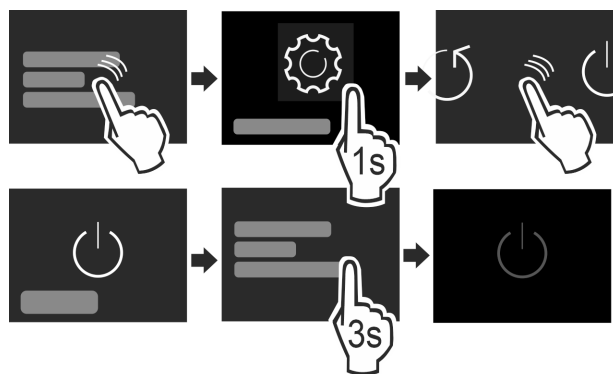
- ▶ Để xác nhận, nhấn vào màn hình trong 3 giây.
- ▷ Bạn nghe thấy âm xác nhận.
- ▷ Trạng thái xuất hiện trên màn hình.
- ▷ Biểu tượng nhấp nháy trong thời gian thiết bị đang hoạt động.

6.3 Chức năng

Tắt thiết bị

Cài đặt này sẽ tắt toàn bộ thiết bị.

Tắt toàn bộ thiết bị



Hình. 7

- ▶ Tắt Máy làm đá - IceMaker.*
- ▶ Kích hoạt/hủy kích hoạt (xem phần 6.2 Khái niệm điều khiển).
- ▷ Off: Màn hình chuyển sang màu đen.

Điều khoản



WiFi

Sử dụng chức năng này để kết nối thiết bị của bạn với WiFi. Sau đó, bạn có thể vận hành nó thông qua ứng dụng SmartDevice trên thiết bị di động. Bạn cũng có thể sử dụng chức năng này để ngắt kết nối hoặc đặt lại kết nối WiFi. Để kết nối thiết bị của bạn với WiFi, bạn cần có SmartDeviceBox. Để biết thêm thông tin về SmartDeviceBox và cách sử dụng ứng dụng SmartDevice: (xem 1.3 SmartDevice)

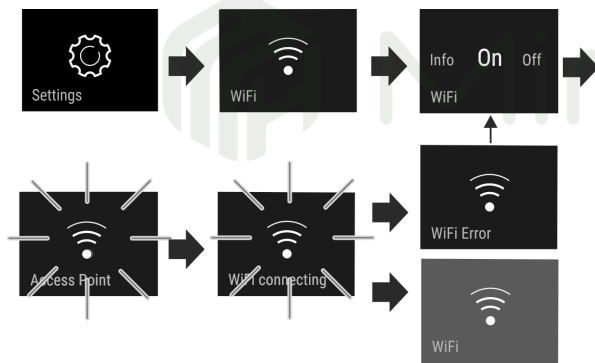
Ghi chú

Bạn không thể sử dụng SmartDeviceBox ở các quốc gia sau: Belarus, Kazakhstan, Nga. Chức năng SmartDevice không khả dụng.

Thiết lập kết nối WiFi

Đảm bảo rằng các yêu cầu sau được đáp ứng:

- Bạn đã mua và lắp SmartDeviceBox. (xem 1.3 SmartDevice) *
- Bạn đã cài đặt ứng dụng SmartDevice (xem apps.home.liebherr.com).
- Đăng ký trong ứng dụng SmartDevice đã hoàn tất.

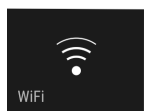
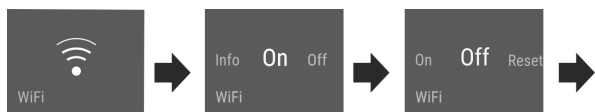


Hình. 8

- ▶ Kích hoạt cài đặt. (xem 6.2 khái niệm Kiểm soát)
- ▷ Kết nối được thiết lập: Kết nối xuất hiện. Biểu tượng nhấp nháy.
- ▷ Kết nối được thiết lập: WiFi xuất hiện, màn hình chuyển sang màu xanh lam.
- ▷ Kết nối không thành công: Lỗi WiFi xuất hiện..

Ngắt kết nối khỏi WiFi

- ▶ Tắt cài đặt. (xem 6.2 Khái niệm kiểm soát)

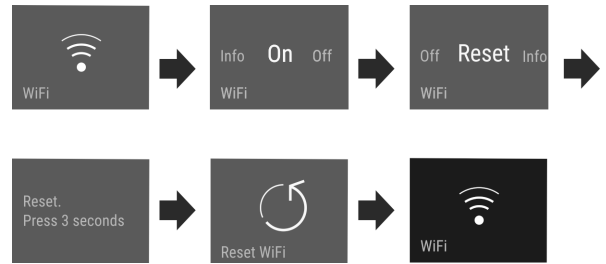


Hình. 9

- ▷ Không có kết nối: Biểu tượng được hiển thị vĩnh viễn.

Đặt lại kết nối WiFi

- ▶ Đặt lại cài đặt. (xem 6.2 Khái niệm kiểm soát)



Hình. 10

- ▷ Kết nối và các cài đặt khác được đặt lại về cài đặt gốc.

-18 °C Nhiệt độ

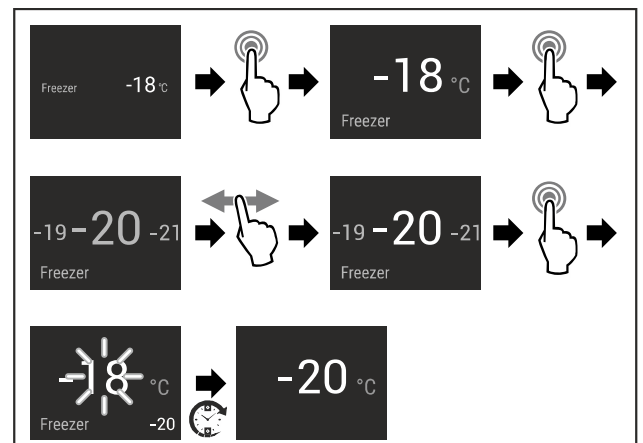
Nhiệt độ phụ thuộc vào các yếu tố sau:

- Số lần mở cửa
- Cửa mở được bao lâu?
- Nhiệt độ phòng của nơi lắp đặt
- Loại, nhiệt độ và số lượng thực phẩm

Ngăn đông lạnh Cài đặt khuyến nghị

-18 °C -18 °C

Cài đặt nhiệt độ



Hình. 11

- ▶ Hoàn thành các bước.
- ▷ Nhiệt độ được thiết lập.

°C/°F Đơn vị nhiệt độ

Cài đặt này cho phép bạn chuyển đổi giữa độ C và độ F làm đơn vị nhiệt độ.

Lựa chọn giá trị cài đặt

- ▶ Đặt giá trị (xem 6.2 Khái niệm điều khiển).

* * * SuperFrost

Chức năng này chọn nhiệt độ đóng băng thấp nhất. Điều này giúp bạn có nhiệt độ bảo quản lạnh hơn.

Sử dụng:

- Để lưu trữ hơn 2 kg thực phẩm tươi sống mỗi ngày.
- Làm lạnh thực phẩm tươi sống nhanh chóng tối đa.
- Tăng lượng dự trữ lạnh trong hàng hóa được bảo quản trước khi rã đông thiết bị.

Kích hoạt/vô hiệu hóa chức năng

- Với một lượng nhỏ thức ăn để trữ đông:
- ▶ Kích hoạt 6 giờ trước khi sử dụng.
- Với một lượng lớn thức ăn để trữ đông:
- ▶ Kích hoạt 24 giờ trước khi sử dụng.
- ▶ Kích hoạt/hủy kích hoạt (xem 6.2 Khái niệm kiểm soát).
- hoặc-**
- ▶ Kích hoạt/hủy kích hoạt bằng ứng dụng SmartDevice.*

Chức năng này sẽ tự động tắt. Thiết bị trở lại chế độ bình thường. Nhiệt độ tự điều chỉnh đến mức cài đặt.

Chế độ Party

Tùy chọn này cung cấp một loạt các chức năng và cài đặt đặc biệt hữu ích nếu bạn đang tổ chức một bữa tiệc.

Các chức năng sau đây được bật:

- SuperFrost
- IceMaker and MaxIce*

Tất cả các chức năng có thể được điều chỉnh linh hoạt và riêng biệt. Các thay đổi sẽ bị loại bỏ khi chức năng tắt.

Kích hoạt/vô hiệu hóa chức năng

- ▶ Kích hoạt/vô hiệu hóa (xem phần 6.2 Khái niệm điều khiển).
- ▷ On: Tất cả các chức năng được kích hoạt cùng lúc.
- ▷ Tắt: Nhiệt độ đã cài đặt trước đó sẽ được khôi phục. Sau 24 giờ, chức năng này sẽ tự động tắt.

Chế độ Sabbath

Với chức năng này, bạn có thể kích hoạt hoặc hủy kích hoạt Chế độ Sabbath. Nếu bạn kích hoạt chức năng này, một số chức năng điện tử sẽ bị tắt. Điều này cho phép thiết bị của bạn đáp ứng các yêu cầu tôn giáo vào các ngày lễ của người Do Thái như ngày Sa-bát và tuân thủ chứng nhận STAR-K Kosher.

| |
|--|
| Trạng thái thiết bị với Chế độ Sabbath đang hoạt động |
| Màn hình hiển thị trạng thái liên tục hiển thị SabbathMode. |
| Tất cả các chức năng trên màn hình ngoại trừ chức năng Deactivate SabbathMode - Tắt chế độ Sabbath bị khóa. |
| Các chức năng hoạt động vẫn hoạt động. |
| Màn hình vẫn sáng khi bạn đóng cửa. |
| Đèn bên trong tắt. |
| Lời nhắc bị vô hiệu hóa. Khoảng thời gian đã đặt sẽ bị tạm dừng. |
| Lời nhắc và cảnh báo không được hiển thị. |
| Không có báo động cửa. |
| Không có báo động nhiệt độ. |
| Máy làm đá không hoạt động.* |
| Chu trình rã đông chỉ hoạt động trong thời gian nhất định mà không tính đến việc sử dụng thiết bị. |
| Sau khi mất điện, thiết bị sẽ hoạt động trở lại Chế độ ngày Sabát (SabbathMode). |

Trạng thái thiết bị

Lưu ý

Thiết bị này có chứng nhận từ "Viện Khoa học và Halacha". (www.machonhalacha.co.il)

Bạn có thể tìm thấy danh sách các thiết bị được chứng nhận STAR-K tại www.star-k.org/appliances.

Kích hoạt chế độ SabbathMode



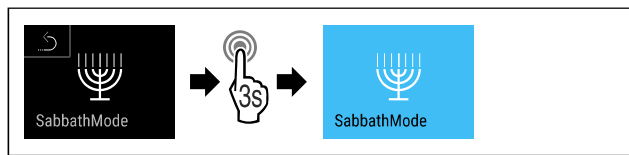
CẢNH BÁO

Nguy cơ ngộ độc thực phẩm từ thực phẩm hư hỏng! Nếu bạn đã kích hoạt Chế độ Sabbath và xảy ra mất điện, sẽ không có thông báo nào xuất hiện trên màn hình trạng thái về mất điện. Sau khi có điện trở lại, thiết bị sẽ tiếp tục hoạt động ở Chế độ Sabbath. Mất điện có thể khiến thực phẩm bị hỏng và việc tiêu thụ thực phẩm này có thể dẫn đến ngộ độc thực phẩm.

Sau khi mất điện:

- ▶ Không tiêu thụ thực phẩm đã đông lạnh và rã đông.
- ▶ Mở menu cài đặt. (xem 6.2 Khái niệm kiểm soát)

- ▶ Vuốt sang trái hoặc phải cho đến khi hiển thị chức năng tương ứng.

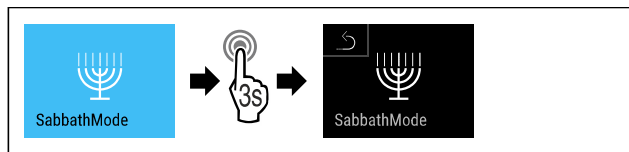


Hình. 12

- ▶ Hoàn thành các bước (xem Hình 12).
- ▷ SabbathMode được kích hoạt.
- ▷ Màn hình hiển thị liên tục hiển thị SabbathMode.

Tắt chế độ Sabbath

- ▶ Mở menu cài đặt. (xem 6.2 Khái niệm kiểm soát)
- ▶ Vuốt sang trái hoặc phải cho đến khi hiển thị chức năng tương ứng.



Hình. 13

- ▶ Hoàn thành tất cả các bước(xem Hình. 13).
- ▷ SabbathMode bị vô hiệu hóa.

Tiết kiệm năng lượng - EnergySaver

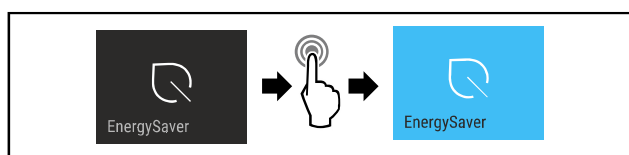
Chức năng này kích hoạt hoặc hủy kích hoạt chế độ tiết kiệm năng lượng. Khi bạn kích hoạt chức năng này, mức tiêu thụ năng lượng sẽ giảm và nhiệt độ trong thiết bị tăng thêm 2 °C. Thực phẩm vẫn tươi nhưng thời hạn sử dụng bị rút ngắn.

| Vùng nhiệt độ | Nhiệt độ khuyến nghị | Nhiệt độ khi chế độ EnergySaver được kích hoạt |
|---------------|----------------------|--|
| -18 °C | -18 °C | -16 °C |

Nhiệt độ

Kích hoạt chế độ EnergySaver

- ▶ Vuốt sang trái hoặc phải cho đến khi hiển thị chức năng tương ứng.



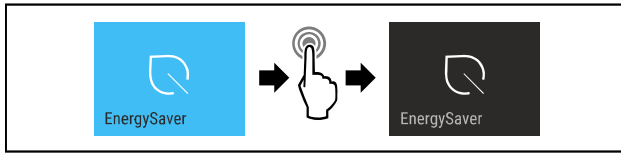
Hình. 14

- ▶ Hoàn thành các bước (xem Hình. 14).
- ▷ Chế độ Energy-saving được kích hoạt

Điều khiển

Vô hiệu hoá chế độ EnergySaver

▶ Vuốt sang trái hoặc phải cho đến khi hiển thị chức năng tương ứng.



Hình. 15

- ▶ Hoàn thành các bước (xem Hình. 15).
- ▷ Chế độ Energy-saving bị vô hiệu hoá



IceMaker / MaxIce*

Bạn có thể kích hoạt hoặc hủy kích hoạt tính năng sản xuất đá viên bằng chức năng IceMaker. Sử dụng chức năng MaxIce để tăng số lượng đá viên trong IceMaker.

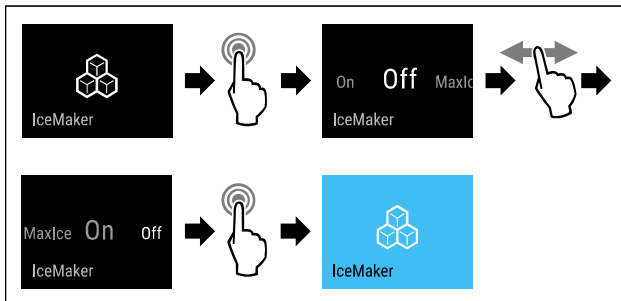
| | |
|---|-----------------------------|
| Thông tin thêm về số lượng đá viên: | (xem 9.1 thông số kỹ thuật) |
| Thông tin thêm về kích thước của đá viên: | (xem Ice cubes*) |
| Thông tin thêm về cách làm sạch của IceMaker: | (xem TubeClean*) |

Kích hoạt máy làm đá IceMaker

Đảm bảo rằng các yêu cầu sau được đáp ứng:

- Nguồn cấp nước được thiết lập tại điểm đầu nối nước cố định. Xem hướng dẫn cài đặt.*
- IceMaker được đưa vào hoạt động. (xem phần 7.5 Máy làm đá*)

▶ Vuốt sang trái hoặc phải cho đến khi hiển thị chức năng tương ứng.



Hình. 16

- ▶ Hoàn thành các bước (xem Hình. 16).

-hoặc-

- ▶ Kích hoạt bằng ứng dụng SmartDevice.

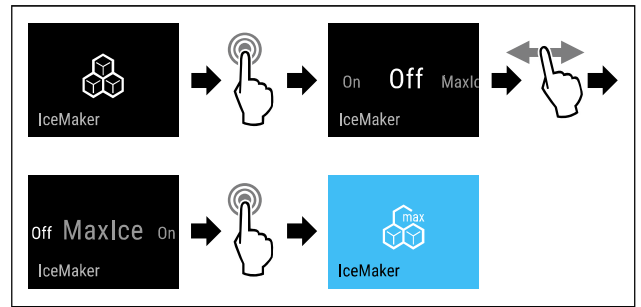
▷ IceMaker được kích hoạt. Có thể mất tới 24 giờ để IceMaker tạo ra những viên đá đầu tiên.

Kích hoạt Máy làm đá IceMaker bằng MaxIce

Nếu trước đây bạn chưa kích hoạt chức năng IceMaker, hãy đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau:

- Nguồn cấp nước được thiết lập tại điểm đầu nối nước cố định. Xem hướng dẫn cài đặt.*
- IceMaker được đưa vào hoạt động. (xem phần 7.5 Máy làm đá*)

▶ Vuốt sang trái hoặc phải cho đến khi hiển thị chức năng tương ứng.



Hình. 17

- ▶ Hoàn thành các bước (xem Hình. 17).

-hoặc-

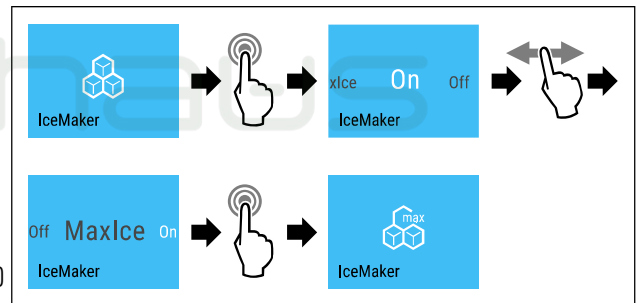
- ▶ Kích hoạt bằng ứng dụng SmartDevice.

▷ Máy làm đá được kích hoạt bằng MaxIce.

Thay đổi giữa IceMaker và MaxIce

Nếu bạn đã kích hoạt IceMaker và muốn đổi sang MaxIce:

- ▶ Vuốt sang trái hoặc phải cho đến khi hiển thị chức năng tương ứng.



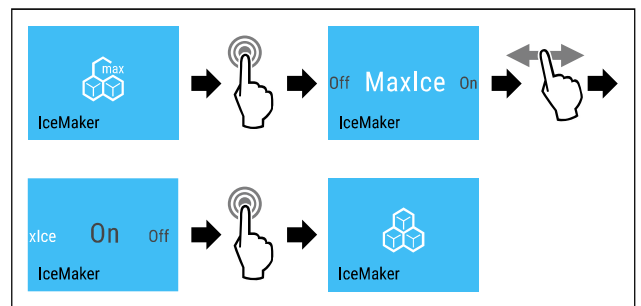
Hình. 18

- ▶ Hoàn thành các bước (xem Hình. 18).

▷ Máy làm đá được kích hoạt bằng MaxIce.

Nếu bạn đã kích hoạt MaxIce và muốn đổi sang IceMaker:

- ▶ Vuốt sang trái hoặc phải cho đến khi hiển thị chức năng tương ứng.



Hình. 19

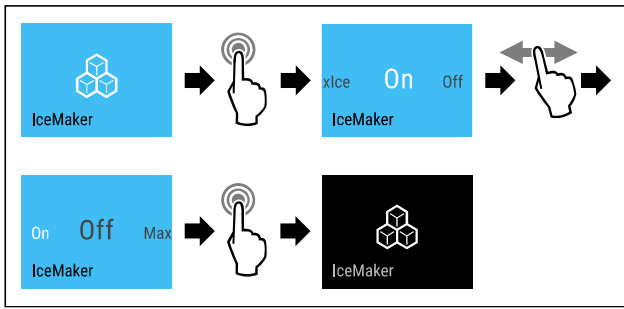
- ▶ Hoàn thành các bước (xem Hình. 19).

▷ IceMaker được kích hoạt.

▷ MaxIce bị vô hiệu hoá.

Vô hiệu hoá IceMaker / MaxIce

- ▶ Vuốt sang trái hoặc phải cho đến khi hiển thị chức năng tương ứng.



Hình. 20 Ví dụ minh họa việc mở chức năng IceMaker

▶ Hoàn thành các bước (xem Hình. 20).

-hoặc-

▶ Vô hiệu hóa bằng ứng dụng SmartDevice.

▷ IceMaker và MaxIce đã bị vô hiệu hóa.

▷ Nếu đá viên đang được tạo, hệ thống sẽ hoàn tất quy trình.

▷ Máy làm đá tự động tắt.

5

Đá viên - Ice cubes*

Cài đặt kích thước viên đá.*

Chọn cài đặt*

▶ Đặt kích thước trong menu Customer (xem 6.2 Kiểm soát ý tưởng).



TubeClean*

Cài đặt này sẽ làm sạch đường ống IceMaker.*

Đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau:*

Làm sạch IceMaker đã sẵn sàng (xem 8.3.6 Làm sạch IceMaker*)

Kích hoạt cài đặt*

▶ Kích hoạt cài đặt trong menu Khách hàng (xem 6.2 Khái niệm kiểm soát).

▷ Quá trình xả đã sẵn sàng (tối đa 60 phút): Biểu tượng nhấp nháy.

▷ Ống nước đã được rửa sạch: Biểu tượng nhấp nháy.

▷ Quá trình rửa hoàn tất: Chức năng tự động tắt.



Trạng thái đèn (trạng thái hiển thị)*

Cài đặt này kích hoạt và tắt đèn trạng thái (hiển thị trạng thái). Sau khi bạn kích hoạt đèn trạng thái, màu của đèn cho biết trạng thái của thiết bị khi cửa đóng. Khi cửa mở, đèn trạng thái không hoạt động.*

Khi bạn khởi động thiết bị, đèn trạng thái sẽ tắt theo mặc định.*

| Trạng thái đèn* | Trạng thái của thiết bị* |
|-----------------------|---|
| Đèn màu xanh | Thiết bị đang hoạt động hoàn hảo. |
| Đèn màu đỏ, nhấp nháy | Mất điện (xem Cắt điện) |
| Tín hiệu âm thanh | Báo động nhiệt độ (xem Báo động nhiệt độ - Temperature alarm) |
| | Lỗi (xem Lỗi- Error) |

Bật/tắt cài đặt*

▶ Kích hoạt/hủy kích hoạt cài đặt.(xem 6.2.3 Kích hoạt/hủy kích hoạt cài đặt)

▷ Đã kích hoạt: Đèn trạng thái sáng lên màu xanh hoặc đỏ khi cửa đóng.

▷ Đã tắt: Đèn trạng thái không sáng.



Độ sáng màn hình

Đặt mức độ sáng của màn hình.

Bạn có thể đặt các mức độ sáng sau:

- 40%
- 60%
- 80%
- 100%

Chọn cài đặt

▶ Đặt mức (xem 6.2 Khái niệm kiểm soát).



Chuông cửa

Đặt thời gian trước khi chuông báo cửa (xem Đóng cửa) kêu lên.

Các tùy chọn như sau:

- 1 min
- 2 min
- 3 min
- Off

Chọn cài đặt

▶ Đặt thời gian (xem 6.4 Thông báo lỗi).



Entry lock - Khóa

Cài đặt này ngăn chặn việc vô tình sử dụng thiết bị, ví dụ: bởi trẻ em.

Sử dụng:

- Tránh việc thay đổi cài đặt ngoài ý muốn.
- Tránh việc thiết bị bị tắt ngoài ý muốn.
- Tránh nhiệt độ bị thay đổi ngoài ý muốn.

Kích hoạt/vô hiệu hóa cài đặt

▶ Kích hoạt/hủy kích hoạt.(xem 6.2 Khái niệm điều khiển)



Ngôn ngữ

Cài đặt này cho phép bạn chọn ngôn ngữ hiển thị.

Chọn từ các ngôn ngữ sau:

- Tiếng Đức
- Tiếng Anh
- Tiếng Pháp
- Tiếng Tây Ban Nha
- Tiếng Ý
- Tiếng Hà Lan
- Tiếng Séc
- Tiếng Ba Lan
- Tiếng Bồ Đào Nha
- Tiếng Nga
- Tiếng Trung Quốc

Đặc điểm

Kích hoạt/vô hiệu hóa cài đặt

- ▶ Kích hoạt/vô hiệu hóa (xem 6.2 Khái niệm kiểm soát).



Thông tin

Cài đặt này cho phép đọc thông tin thiết bị cũng như truy cập vào menu khách hàng.

Nó cung cấp các thông tin sau:

- Tên sản phẩm
- Mục lục
- Số Seri
- Số dịch vụ

Hiện thị dữ liệu thiết bị

- ▶ Vuốt trên màn hình cho đến khi xuất hiện.
- ▶ Xác nhận màn hình.
- ▶ Vuốt trên màn hình cho đến khi About xuất hiện.
- ▶ Đọc thông tin thiết bị.



Lời nhắc nhở

Lời nhắc được đưa ra bằng âm thanh bằng tiếng bíp và bằng hình ảnh bằng biểu tượng trên màn hình. Tín hiệu sẽ to hơn cho đến khi cảnh báo dừng lại.

Kích hoạt cài đặt

- ▶ Kích hoạt/vô hiệu hóa (xem 6.2 Khái niệm kiểm soát).



Cài lại

Chức năng này đặt lại tất cả các cài đặt về cài đặt gốc. Tất cả cài đặt bạn đã thực hiện cho đến nay sẽ được đặt lại về giá trị ban đầu.

Kích hoạt cài đặt

- ▶ Kích hoạt (xem 6.2 Khái niệm kiểm soát).

6.4 Thông báo lỗi

Thông báo lỗi xuất hiện trên màn hình. Có hai loại thông báo lỗi:

| Lỗi | Ý nghĩa |
|----------|---|
| Tin nhắn | Nhắc nhở các quy trình chung. Bạn có thể thực hiện các quy trình này để loại bỏ tin nhắn. |
| Cảnh báo | Xuất hiện khi có sự cố. Một tín hiệu phát ra ngoài màn hình. Tín hiệu trở nên to hơn cho đến khi bạn xác nhận bằng cách chạm vào màn hình. Bạn có thể tự mình loại bỏ những khiếm khuyết đơn giản. Đối với những lỗi nghiêm trọng hơn, bạn phải liên hệ với bộ phận dịch vụ khách hàng. |

6.4.1 CẢNH BÁO



Đóng cửa

Thông báo này xuất hiện nếu cửa mở quá lâu.

Bạn có thể đặt khoảng thời gian để thông báo này xuất hiện.

- ▶ Dừng báo động: Xác nhận thông báo.

-hoặc-

- ▶ Đóng cửa lại.



Cắt điện

Thông báo này xuất hiện nếu nhiệt độ ngăn đông tăng do mất điện. Sau khi có điện trở lại, thiết bị vẫn tiếp tục hoạt động ở nhiệt độ đã cài đặt.

- ▶ Cảnh báo dừng: Xác nhận thông báo.
- ▷ Cảnh báo nhiệt độ xuất hiện (xem Cảnh báo nhiệt độ).



Bảo động nhiệt độ

Thông báo này xuất hiện nếu nhiệt độ không khớp với nhiệt độ đã cài đặt.

Sự thay đổi nhiệt độ có thể là do:

- Thức ăn nóng hổi, tươi ngon được đưa vào.
- Có quá nhiều không khí ẩm trong phòng tràn vào khi sắp xếp lại và lấy thức ăn ra.
- Mất điện một thời gian.
- Thiết bị bị lỗi.

Khi lỗi được loại bỏ, thiết bị tiếp tục hoạt động ở nhiệt độ đã cài đặt.

- ▶ Xác nhận hiển thị
- ▷ Nhiệt độ cao nhất được hiển thị.
- ▶ Xác nhận hiển thị lại.
- ▷ Màn hình hiển thị trạng thái được hiển thị.
- ▷ Nhiệt độ hiện tại được hiển thị.



Lỗi

Thông báo này xuất hiện nếu có lỗi xảy ra với thiết bị. Một thành phần của thiết bị cho biết có lỗi.

- ▶ Mở cửa.
- ▶ Ghi lại mã lỗi.
- ▶ Xác nhận tin nhắn.
- ▷ Âm báo tín hiệu dừng lại.
- ▷ Màn hình hiển thị trạng thái xuất hiện.
- ▶ Đóng cửa.
- ▶ Liên hệ với bộ phận dịch vụ khách hàng. (xem 9.4 Dịch vụ khách hàng)

6.4.2 Tin nhắn



Lắp ngăn IceMaker*

Thông báo này xuất hiện nếu ngăn IceMaker đang mở.

- ▶ Đẩy ngăn kéo IceMaker.
- ▷ Tin nhắn biến mất.
- ▷ The IceMaker sản xuất đá viên.

6.4.3 Chế độ Demo

Nếu "D" xuất hiện trên màn hình, chế độ demo được bật. Tùy chọn này được thiết kế dành cho các nhà bán lẻ vì nó tắt tất cả các chức năng làm mát.

Dừng chế độ Demo

Nếu bạn thấy thông báo sau đang chạy trên màn hình:

- ▶ Xác nhận màn hình trong thời gian đếm ngược.
- ▷ Chế độ Demo đã tắt.

Nếu bộ hẹn giờ không chạy:

- ▶ Rút phích cắm của thiết bị.
- ▶ Cắm lại thiết bị.
- ▷ Chế độ Demo đã tắt.

7 Đặc điểm

7.1 Ngăn kéo

Bạn có thể tháo các ngăn kéo ra để vệ sinh.

Bạn có thể tháo các ngăn kéo ra để sử dụng VarioSpace.

Cách tháo/lắp ngăn kéo khác nhau tùy thuộc vào hệ thống ngăn kéo. Thiết bị của bạn có thể chứa nhiều hệ thống ngăn kéo khác nhau.

Ghi chú

Mức tiêu thụ năng lượng tăng và công suất làm mát giảm nếu thông gió không đủ.

- ▶ Để ngăn kéo dưới cùng trong thiết bị!
- ▶ Luôn để lỗ thông hơi của quạt ở bức tường phía sau thông thoáng!

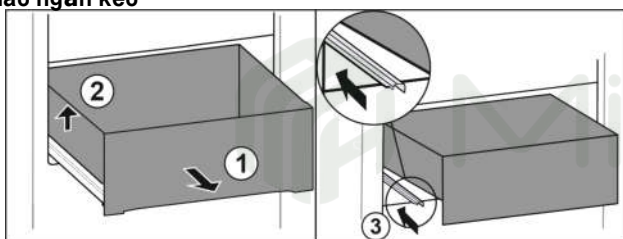
7.1.1 Ngăn kéo trên ray dạng ống lồng**

Ngăn kéo chạy trên thanh ray có thể mở rộng (thanh ray dạng ống lồng). Có các thanh ray dạng ống lồng có thể mở rộng hoàn toàn và thanh ray dạng ống lồng có thể kéo ra một phần. Các ngăn kéo có khả năng mở rộng hoàn toàn có thể được kéo ra hoàn toàn khỏi thiết bị. Không thể tháo hoàn toàn các ngăn kéo có thể kéo ra một phần khỏi thiết bị. Hệ thống trong thiết bị của bạn phụ thuộc vào loại thiết bị đó.

Ngăn kéo trên kệ kính

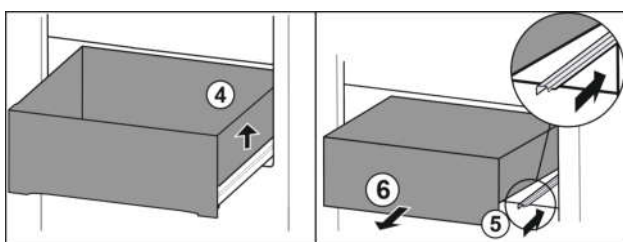
Ngăn kéo dẫn hướng trên kệ kính là loại ngăn kéo một phần.

Tháo ngăn kéo



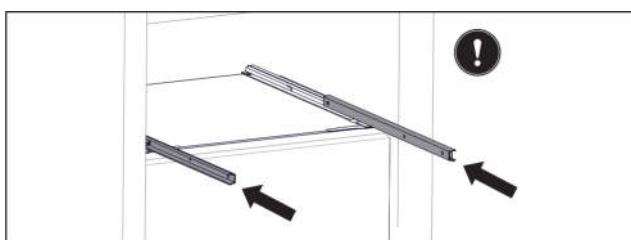
Hình. 21

- ▶ Kéo ngăn kéo ra xa nhất có thể. Hình. 21 (1)
- ▶ Nâng ngăn kéo bên trái. Hình. 21 (2)
- ▶ Lắp thanh ray bên trái. Hình. 21 (3)



Hình. 22

- ▶ Nâng ngăn kéo bên phải. Hình. 22 (4)
- ▶ Lắp thanh ray bên phải. Hình. 22 (5)
- ▶ Tháo ngăn kéo ra phía trước. Hình. 22 (6)

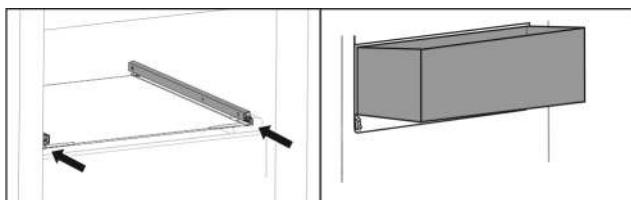


Hình. 23

Nếu các thanh ray chưa được lắp vào hoàn toàn sau khi tháo ngăn kéo:

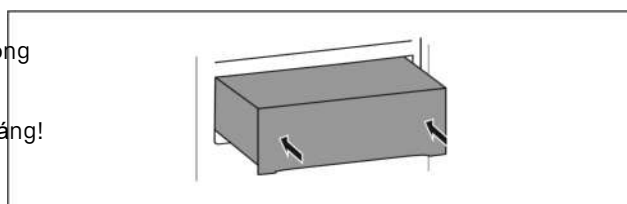
- ▶ Kéo đường ray hoàn toàn.

Chèn ngăn kéo



Hình. 24

- ▶ Trượt ray vào.
- ▶ Đặt ngăn kéo trên ray theo một góc.



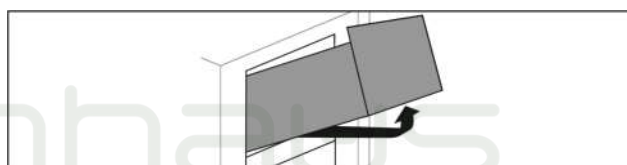
Hình. 25

- ▶ Ngăn kéo dưới.
- ▶ Trượt vào ngăn kéo phía sau.

7.1.2 Ngăn kéo nghiêng trên cùng*

Khi bạn kéo ngăn trên cùng ra, nó sẽ nghiêng về phía trước. Điều này giúp bạn nhìn rõ hơn vào ngăn kéo. Chức năng này phụ thuộc vào chiều cao của thiết bị.

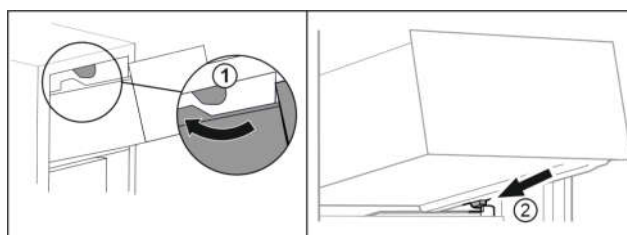
Tháo ngăn kéo



Hình. 26

- ▶ Kéo ngăn kéo ra hết mức có thể.
- ▶ Nâng ngăn kéo lên ở phía trước
- ▶ Nâng ngăn kéo lên từ bên dưới.
- ▶ Tháo ngăn kéo ra phía trước.

Chèn ngăn kéo



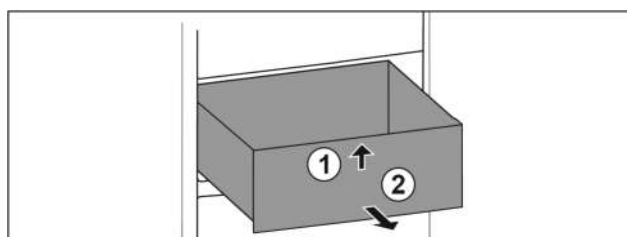
Hình. 27

- ▶ Đưa ngăn kéo vào xung quanh các nút chặn trên Hình. 27 (1)
- ▶ Đặt ngăn kéo theo khung. Hình. 27 (2)
- ▶ Hạ thấp ngăn kéo.
- ▶ Trượt về phía sau

7.1.3 Ngăn kéo trên khuôn*

Ngăn kéo chạy trực tiếp theo khuôn. Có đường ray

Tháo ngăn kéo

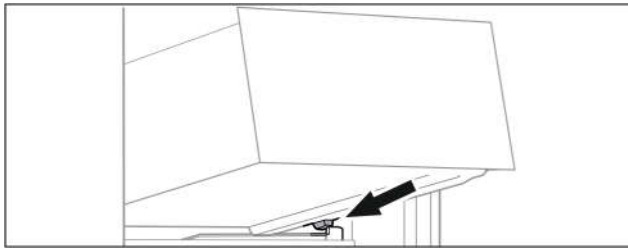


Hình. 28

- ▶ Kéo ngăn kéo ra hết mức có thể.
- ▶ Nâng ngăn kéo ở phía trước lên. Hình. 28 (1)
- ▶ Tháo ngăn kéo ra phía trước. Hình. 28 (2)

Đặc điểm

Chèn ngăn kéo



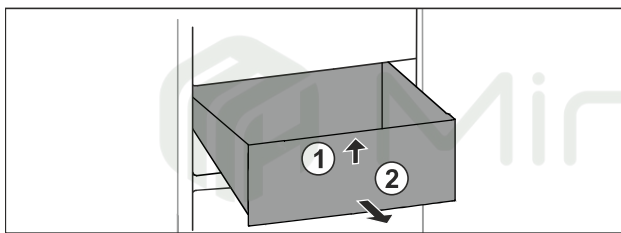
Hình. 29

- ▶ Đặt ngăn kéo ở vị trí phía trên các nút chặn trên khuôn. (xem Hình 29)
- ▶ Hạ thấp ngăn kéo.
- ▶ Trượt vào ngăn kéo vào.

7.1.4 Ngăn kéo dưới cùng

Ngăn kéo là ngăn thấp nhất trong thiết bị. Nó chạy trực tiếp theo khuôn. Không có đường ray.

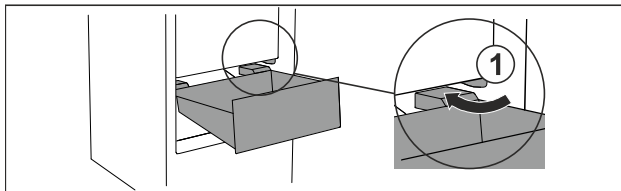
Tháo ngăn kéo



Hình. 30

- ▶ Kéo ngăn kéo ra hết mức có thể.
- ▶ Nâng ngăn kéo ở phía trước lên. Hình. 30 (1).
- ▶ Tháo ngăn kéo ra phía trước. Hình. 30 (2).

Chèn ngăn kéo



Hình. 31

- ▶ Đưa ngăn kéo vào góc xung quanh nút chặn Hình. 31 (1).
- ▶ Hạ thấp ngăn kéo
- ▶ Trượt ngăn kéo vào.

7.2 Các ngăn kéo ra với IceTower*

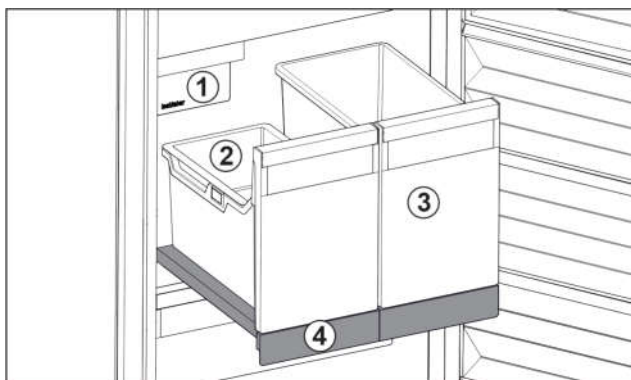


Fig. 32 Pull-out board with IceTower Hình. 32 Bảng kéo với IceTower

(1) IceMaker

(3) Đựng Pizza hoặc đồ uống có cồn.

(2) Khay treo đựng đá viên

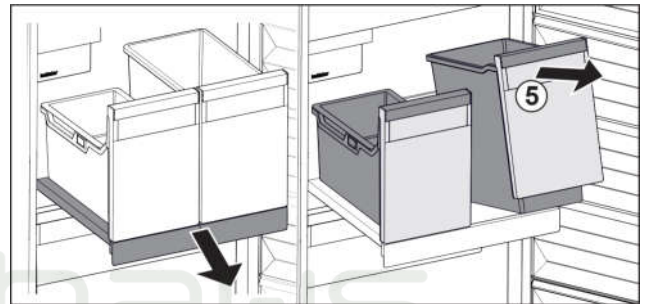
(4) Ngăn kéo ra

Có hai thùng chứa cao (IceTower) trên ngăn kéo. Đá viên từ Máy làm đá được thu thập và lưu trữ trong thùng chứa Hình. 32(2). Thùng chứa Hình. 32(3) thích hợp để bảo quản thực phẩm hoặc đồ uống có kích thước lớn như pizza hoặc đồ uống có cồn.

Bảng kéo có IceTower được gắn trên kệ kính có thanh ray kéo. Bạn có thể tháo rời ngăn kéo để vệ sinh.

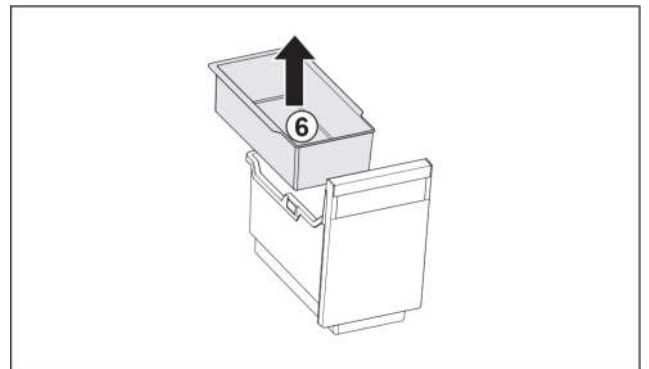
7.2.1 Tháo dỡ bảng kéo bằng IceTower

Tháo dỡ thùng chứa



Hình. 33

- ▶ Kéo bảng kéo ra.
- ▶ Nâng thùng chứa Hình. 33 (5) ở phía trước.
- ▶ Tháo dỡ thùng chứa.



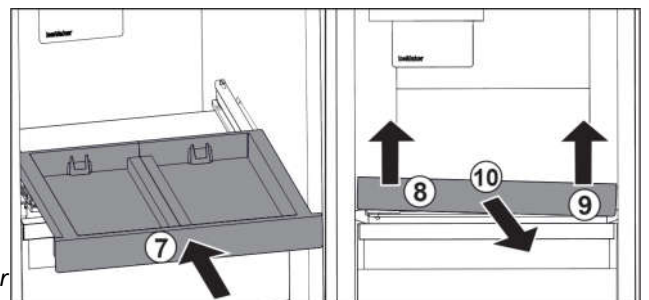
Hình. 34

- ▶ Tháo khay treo Hình. 34 (6).
- ▶ Nếu có đá viên trong khay treo: Làm trống khay treo.
- ▶ Hộp đựng và khay treo đã được tháo ra và bạn có thể làm sạch chúng. (xem 8.3.4 Làm sạch các bộ phận)

Tháo bảng kéo ra

Đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau:

- Các thùng chứa đã bị lấy ra. (xem 7.2.1.1 Di chuyển thùng chứa)



Hình. 35

- ▶ Trượt bảng kéo. Hình. 35 (7)
- ▶ Nhấc bảng kéo ở phía trước bên trái. Hình. 35 (8)

- ▶ Nhấc bảng kéo ra ở phía trước bên phải *Hình. 35 (9)*
- ▷ Bảng kéo được tách ra khỏi phụ kiện đính kèm ở phía trước.
- ▶ Lấy bảng kéo ra phía trước. *Hình. 35 (10)*
- ▷ Bảng kéo đã được tháo ra và bạn có thể vệ sinh nó. (xem 8.3.4 Làm sạch các bộ phận)

Tháo kệ kính phía dưới bảng kéo

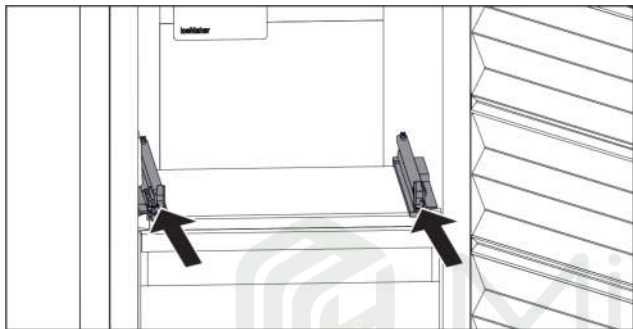
(xem 7.3 Kệ kính - Glass shelves*)

7.2.2 Lắp bảng kéo với IceTower

Lắp kệ kính từ dưới bảng kéo

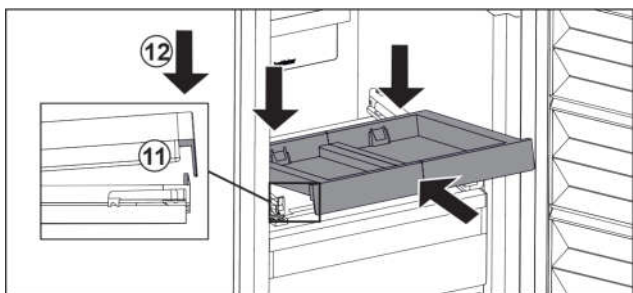
(xem 7.3 Kệ kính - Glass shelves*)

Chèn bảng kéo



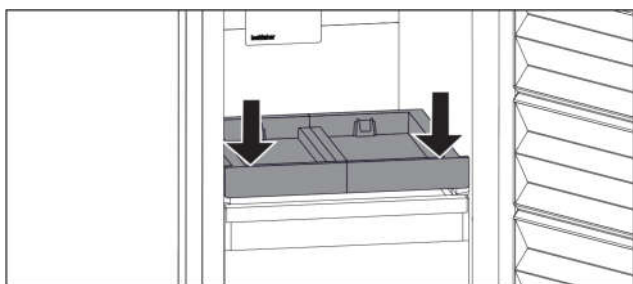
Hình. 36

- ▶ Trượt các thanh ray vào.



Hình. 37

- ▶ Đặt bảng kéo vào ở một góc phía sau chốt phía trước
- ▶ Trượt vào theo một góc. Đảm bảo rằng điểm dừng ở phía sau chốt ở cả hai bên. *Hình. 37 (11)*
- ▶ Hạ bảng kéo ở phía trước. *Hình. 37 (12)*



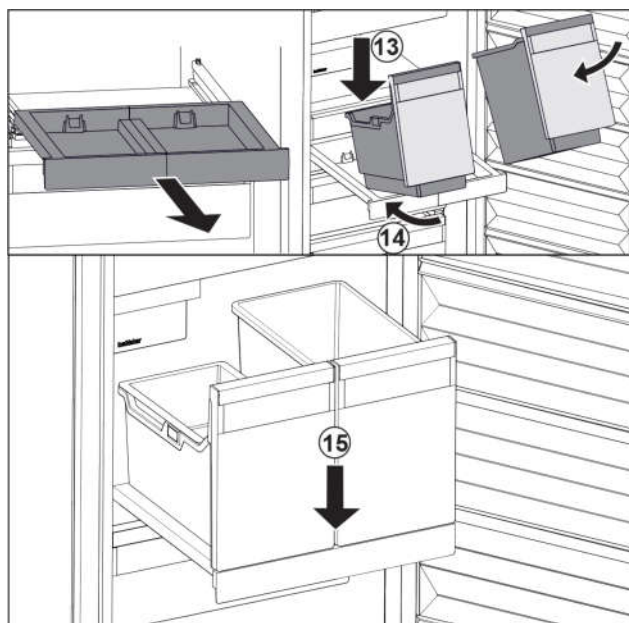
Hình. 38

- ▶ Đẩy bảng kéo xuống phía trước.
- ▷ Bảng kéo ra khớp vào vị trí.

Chèn thùng chứa

Đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau:

- Bảng kéo đã được lắp vào. (xem 7.2.2.2 Lắp bảng kéo)



Hình. 39

- ▶ Kéo bảng kéo ra.
- ▶ Giữ bảng kéo bằng một tay.

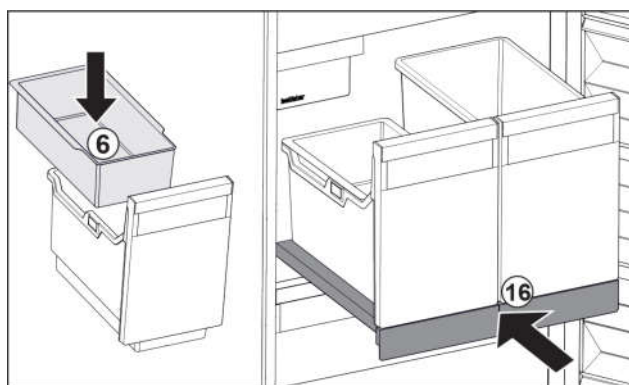
Ghi chú

Các thùng chứa được thiết kế không thể thay thế cho nhau.

- ▶ Đặt hộp đựng ở một góc trên bảng kéo.

Hình 39 (13)

- ▶ Trượt hộp đựng về phía sau. *Hình. 39 (14)*
- ▶ Đặt thùng chứa ở phía trước. *Hình. 39 (15)*



Hình. 40

- ▶ Lắp khay treo Hình. 40 (6) cho đá viên.
- ▶ Trượt vào bảng kéo có thùng chứa (IceTower) hình. 40 (16)
- ▷ Kệ kéo có IceTower được lắp vào hoàn toàn.

7.3 Kệ kính*

LƯU Ý

Việc dỡ bỏ tấm kính phía trên IceTower là không được phép!* Gây nguy hiểm tới IceMaker. IceMaker được gắn vào tấm kính phía trên IceTower.

- ▶ Không tháo tấm kính phía trên IceTower.
- Bạn có thể tháo kệ kính dưới ngăn kéo để vệ sinh.

Bạn có thể tháo kệ kính dưới ngăn kéo để sử dụng VarioSpace.

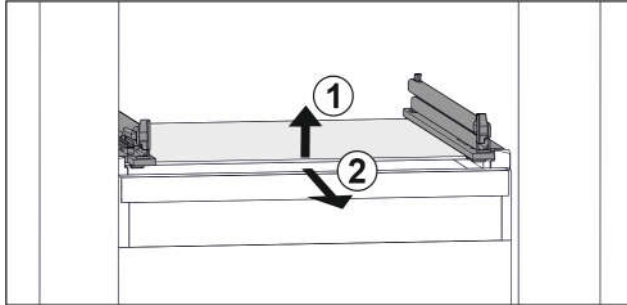
Đặc điểm

7.3.1 Tháo/lắp kệ kính

Đảm bảo rằng các yêu cầu sau được đáp ứng:

- ❑ Kệ kính dưới ngăn kéo: Ngăn kéo đã được tháo ra. (xem 7.1 Drawers)
- ❑ Bảng kéo bên dưới IceTower: IceTower đã được gỡ bỏ. (xem 7.2 Bảng kéo có IceTower*) *

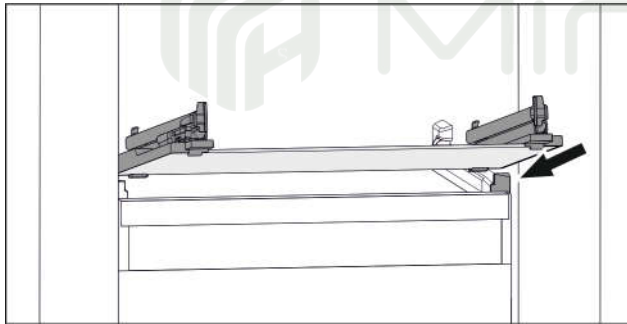
Tháo kệ kính



Hình. 41 Ví dụ minh họa kệ kính

- ▶ Kệ kính nâng ở phía trước. Hình. 41 (1)
- ▶ Lấy kệ kính ra phía trước. Hình. 41 (2)

Lắp kệ kính



Hình. 42 Ví dụ minh họa kệ kính

- ▶ Đặt kệ kính ở một góc phía sau nút chặn. (xem Hình. 42)
- ▶ Hạ thấp kệ kính
- ▶ Trượt kệ kính phía sau.

7.4 EasyTwist-Ice*

EasyTwist-Ice tạo ra đá viên khi lắp bình chứa nước vào.

EasyTwist-Ice chỉ được thiết kế để sản xuất đá viên với số lượng tiêu chuẩn trong gia đình.

Ghi chú

Không thay đổi vị trí của EasyTwist-Ice.

Đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau:

- EasyTwist-Ice đã được làm sạch (xem 8.3.5 Vệ sinh EasyTwist-Ice*)
- Bình chứa nước đã được làm sạch.
- Ngăn EasyTwist-Ice đã được lắp vào hoàn toàn.

7.4.1 Đổ đầy bình nước



CẢNH BÁO

Nguy cơ ngộ độc do nước bị ô nhiễm!

- ▶ Chỉ đổ đầy nước uống được vào ngăn chứa nước.

LƯU Ý

Chất lỏng có chứa đường!

Gây hư hại tới EasyTwist-Ice.

- ▶ Chỉ đổ đầy nước uống lạnh.

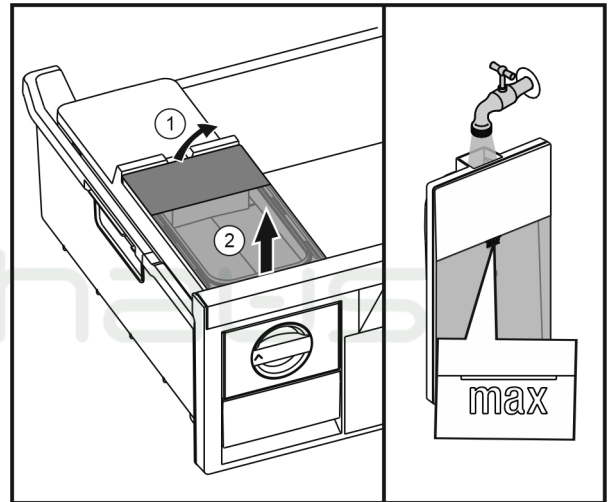
Ghi chú

Sử dụng nước lọc đã khử cacbon đảm bảo nước uống có hương vị tốt nhất cho đá viên của bạn.

Chất lượng nước này có thể đạt được bằng cách sử dụng loại máy lọc nước để bàn có bán tại các cửa hàng bán lẻ thương mại.

- ▶ Luôn chỉ đổ đầy bình nước bằng nước uống đã lọc, đã khử cacbon

EasyTwist-Ice được cấp nước từ bình chứa nước.



Hình. 43

- ▶ Nhấc bình chứa nước ở phía sau lên Hình. 43 (1) và tháo lên trên Hình. 43 (2).
- ▶ Đổ đầy nước uống đến vạch đánh dấu.
- ▶ Lắp bình chứa nước bằng cách làm ngược lại các bước mô tả ở trên.

7.4.2 Sản xuất đá viên

Khối lượng sản xuất phụ thuộc vào nhiệt độ của tủ đông. Nhiệt độ càng lạnh thì càng có thể sản xuất được nhiều đá viên trong một khoảng thời gian nhất định.

Dung lượng tối đa của ngăn đá viên - 40 viên (sản lượng đá gấp đôi).

Thời gian cần thiết để sản xuất đá viên - ít nhất là 5 giờ.

Thả đá viên

- ▶ Vận nùm sang phải đến giới hạn dừng.
- ▶ Nếu cần, hãy lặp lại bước này vài lần và xoay nùm thêm một chút.

7.5 IceMaker*

Máy làm đá sẽ sản xuất đá viên chỉ để sử dụng trong gia đình.

Đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau:

- Máy làm đá được làm sạch (xem phần 8 Bảo trì).
- Ngăn đựng đá được làm sạch.
- Ngăn đựng đá được lắp vào hoàn toàn.

7.5.1 Sản xuất đá viên

Khối lượng phụ thuộc vào nhiệt độ đóng băng. Nhiệt độ càng lạnh thì hệ thống có thể tạo ra càng nhiều đá viên trong một khoảng thời gian nhất định.

Sau khi bật IceMaker lần đầu tiên, có thể mất tới 24 giờ để tạo ra những viên đá đầu tiên

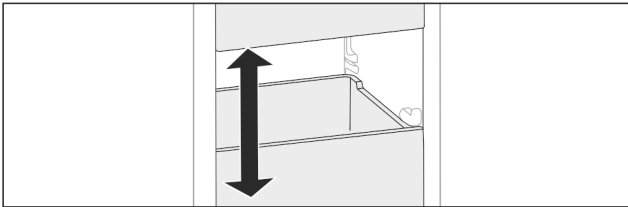
- ▶ Kích hoạt chức năng IceMaker (xem phần 6.2 Khái niệm điều khiển).

- ▶ Để tạo ra nhiều đá viên: Kích hoạt chức năng MaxIce (xem 6.2 Khái niệm điều khiển).
- ▶ Phân bố đều các viên đá trong ngăn để tăng sức chứa.
- ▶ Đóng ngăn đá: IceMaker bắt đầu làm đá viên lại một cách tự động.

Ghi chú

Khi đạt đến một mức nhất định trong ngăn IceMaker, nó sẽ ngừng sản xuất đá viên. Máy làm đá không lấp đầy ngăn kéo đến tận phía trên.

7.6 VarioSpace



Hình. 44

Bạn có thể tháo ngăn kéo và tấm kính ra khỏi thiết bị của mình. Điều này mang lại nhiều không gian hơn cho các mặt hàng thực phẩm lớn như thịt gia cầm, thịt khớp, thịt thú săn cỡ lớn và các sản phẩm nướng cao. Sau đó, bạn có thể đóng lạnh toàn bộ các mặt hàng này để chuẩn bị sau.

- ▶ Lưu ý giới hạn trọng lượng của ngăn kéo và tấm kính (xem 9.1 Thông số kỹ thuật).

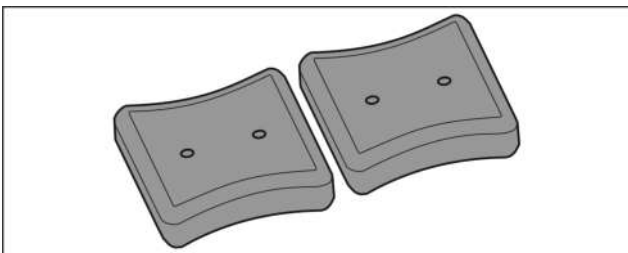
7.7 Phụ kiện

7.7.1 Gói cấp đông

Các gói tủ đông ngăn nhiệt độ tăng quá nhanh nếu bị cắt điện. Các gói đông lạnh nằm trong ngăn kéo.

Bạn có thể bảo quản các gói đông lạnh trong khay đông lạnh.

Sử dụng gói trữ đông

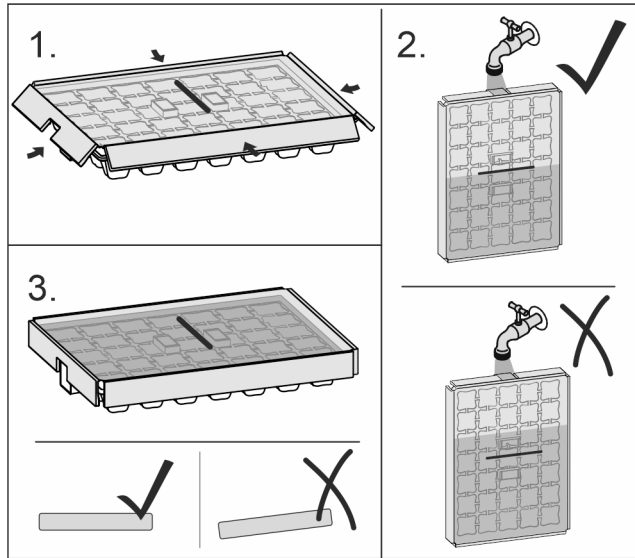


Hình. 45

- ▶ Khi các gói ngăn đông đã đông cứng hoàn toàn:
- ▶ Đặt thực phẩm đông lạnh ở phần trên, phía trước của tủ đông.

7.7.2 Khay đá viên có nắp đậy*

Sử dụng khay đá viên

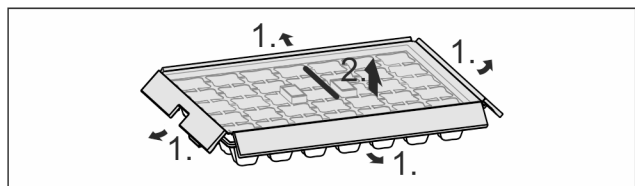


Hình. 46

- ▶ Khi nước đóng băng:
- ▶ Giữ khay đá viên dưới nước nóng trong thời gian ngắn.
- ▶ Tháo nắp..
- ▶ Nhẹ nhàng xoay các đầu của khay đá theo hướng ngược lại.
- ▶ Thả đá viên ra.

Tháo dỡ khay đá viên

Bạn có thể tháo khay đá ra để vệ sinh.



Hình. 47

- ▶ Tháo rời khay đá viên.

8 Bảo trì

8.1 Tháo/lắp hệ thống ngăn kéo

8.1.1 Lưu ý khi tháo lắp

Bạn có thể tháo rời một số hệ thống ngăn kéo để vệ sinh. Thiết bị của bạn có thể chứa nhiều hệ thống ngăn kéo khác nhau.

Các hệ thống kéo sau có thể tháo rời hoặc không thể tháo rời:

| Hệ thống kéo | Có thể tháo rời/không thể tháo rời |
|-----------------------------|--|
| Ngăn kéo trên kệ kính | Có thể được tháo rời (xem 8.1.2.1 Ngăn kéo trên kệ kính) |
| Ngăn kéo nghiêng phía trên* | không thể tháo rời * |
| Ngăn kéo theo khuôn* | Có thể tháo rời (xem 8.1.3 khuôn ngăn kéo*) * |
| Ngăn kéo dưới | không thể tháo rời |

Bảo trì

| | |
|--------------|---|
| Hệ thống kéo | Có thể tháo rời/không thể tháo rời |
| IceTower* | Có thể được tháo rời(xem 8.1.4 IceTower*) * |

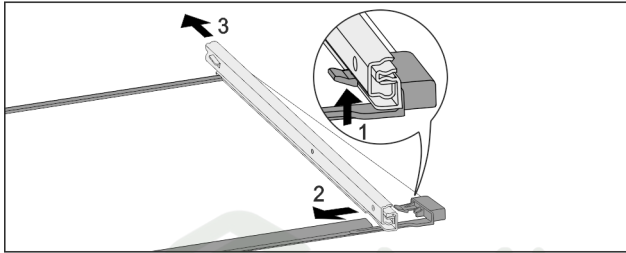
8.1.2 Ngăn kéo trên ray dạng ống lồng*

Ngăn kéo trên kệ kính

Tháo rời hệ thống kéo

Đảm bảo đáp ứng các điều kiện tiên quyết sau:

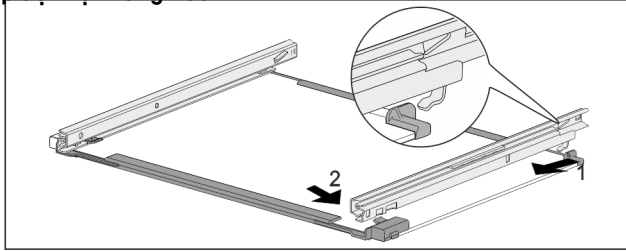
- Ngăn kéo đã được di chuyển
- Kệ kính đã được di chuyển. (xem 7.3 Kệ kính*)



Hình 48 Kệ kính có ray

- ▶ Móc khóa phía trước đẩy lên (1)
- ▶ Di chuyển các thanh ray kéo sang bên cạnh (2) và về phía sau (3).

Lắp đặt hệ thống kéo



Hình 49 Kệ kính có ray

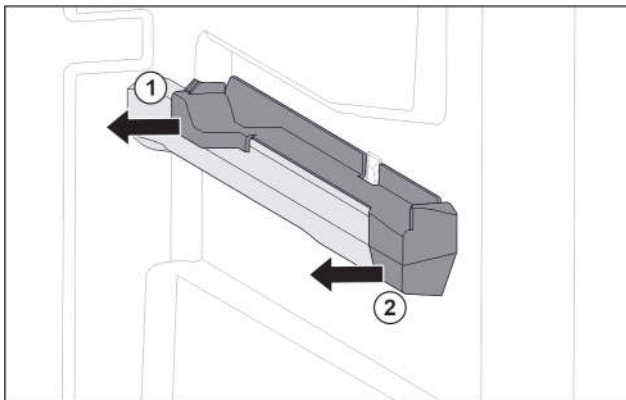
- ▶ Móc trên thanh ray ở phía sau (1)
- ▶ Móc vào thanh ray ở phía trước. (2)

8.1.3 Ngăn kéo trên khuôn sẵn*

Tháo rời hệ thống kéo

Đảm bảo đáp ứng các điều kiện tiên quyết sau:

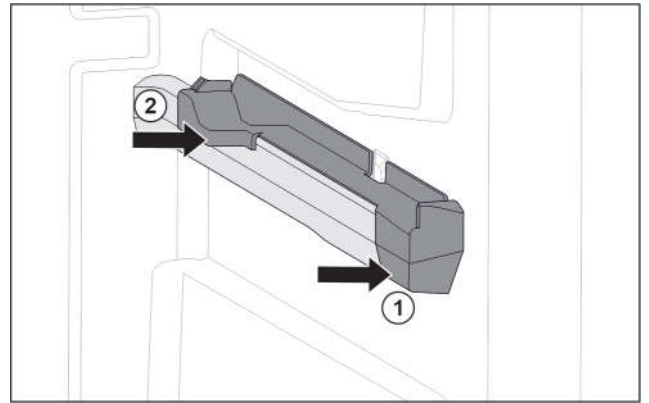
- Ngăn kéo đã được di chuyển. (xem 7.1.3 Ngăn kéo trên khuôn*)



Hình 50 Phần đính kèm trên khuôn phải

- ▶ Lấy phần đính kèm ở phía sau từ bên dưới.
- ▶ Kéo phần đính kèm ở mặt sau sang một bên. Hình 50 (1)
- ▶ Kéo phụ tùng ở phía trước sang một bên. Hình 50 (2)

Lắp đặt hệ thống kéo



Hình 51 Phần đính kèm trên khuôn bên phải

- ▶ Định vị phần đính kèm trên khuôn phía trước. Hình 51 (1)
- ▶ Nhấn vào phần đính kèm ở phía sau. Hình 51 (2)

8.1.4 IceTower*

Tháo rời hệ thống kéo

Đảm bảo đáp ứng các điều kiện tiên quyết sau:

- IceTower đã bị di chuyển. (xem 7.2 Bảng kéo có IceTower*)
- Kệ kính đã được di chuyển. (xem 7.3 Kệ kính*)
- ▶ Đặt bảng kéo lên bàn.
- ▶ Bạn có thể tháo các thanh ray ra khỏi kệ kính dễ dàng hơn

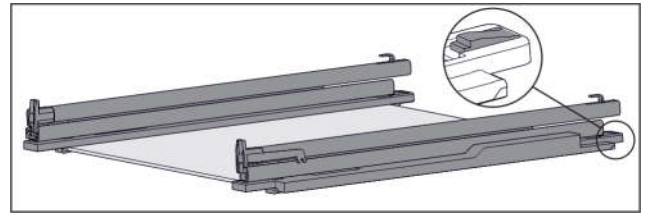
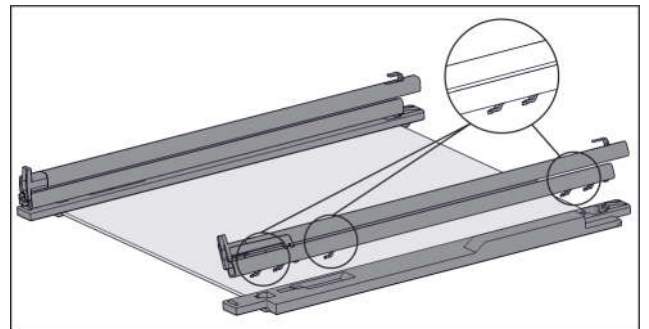


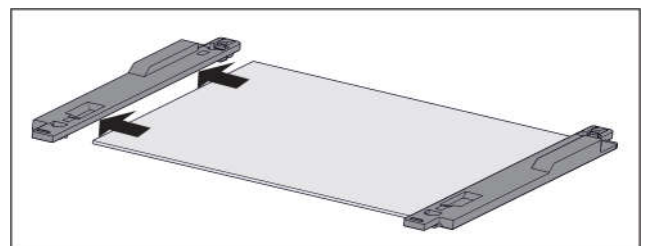
Fig. 52 Kệ kính có thanh ray và bộ phận giữ

- ▶ Nhấn bộ phận giữ ở phía sau xuống (xem Hình. 52) và đồng thời đẩy thanh ray về phía sau.



Hình 53 Kệ kính có thanh ray và bộ phận nẹp

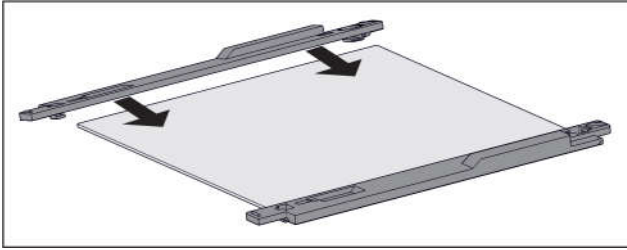
- ▶ Các móc ray được nhả ra khỏi bộ phận nẹp
- ▶ Tháo đường ray khỏi bộ phận nẹp.



Hình 54 Kệ kính có bộ phận nẹp

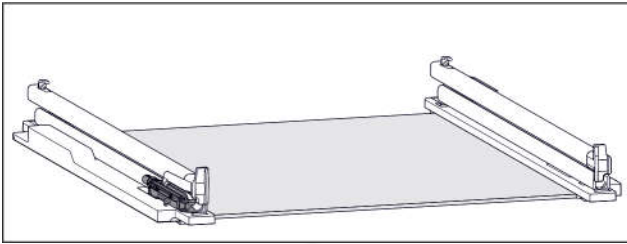
- ▶ Tháo bộ phận nẹp khỏi kệ kính theo chiều ngang.

Cài đặt hệ thống kéo



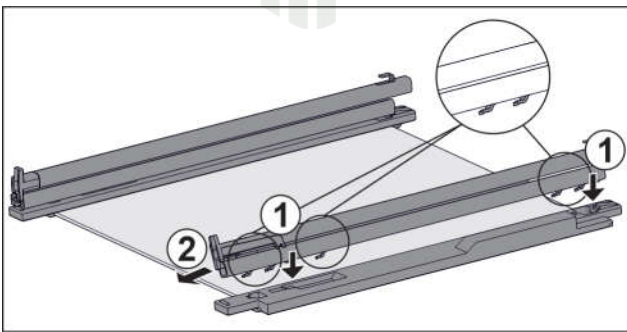
Hình. 55 Kệ kính với những thanh nẹp

- ▶ Lắp các thanh nẹp vào kệ kính.
- ▶ Đẩy chặt các thanh nẹp vào kệ kính hết mức có thể.



Hình. 56 Cơ chế giảm sóc

Cơ chế giảm sóc được gắn vào thanh ray bên trái. (xem Hình 56) Không có cơ chế giảm sóc nào được gắn vào thanh ray bên phải



Hình. 57 Kệ kính với thanh ray và các thanh nẹp

Lắp đặt đường ray với cơ cấu giảm chấn:

- ▶ Đặt các móc ray vào các lỗ của thanh nẹp bên **trái**. Hình. 57 (1)
- ▶ Đẩy đường ray về phía trước. Hình. 57 (2)
- ▶ Đường ray chốt vào một cách chắc chắn. Lắp đặt đường ray **không dùng** cơ cấu giảm chấn:
- ▶ Đặt các móc ray vào các lỗ của thanh nẹp bên **phải**. Hình. 57 (1)
- ▶ Đẩy đường ray về phía trước. Hình. 57 (2)
- ▶ Đường ray chốt vào một cách chắc chắn.

8.2 Rã đông thiết bị

8.2.1 Rã đông bằng NoFrost

Việc rã đông được thực hiện tự động với hệ thống NoFrost. Hơi ẩm đọng lại trên thiết bị bay hơi, được rã đông định kỳ sau đó bay hơi.

Thiết bị không cần rã đông.

Lưu ý

Các giọt nước có thể đọng lại ở đáy thiết bị.

Khi bạn ngừng sử dụng thiết bị:

- ▶ Đặt một chiếc khăn phía trước thiết bị để hứng những giọt nước có thể chảy ra. (xem phần 10 Tắt máy)

8.3 Vệ sinh thiết bị

8.3.1 Sẵn sàng vệ sinh



CẢNH BÁO

Nguy cơ bị điện giật!

- ▶ Tháo đầu nối tủ lạnh hoặc ngắt nguồn điện.



CẢNH BÁO

Nguy cơ cháy nổ

- ▶ Không làm hỏng mạch điện lạnh.

- ▶ Làm trống thiết bị.
- ▶ Tháo đầu nối nguồn điện.

8.3.2 Vệ sinh vỏ máy

LƯU Ý

Vệ sinh không đúng cách!

Hư hỏng thiết bị.

- ▶ Chỉ sử dụng vải lau mềm và chất tẩy rửa đa năng có độ pH trung tính.
- ▶ Không sử dụng miếng bọt biển có tính ăn mòn hoặc bụi nhùi thép vì có thể gây trầy xước.
- ▶ Không sử dụng bất kỳ chất tẩy rửa sắc hoặc mài mòn nào, cũng như bất kỳ chất nào có chứa cát, clorua hoặc axit.



CẢNH BÁO

Nguy cơ bị thương và hư hỏng do hơi nước nóng! Hơi nước nóng có thể gây bỏng và làm hỏng bề mặt.

- ▶ Không sử dụng bất kỳ máy làm sạch bằng hơi nước nào!

- ▶ Lau sạch vỏ bằng vải mềm, sạch. Nếu quá bẩn, hãy sử dụng nước ấm với chất tẩy rửa trung tính. Bề mặt kính cũng có thể được làm sạch bằng nước lau kính.

8.3.3 Vệ sinh bên trong

LƯU Ý

Vệ sinh không đúng cách!

Hư hỏng thiết bị.

- ▶ Chỉ sử dụng vải lau mềm và chất tẩy rửa đa năng có độ pH trung tính.
- ▶ Không sử dụng miếng bọt biển có tính ăn mòn hoặc bụi nhùi thép vì có thể gây trầy xước.
- ▶ Không sử dụng bất kỳ chất tẩy rửa sắc hoặc mài mòn nào, cũng như bất kỳ chất nào có chứa cát, clorua hoặc axit.
- ▶ Bề mặt nhựa: làm sạch bằng tay bằng vải mềm, sạch, nước ấm và một ít chất tẩy rửa.
- ▶ Bề mặt kim loại: làm sạch bằng tay bằng vải mềm, sạch, nước ấm và một ít chất tẩy rửa.

8.3.4 Làm sạch các bộ phận

LƯU Ý

Vệ sinh không đúng cách!

Hư hỏng thiết bị.

- ▶ Chỉ sử dụng vải lau mềm và chất tẩy rửa đa năng có độ pH trung tính.
- ▶ Không sử dụng miếng bọt biển có tính ăn mòn hoặc bụi nhùi thép vì có thể gây trầy xước.
- ▶ Không sử dụng bất kỳ chất tẩy rửa sắc hoặc mài mòn nào, cũng như bất kỳ chất nào có chứa cát, clorua hoặc axit.

Bảo trì

Lau sạch bằng vải mềm, sạch, nước ấm và một ít chất tẩy rửa:

- Băng kéo IceTower*
- Ngăn kéo
Xin lưu ý: Không tháo nam châm trên ngăn kéo. Nam châm đảm bảo chức năng của Máy làm đá.*
- Khay cấp đông

Làm sạch với một miếng vải ẩm:*

- Thanh ray có thể thu vào
Xin lưu ý: Dầu mỡ trong thanh ray được sử dụng để bôi trơn và không được loại bỏ!!

Rửa trong máy rửa chén ở nhiệt độ lên tới 60°C:

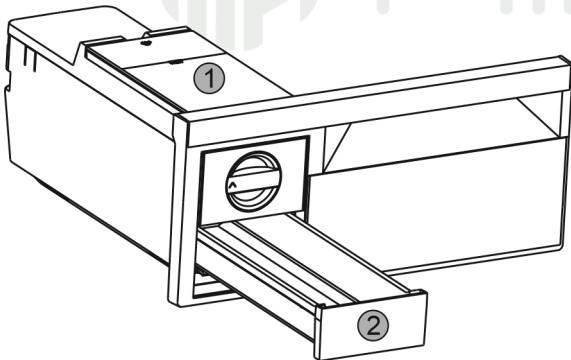
- Khay nước đá*
- Múc đá viên*
- ▶ Để tháo rời các bộ phận: xem phần liên quan.
- ▶ Làm sạch các thành phần.

8.3.5 Vệ sinh EasyTwist-Ice*

Cần phải vệ sinh trong các trường hợp sau:

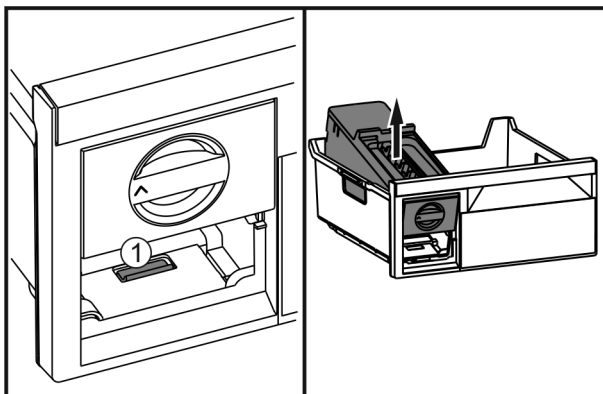
- Vận hành ban đầu
- Không sử dụng trong hơn 48 giờ
- Thiết bị cần được vệ sinh.

Trong trường hợp vận hành lần đầu, thời gian không sử dụng lâu hơn hoặc thiết bị cần vệ sinh



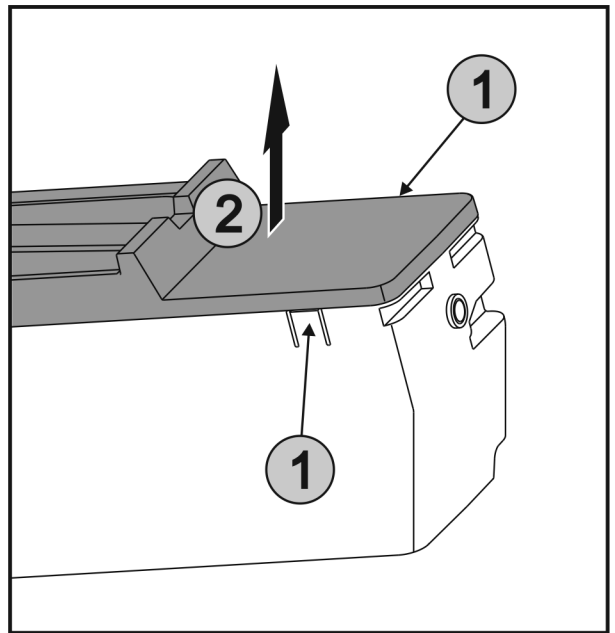
Hình. 58

- ▶ Lấy bình nước ra Hình 58 (1) và ngăn đá viên Hình 58 (2).
- ▶ Lấy ngăn đông lạnh ra bằng EasyTwist-Ice.



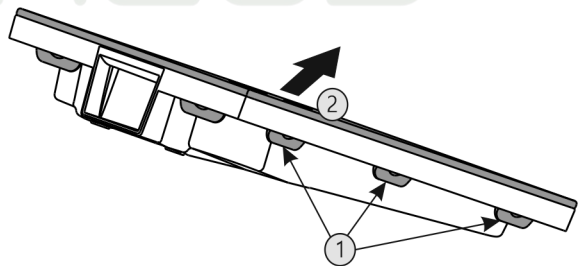
Hình. 59

- ▶ Nhấn vào nút Hình. 59 (1), nhắc EasyTwist-Ice ở phía sau lên và lấy nó ra khỏi ngăn đông.



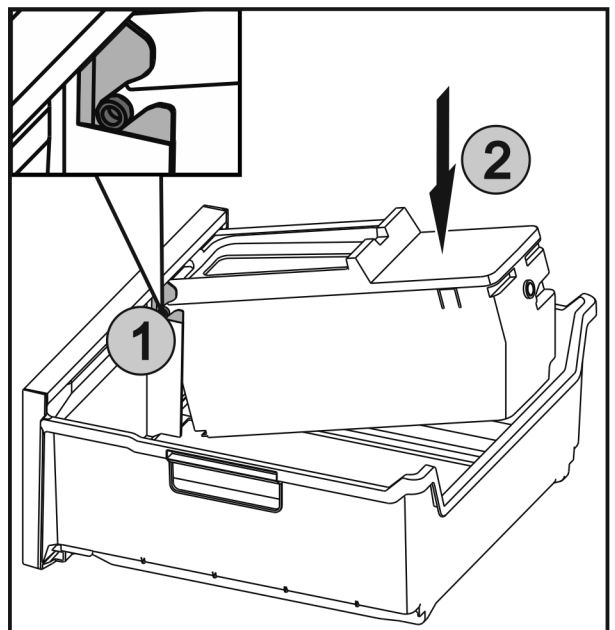
Hình. 60

- ▶ Nhấn vào các mẫu Hình. 60 (1) trên cả hai mặt của EasyTwist-Ice cùng một lúc và tháo nắp Hình. 60 (2) ở trên



Hình. 61

- ▶ Nhấn tất cả các mẫu Hình. 61 (1) liên tiếp và tháo nắp Hình. 61 (2).
- ▶ Làm sạch ngăn đựng đá, ngăn chứa nước và EasyTwist-Ice bằng nước ấm và một ít chất tẩy rửa.
- ▶ Lắp ráp EasyTwist-Ice.



Hình. 62

- ▶ Đẩy các trục. *Hình. 62 (1)* trên EasyTwist-Ice vào thanh dẫn hướng và đẩy mặt sau. *Hình. 62 (2)* cho đến khi các mấu khớp vào nhau.
- ▶ Đẩy ngăn EasyTwist-Ice vào.



CẢNH BÁO

- Nguy cơ ngộ độc do nước bị ô nhiễm!
- ▶ Chỉ đổ đầy bình nước bằng nước uống được.

- ▶ đổ đầy nước vào bình chứa nước và lắp vào.. (xem 7.4.1 Đổ đầy bình chứa nước)

Với nước chưa lọc:

- ▶ vớt bỏ bất kỳ viên đá nào được làm trong vòng 24 giờ của những viên đá đầu tiên được sản xuất.

Với nước lọc:

- ▶ Vớt bỏ bất kỳ viên đá nào được làm trong vòng 48 giờ kể từ khi những viên đá đầu tiên được sản xuất.

8.3.6 Vệ sinh Máy làm đá*

Có nhiều tùy chọn khác nhau để vệ sinh IceMaker.

Cần phải vệ sinh trong các trường hợp sau:

- vận hành ban đầu
- Nếu không sử dụng trong hơn 5 ngày

Đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau:

- Ngăn đựng đá đã trống.
- Ngăn kéo IceMaker đã sẵn sàng
- IceMaker đã được kích hoạt. (xem 6.2 Khái niệm kiểm soát)

Sử dụng lần đầu hoặc sau một thời gian dài không sử dụng

Làm sạch IceMaker bằng chức năng TubeClean.

- ▶ Đặt hộp rỗng 1,5 (chiều cao tối đa 10 cm) vào ngăn kéo bên dưới Máy làm đá.
- ▶ Kích hoạt chức năng TubeClean.(xem 6.2 Control concept)
- ▶ Quy trình xả đã được chuẩn bị (tối đa 60 phút): Biểu tượng nhấp nháy.
- ▶ Ống nước đã được rửa sạch: Biểu tượng nhấp nháy
- ▶ Quá trình rửa hoàn tất: Chức năng tự động tắt.
- ▶ Tháo ngăn IceMaker và tháo hộp đựng.
- ▶ Làm sạch ngăn làm đá bằng nước ấm và một ít chất tẩy rửa.
- ▶ Đẩy ngăn IceMaker vào.
- ▶ Hệ thống bắt đầu làm đá viên một cách tự động.
- ▶ Vớt bỏ bất kỳ viên đá nào được làm sau 24 giờ kể từ những viên đá đầu tiên.

Nếu cần phải làm sạch

Làm sạch máy làm đá bằng tay.

- ▶ Tháo ngăn làm đá ra và làm sạch bằng nước ấm và một ít chất tẩy rửa.
- ▶ Đẩy ngăn IceMaker vào.
- ▶ Hệ thống bắt đầu làm đá viên một cách tự động.

8.3.7 Sau khi vệ sinh

- ▶ Lau khô thiết bị và các bộ phận.
- ▶ Kết nối và bật thiết bị.
- ▶ Kích hoạt SuperFrost (xem phần 6.3 Chức năng).

Nhiệt độ đủ lạnh:

- ▶ Đặt thức ăn vào bên trong.
- ▶ Lặp lại việc vệ sinh thường xuyên.

9 Hỗ trợ khách hàng

9.1 Thông số kỹ thuật

| Khoảng nhiệt độ | |
|-----------------|-------------------|
| Trữ đông | -28 °C đến -15 °C |

| Lượng đông lạnh tối đa/24 giờ | |
|-------------------------------|--|
| Ngăn đông lạnh | Xem “Công suất đông .../24 h” trên nhãn loại |

| Công suất thành phần tối đa | | | |
|--|---|---|---|
| Đặc điểm | Chiều rộng thiết bị 550 mm (xem hướng dẫn lắp đặt, kích thước thiết bị) | Chiều rộng thiết bị 600 mm (xem hướng dẫn lắp đặt, kích thước thiết bị) | Chiều rộng thiết bị 700 mm (xem hướng dẫn lắp đặt, kích thước thiết bị) |
| Ngăn kéo trên sườn đúc*(xem 7.1.3 sườn đúc của ngăn kéo*) * | 14 kg* | 19 kg* | 19 kg* |
| Ngăn kéo trên giá kính(xem 7.1.1 Ngăn kéo trên ray dạng ống lồng*) | 12 kg | 15 kg | 22 kg |
| Ngăn kéo dưới cùng (xem 7.1.4 Ngăn kéo dưới cùng) | -- | 11 kg | 19 kg |
| Ngăn kéo nghiêng trên*(xem 7.1.2 Ngăn kéo nghiêng trên*) * | --* | 19 kg* | 19 kg* |

| Sản xuất đá viên bằng IceMaker* | |
|---------------------------------|---|
| Sản xuất đá viên/24h | Ở nhiệt độ -18°C: 0,8 kg viên |
| Sản lượng đá viên tối đa/24 giờ | Với chức năng MaxIce trên: 1,2 kg đá viên |

| Sản xuất đá viên với EasyTwist-Ice* | |
|--|--------------|
| Thời gian cần thiết ở -18°C | Khoảng 5.5 h |
| Thời gian cần thiết khi kích hoạt SuperFrost | Khoảng 3 h |

| Đèn | |
|--|------------|
| Loại ¹ | Nguồn điện |
| Sản phẩm này chứa một hoặc nhiều nguồn sáng loại G tiết kiệm năng lượng. | LED |

1 Thiết bị có thể chứa các nguồn sáng có mức hiệu suất năng lượng khác nhau. Phân loại hiệu quả năng lượng thấp nhất được chỉ định.

Đối với các thiết bị có kết nối WiFi:*

| Thông số tần số* | |
|------------------|---------|
| Băng tần | 2.4 GHz |

Hỗ trợ khách hàng

| | |
|---------------------------------|---|
| Thông số tần số* | |
| Công suất bức xạ tối đa | < 100 mW |
| Mục đích của thiết bị không dây | Tích hợp vào mạng WiFi cục bộ để liên lạc dữ liệu |

9.2 Tiếng ồn khi vận hành

Thiết bị tạo ra những tiếng ồn khác nhau khi bật.

- Ở nhiệt độ cao hơn, thiết bị sử dụng ít năng lượng hơn nhưng hoạt động lâu hơn. Nó yên tĩnh hơn.
- Ở **nhệt độ thấp hơn**, thực phẩm được làm lạnh nhanh hơn. Nó to hơn.

Ví dụ:

- Chức năng Bật (xem 6.3 Chức năng)
- Quạt chạy
- Thực phẩm được thêm gần đây
- Nhiệt độ môi trường cao
- Cửa mở được một lúc

| Tiếng ồn | Nguyên nhân | Loại tiếng ồn |
|---------------------|--|---------------------------------|
| Tiếng sủi bọt | Chất làm mát chảy vào mạch làm mát. | Tiếng ồn hoạt động bình thường |
| Tiếng rít | Nước làm mát phun vào mạch làm mát. | Tiếng ồn hoạt động bình thường |
| Tiếng vo ve | Thiết bị đang nguội. Âm lượng phụ thuộc vào công suất làm mát. | Tiếng ồn hoạt động bình thường |
| Suction noises* | Cửa đóng êm đang được mở và đóng.* | Tiếng ồn hoạt động bình thường* |
| Tiếng vo ve xào xạc | Quạt đang chạy. | Tiếng ồn hoạt động bình thường |

| Tiếng ồn | Nguyên nhân | Loại tiếng ồn |
|---|------------------------------|--------------------------------|
| Tiếng click (tiếng nhấp chuột) | Các bộ phận được bật và tắt. | Tiếng ồn hoạt động bình thường |
| Tiếng lạch cạch | Van hoặc nắp đang hoạt động. | Tiếng ồn hoạt động bình thường |
| Tiếng gõ cửa nhỏ, tiếng ồn ào hoặc tiếng ù* | Van đang hoạt động. | Tiếng ồn hoạt động bình thường |

| Tiếng ồn | Nguyên nhân | Loại tiếng ồn | Lifting |
|-----------------|--|-----------------|---|
| Rung | Thiết lập không đúng cách | Tiếng ồn bị lỗi | Cân bằng thiết bị bằng các chân có thể điều chỉnh được. |
| Tiếng lạch cạch | Linh kiện, vật dụng bên trong thiết bị | Tiếng ồn bị lỗi | Các linh kiện an toàn. Để lại đủ không gian giữa các mục. |

9.3 Lỗi kỹ thuật

Thiết bị của bạn được thiết kế và tạo ra để đảm bảo nó hoạt động đáng tin cậy và có tuổi thọ lâu dài. Trường hợp xảy ra lỗi hiếm gặp trong quá trình vận hành, vui lòng kiểm tra xem đó có phải là do lỗi vận hành hay không. Nếu vậy, bạn sẽ phải trả chi phí gọi điện và sửa chữa ngay cả khi nó nằm trong thời hạn bảo hành.

Bạn có thể tự mình khắc phục những lỗi sau.

9.3.1 Chức năng của thiết bị

| Lỗi | Nguyên nhân | Biện pháp khắc phục |
|----------------------------------|--|---|
| Thiết bị không hoạt động. | → Thiết bị chưa được bật. | ▶ Bật thiết bị lên |
| | → Phích cắm điện không được cắm đúng cách vào ổ cắm. | ▶ Kiểm tra lại ổ cắm. |
| | → Có vấn đề với cầu chì ổ cắm điện. | ▶ Kiểm tra cầu chì. |
| | → Ngắt điện | ▶ Đóng thiết bị lại. ▶ Bảo vệ thực phẩm: Đặt các gói đông lạnh lên trên thực phẩm hoặc sử dụng một tủ đông khác nếu mất điện trong thời gian dài. ▶ Không đông lạnh lại thực phẩm đã rã đông, |
| Nhiệt độ không đủ lạnh. | → Phích cắm của thiết bị không vừa với thiết bị. | ▶ Kiểm tra lại ổ cắm. |
| | → Cửa thiết bị không được đóng đúng cách. | ▶ Đóng cửa thiết bị lại. |
| | → Không đủ thông gió. | ▶ Giữ lưới thông gió luôn thông thoáng và làm sạch nó. |
| | → Nhiệt độ môi trường quá cao. | ▶ Giải pháp: (xem phần 1.4 Phạm vi sử dụng của thiết bị) |

| Lỗi | Nguyên nhân | Biện pháp khắc phục |
|--|--|---|
| | → Thiết bị được mở quá nhiều lần hoặc quá lâu. | ▶ Đợi xem nhiệt độ yêu cầu có tự điều chỉnh hay không. Nếu không, hãy liên hệ với bộ phận Dịch vụ khách hàng (xem phần 9.4 Dịch vụ khách hàng). |
| | → Có quá nhiều thực phẩm tươi sống được đặt bên trong mà không có SuperFrost. | ▶ Giải pháp: (xem SuperFrost) |
| | → Nhiệt độ được cài đặt không chính xác. | ▶ Giảm nhiệt độ và kiểm tra sau 24 giờ. |
| | → Thiết bị ở quá gần nguồn nhiệt (lò nướng, bộ tản nhiệt, v.v.). | ▶ Di chuyển thiết bị hoặc nguồn nhiệt. |
| Màn hình trạng thái không sáng.* | → Màn hình hiển thị trạng thái bị tắt. | ▶ Bật màn hình trạng thái (xem Đèn trạng thái (trạng thái hiển thị)*). |
| | → Cánh cửa đang mở. | ▶ Đóng cửa thiết bị |
| | → Thiết bị bị tắt | ▶ Bật thiết bị |
| | → Đèn LED bị lỗi | ▶ Liên hệ bộ phận Dịch vụ khách hàng (xem phần 8 Bảo trì). |
| Gioăng cửa bị lỗi hoặc cần được thay thế vì lý do khác. | → Có thể thay thế phốt cửa. Nó có thể được thay thế mà không cần các công cụ đặc biệt. | ▶ Liên hệ với Dịch vụ khách hàng (xem 9.4 Dịch vụ khách hàng). |
| Thiết bị tích tụ quá nhiều đá hoặc nước ngưng tụ | → Đệm cửa có thể đã trượt ra khỏi rãnh. | ▶ Kiểm tra xem đệm cửa có vừa khít với rãnh không. |
| Thiết bị rất nóng khi chạm vào bên ngoài*. | → Nhiệt của mạch làm lạnh được sử dụng để tránh sự ngưng tụ. | ▶ Vấn đề này bình thường |

9.3.2 Đặc điểm

| Lỗi | Nguyên nhân | Biện pháp khắc phục |
|---|---|--|
| Bạn không thể kích hoạt Máy làm đá.* | → Thiết bị và Máy làm đá không được kết nối. | ▶ Kết nối thiết bị (xem Hướng dẫn cài đặt). |
| Máy làm đá không tạo đá viên.* | → Máy làm đá chưa bật. | ▶ Kích hoạt Máy làm đá. |
| | → Ngăn kéo của Máy làm đá không được kết nối đúng cách. | ▶ Đẩy ngăn kéo vào đúng cách. |
| | → Đường nước kết nối chưa mở. | ▶ Mở kết nối nước.* |
| Đèn bên trong không sáng. | → Thiết bị chưa được bật. | ▶ Bật thiết bị lên. |
| | → Cửa mở lâu hơn 15 phút. | ▶ Đèn bên trong sẽ tự động tắt sau khoảng. 15 phút. với cánh cửa mở. |
| | → Đèn LED bên trong bị lỗi hoặc nắp bị hỏng. | ▶ Liên hệ với bộ phận dịch vụ khách hàng (xem 9.4 Dịch vụ khách hàng). |

9.4 Dịch vụ khách hàng

Trước tiên, hãy kiểm tra xem bạn có thể tự khắc phục lỗi không (xem 9 Trợ giúp khách hàng). Nếu bạn không thể, hãy liên hệ với Dịch vụ khách hàng.

Vui lòng tham khảo tài liệu "Liebherr-Service" kèm theo để biết địa chỉ.



CẢNH BÁO

Sửa chữa không chuyên nghiệp!

Chấn thương.

▶ Yêu cầu bất kỳ sửa chữa và hành động nào - không được chỉ định rõ ràng - đối với thiết bị và cáp nguồn chỉ được thực hiện bởi nhân viên bảo trì. (xem phần 8 Bảo trì)

▶ Cáp nguồn bị hỏng chỉ có thể được thay thế bởi nhà sản xuất, bộ phận Dịch vụ khách hàng của nhà sản xuất hoặc người có trình độ tương tự.

▶ Trong trường hợp thiết bị có dấu nối IEC, khách hàng có thể thực hiện việc thay đổi.

TẮT MÁY

9.4.1 Liên hệ với bộ phận Dịch vụ Khách hàng

Đảm bảo bạn có sẵn dữ liệu công cụ sau:

- Tên thiết bị (kiểu máy và chỉ mục)
- Số dịch vụ. (Dịch vụ)
- Số Seri. (S no.)

► Tra cứu thông tin thiết bị trên màn hình (xem Thông tin).

-hoặc-

► Tham khảo thông tin thiết bị trên bảng tên (xem 9.5 Bảng mẫu).

► Ghi lại thông tin thiết bị.

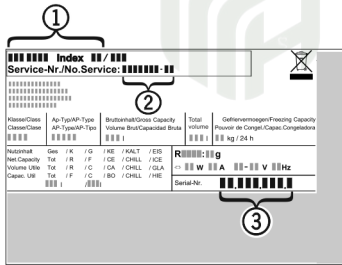
► Thông báo cho Dịch vụ Khách hàng về những điều sau: Cung cấp cho chúng tôi dữ liệu về thiết bị.

▷ Điều này sẽ giúp chúng tôi cung cấp cho bạn dịch vụ nhanh hơn, chính xác hơn.

► Thực hiện theo bất kỳ hướng dẫn nào khác do Dịch vụ Khách hàng đưa ra.

9.5 Tắm mô tả

Tắm mô tả nằm phía sau các ngăn kéo ở bên trong thiết bị.



Hình. 63

(1) Mô tả thiết bị (3) Số Serial

(2) Số dịch vụ

► Lưu ý dữ liệu trên tấm mô hình.

10 Tắt máy

- Làm trống thiết bị.
- Tắt the IceMaker.*
- Tắt thiết bị
- Tháo đầu nối nguồn điện.
- Tháo đầu nối thiết bị nếu cần: Tháo và di chuyển từ trái sang phải cùng một lúc.
- Đặt một chiếc khăn phía trước thiết bị để hứng những giọt nước có thể chảy ra.
- Vệ sinh thiết bị (xem phần 8.3 Vệ sinh thiết bị)
- Để cửa mở để tránh tích tụ mùi hôi.

11 Tiêu huỷ

11.1 Chuẩn bị thiết bị để tiêu huỷ



Liebherr sử dụng pin trong một số thiết bị của mình. Tại EU, vì lý do môi trường, luật pháp bắt buộc người dùng cuối phải tháo các loại pin này trước khi vứt bỏ các thiết bị cũ. Nếu thiết bị của bạn có pin, thông báo tương ứng sẽ được đính kèm.

Đèn Nếu bạn có thể tự tháo đèn mà không phá hủy chúng, hãy tháo chúng trước khi vứt bỏ.

► Ngắt thiết bị ra khỏi hoạt động.

► Thiết bị có pin: tháo pin ra. Để biết mô tả, xem chương Bảo trì.

► Nếu có thể: tháo đèn ra mà không phá hủy chúng.

11.2 Vứt bỏ thiết bị theo cách thân thiện với môi trường



Thiết bị vẫn chứa các vật liệu có giá trị và phải được xử lý riêng biệt với rác thải đô thị chưa được phân loại.

Vứt bỏ pin riêng biệt khỏi thiết bị cũ. Để thực hiện việc này, bạn có thể trả lại pin miễn phí cho các nhà bán lẻ cũng như các trung tâm tái chế và trung tâm thu gom vật liệu có thể tái chế.

Đèn

Vứt bỏ đèn đã loại bỏ thông qua hệ thống thu gom tương ứng.

Cho thị trường Đức

Bạn có thể vứt bỏ thiết bị này miễn phí thông qua các thùng thu gom loại 1 tại các trung tâm thu gom vật liệu tái chế và tái chế tại địa phương. Khi mua tủ lạnh/tủ đông mới, nếu diện tích bán hàng > 400 m², nhà bán lẻ cũng sẽ thu hồi thiết bị cũ miễn phí.



CẢNH BÁO

Rò rỉ nước làm mát và dầu!

Cháy. Chất làm mát có trong thiết bị thân thiện với môi trường nhưng cũng dễ cháy. Dầu chứa trong thiết bị dễ cháy. Chất làm mát và dầu thoát ra có thể bốc cháy nếu nồng độ đủ cao và tiếp xúc với nguồn nhiệt bên ngoài.

► Không làm hỏng các đường ống của mạch làm mát và máy nén.

► Vận chuyển thiết bị mà không làm hỏng thiết bị.

► Vứt bỏ pin, đèn và thiết bị theo các thông số kỹ thuật nêu trên.





home.liebherr.com/fridge-manuals

EN freezer



Ngày phát hành: 20230615

Mã sản phẩm: 7088346-00

Liebherr-Hausgeräte Ochsenhausen GmbH
Memminger Straße 77-79
88416 Ochsenhausen
Deutschland



Hướng dẫn sử dụng




















Quality, Design and Innovation




home.liebherr.com/fridge-manuals

LIEBHERR

Mục lục

| | | | | |
|---|--|----------|--|-----------|
| 1 | Khái quát về thiết bị | 3 |  Ngôn ngữ..... | 14 |
| 1.1 | Phạm vi giao hàng..... | 3 |  Thông tin..... | 14 |
| 1.2 | Tổng quan về thiết bị và vật liệu..... | 3 |  Nhắc nhở..... | 14 |
| 1.3 | SmartDevice..... | 4 |  Cài đặt lại..... | 14 |
| 1.4 | Phạm vi sử dụng của thiết bị..... | 4 | | |
| 1.5 | Sự phù hợp..... | 4 | | |
| 1.6 | Các chất SVHC theo quy định REACH..... | 4 | | |
| 1.7 | Cơ sở dữ liệu EPREL..... | 5 | 6.4 Thông báo lỗi..... | 14 |
| 2 | Hướng dẫn an toàn chung | 5 | 6.4.1 Cảnh báo..... | 14 |
| 3 | Đưa vào vận hành | 6 | 6.4.2 Chế độ Demo..... | 15 |
| 3.1 | Bật thiết bị..... | 6 | 7 Đặc điểm | 15 |
| 3.2 | Chèn các thành phần..... | 6 | 7.1 Giá đỡ cửa..... | 15 |
| 3.3 | Đưa InfinitySpring vào vận hành*..... | 7 | 7.2 Kệ..... | 16 |
| 4 | Quản lý thực phẩm | 7 | 7.3 Kệ chia ngăn..... | 16 |
| 4.1 | Lưu trữ thực phẩm..... | 7 | 7.4 VarioSafe..... | 16 |
| 4.2 | Thời gian lưu trữ..... | 8 | 7.5 InfinitySpring*..... | 17 |
| 5 | Tiết kiệm năng lượng | 8 | 7.6 Giá đựng chai có thể điều chỉnh..... | 17 |
| 6 | Điều khiển | 9 | 7.7 Ngăn kéo..... | 18 |
| 6.1 | Điều khiển và hiển thị..... | 9 | 7.8 Nắp bảo vệ cho trái cây và rau quả..... | 18 |
| 6.1.1 | Trạng thái hiển thị..... | 9 | 7.9 Điều chỉnh độ âm..... | 19 |
| 6.1.2 | Điều hướng..... | 9 | 7.10 HydroBreeze*..... | 19 |
| 6.1.3 | Ký hiệu hiển thị..... | 9 | 7.11 Kệ kính..... | 20 |
| 6.2 | Khái niệm điều khiển..... | 9 | 7.12 Phụ kiện..... | 20 |
| 6.2.1 | Bật/tắt chức năng..... | 9 | 8 Bảo trì | 21 |
| 6.2.2 | Chọn giá trị theo từng chức năng..... | 10 | 8.1 Bộ lọc carbon FreshAir..... | 21 |
| 6.2.3 | Kích hoạt/hủy kích hoạt cài đặt..... | 10 | 8.2 Bình chứa nước*..... | 22 |
| 6.2.4 | Selecting the setting value..... | 10 | 8.3 Bộ lọc nước*..... | 22 |
| 6.2.5 | Vào menu Khách hàng..... | 10 | 8.4 Tháo/lắp hệ thống ngăn kéo..... | 23 |
| 6.3 | Tính năng..... | 10 | 8.5 Rã đông thiết bị..... | 23 |
|  | Tắt thiết bị..... | 10 | 8.6 Vệ sinh thiết bị..... | 23 |
|  | WiFi..... | 11 | 9 Hỗ trợ khách hàng | 24 |
|  | Nhiệt độ..... | 11 | 9.1 Thông số kỹ thuật..... | 24 |
|  | Đơn vị nhiệt độ..... | 12 | 9.2 Tiếng ồn khi vận hành..... | 24 |
|  | BioFresh B-Value..... | 12 | 9.3 Lỗi kỹ thuật..... | 25 |
|  | D-Value..... | 12 | 9.4 Dịch vụ khách hàng..... | 26 |
|  | SuperCool..... | 12 | 9.5 Tầm mô tả mẫu..... | 26 |
| 6.3.8 | Kích hoạt/vô hiệu hóa chức năng..... | 12 | 10 Tắt máy | 27 |
|  | HolidayMode..... | 12 | 11 Tiêu hủy | 27 |
|  | Chế độ Sabbath..... | 12 | 11.1 Chuẩn bị thiết bị cho sự tiêu hủy..... | 27 |
|  | Tiết kiệm năng lượng..... | 13 | 11.2 Vứt bỏ thiết bị theo cách thân thiện với môi trường..... | 27 |
|  | HydroBreeze*..... | 13 | | |
|  | Chế độ Cleaning..... | 13 | | |
|  | Độ sáng màn hình..... | 13 | | |
|  | Âm báo..... | 14 | | |
|  | Khoá đầu vào..... | 14 | | |

Nhà sản xuất liên tục làm việc để phát triển hơn nữa tất cả các loại và mẫu mã. Xin lưu ý rằng chúng tôi có quyền thay đổi hình dạng, thiết bị và công nghệ.

| Ký hiệu | Nội dung |
|---|--|
|  | Đọc hướng dẫn Vui lòng đọc kỹ thông tin trong các hướng dẫn này để hiểu tất cả lợi ích của thiết bị mới của bạn. |

| Ký hiệu | Nội dung |
|--|--|
|  | <p>Hướng dẫn đầy đủ trên internet</p> <p>Bạn có thể tìm hướng dẫn chi tiết trên internet bằng cách sử dụng mã QR ở mặt trước của hướng dẫn này hoặc bằng cách nhập số dịch vụ tại home.liebherr.com/fridge-manuals.</p> <p>Số dịch vụ có thể được tìm thấy trên thẻ nối tiếp:</p>  <p style="text-align: center;"><i>Hình ví dụ minh họa</i></p> |
|  | <p>Kiểm tra thiết bị</p> <p>Kiểm tra tất cả các bộ phận xem có hư hỏng do vận chuyển không. Nếu bạn có bất kỳ khiếu nại nào, vui lòng liên hệ với đại lý hoặc bộ phận chăm sóc khách hàng</p> |
|  | <p>Sự khác biệt</p> <p>Những hướng dẫn này áp dụng cho nhiều mẫu máy nên có thể có sự khác biệt. Các phần chỉ áp dụng cho một số mẫu máy nhất định được đánh dấu bằng dấu hoa thị (*).</p> |
|  | <p>Hướng dẫn và kết quả</p> <p>Hướng dẫn được đánh dấu ▶ Kết quả được đánh dấu ▷</p> |
|  | <p>Videos</p> <p>Video về các thiết bị có sẵn trên các kênh YouTube của Liebherr-Hausgeräte.</p> |

Những hướng dẫn vận hành này được áp dụng cho các mẫu:

| | |
|---------------------------|----------|
| RB (sd) (bs) (st) (c) (d) | 52.. (i) |
| SRB (sd) (st) (bs) (d) | 52.. (i) |

1 Khái quát về thiết bị

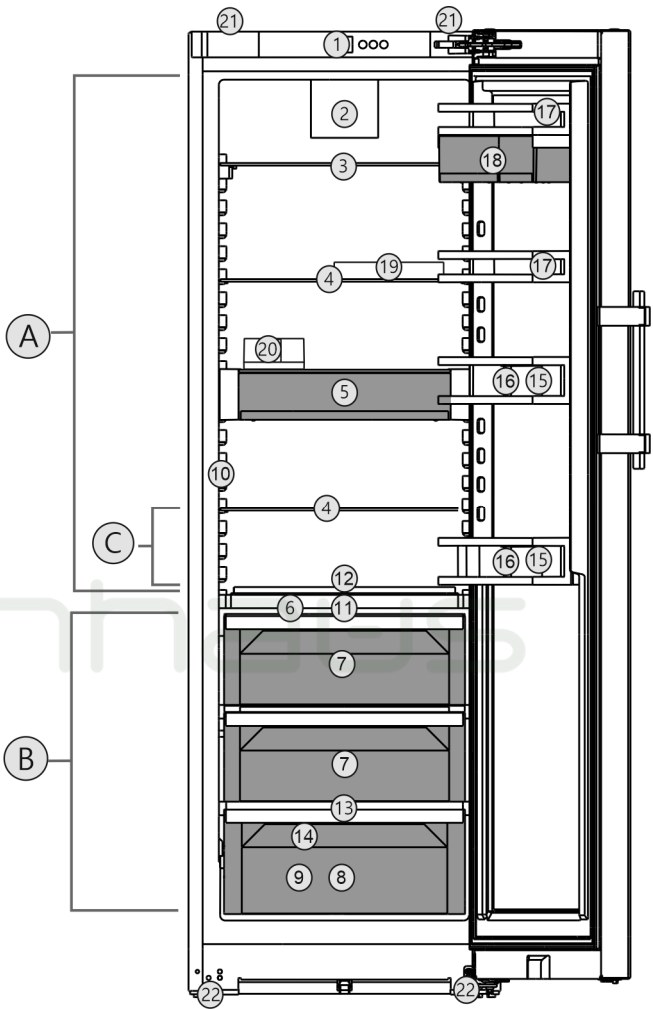
1.1 Phạm vi giao hàng

Kiểm tra tất cả các bộ phận có bị hư hỏng trong khi vận chuyển hay không. Nếu có bất kỳ khiếu nại nào, liên hệ với nhà bán lẻ hoặc bộ phận chăm sóc khách hàng (xem mục 9.4 Dịch vụ chăm sóc khách hàng).

Thiết bị mới đi kèm với các bộ phận sau:

- Thiết bị độc lập
- Tính năng (tùy thuộc vào kiểu máy)
- Vật liệu lắp đặt (tùy thuộc vào kiểu máy)
- "Quick Start Guide" - Hướng dẫn khởi động nhanh
- "Installation Guide"- Hướng dẫn Cài đặt
- Sổ hướng dẫn về dịch vụ

1.2 Tổng quan về sản phẩm và phụ tùng



Hình. 1 Ví dụ minh họa

Vùng nhiệt độ

- (A) Ngăn lạnh (C) Vùng lạnh nhất
(B) BioFresh

Thiết bị

- | | |
|--|--|
| (1) Điều khiển | (12) Kệ chai có thể điều chỉnh |
| (2) Quạt có bộ lọc than hoạt tính FreshAir | (13) Chỗ thoát nước |
| (3) Kệ chứa có thể tách rời | (14) Type plate |
| (4) Kệ đựng đồ | (15) Kệ chai |
| (5) VarioSafe | (16) Thanh giữ chai |
| (6) Nắp đựng trái cây và rau quả - An toàn | (17) Giá đựng lon |
| (7) An toàn cho rau củ quả | (18) VarioBox |
| (8) An toàn cho thịt và sữa | (19) Khay trứng |
| (9) An toàn cho cá và hải sản* | (20) Chứa bơ |
| (10) InfinitySpring* | (21) Tay cầm trên (phía sau) và dưới (phía trước) |
| (11) HydroBreeze* | (22) Chân có thể điều chỉnh (phía trước), bánh xe di chuyển (phía sau) |

Ghi chú

▶ Các kệ, ngăn kéo và giỏ được bố trí để đạt hiệu quả năng lượng tối ưu khi thiết bị được giao. Ví dụ, việc thay đổi cách lắp các kệ vào ngăn tủ lạnh không có bất kỳ tác động nào đến mức tiêu thụ năng lượng.

Khái quát về thiết bị

1.3 SmartDevice

SmartDevice là giải pháp mạng cho tủ đông của bạn. Nếu thiết bị của bạn hỗ trợ SmartDevice hoặc tương thích, bạn có thể kết nối thiết bị nhanh chóng và dễ dàng với WiFi. Với ứng dụng SmartDevice, bạn có thể vận hành thiết bị từ thiết bị di động. Các chức năng và tùy chọn cài đặt bổ sung có sẵn trong ứng dụng SmartDevice.

Thiết bị hỗ trợ SmartDevice:* Thiết bị của bạn được trang bị một SmartDeviceBox. Để kết nối thiết bị của bạn với WiFi, bạn cần tải phần mềm SmartDevice.*

Thiết bị tương thích SmartDevice:* Thiết bị của bạn tương thích để sử dụng với SmartDeviceBox. Trước tiên bạn phải mua và cài đặt SmartDeviceBox. Để kết nối thiết bị của bạn với WiFi, bạn cần tải phần mềm SmartDevice.*



Thông tin thêm về SmartDevice smartdevice.liebherr.com

Mua SmartDeviceBox trong cửa hàng của Liebherr Hausgeräte:* home.liebherr.com/shop/de/deu/smartdevicebox.html*

Tải phần mềm SmartDevice app:



Sau khi cài đặt và cấu hình SmartDevice, bạn có thể kết nối thiết bị của bạn với WiFi bằng ứng dụng SmartDevice và ứng dụng WiFi (xem WiFi).

Lưu ý

Bạn không thể sử dụng SmartDevice ở các quốc gia: Belarus, Kazakhstan, Nga. Chức năng SmartDevice không khả dụng ở đó.

1.4 Phạm vi sử dụng

Mục đích sử dụng

Thiết bị chỉ phù hợp để làm mát thực phẩm trong môi trường gia đình hoặc hộ gia đình. Ví dụ:

- trong bếp ăn nhân viên, giường ngủ và chuẩn bị bữa sáng,
- bởi khách trong các căn nhà ở nông thôn, khách sạn, nhà nghỉ và chỗ ở khác,
- để phục vụ ăn uống và các dịch vụ tương tự trong việc buôn bán thương mại.

Thiết bị không phù hợp như một thiết bị tích hợp;

Tất cả các loại sử dụng khác đều không được phép.

Cảnh báo lạm dụng:

Các ứng dụng sau đây bị nghiêm cấm:

- Bảo quản và làm lạnh thuốc, huyết tương, chế phẩm phòng thí nghiệm hoặc các chất tương tự và các sản phẩm dựa trên Chỉ thị thiết bị y tế 2007/47/EC
 - Sử dụng ở những khu vực có nguy cơ cháy nổ
- Việc sử dụng sai thiết bị có thể làm hư hỏng hàng hoá được lưu trữ.

Phân loại khí hậu

Tùy thuộc vào phân loại khí hậu, thiết bị được thiết kế để hoạt động ở nhiệt độ môi trường hạn chế. Phân loại khí hậu áp dụng cho thiết bị của bạn được in trên bảng đánh giá.

Lưu ý

► Duy trì nhiệt độ môi trường xung quanh được chỉ định để đảm bảo thiết bị hoạt động bình thường.

| Phân loại khí hậu | đối với nhiệt độ môi trường xung quanh |
|-------------------|--|
| SN | 10 °C đến 32 °C |
| N | 16 °C đến 32 °C |
| ST | 16 °C đến 38 °C |
| T | 16 °C đến 43 °C |
| SN-ST | 10 °C đến 38 °C |
| SN-T | 10 °C đến 43 °C |

1.5 Tính hợp quy

Mạch điện của tủ lạnh đã được kiểm tra rò rỉ. Thiết bị này tuân thủ các quy định an toàn hiện hành và các chỉ thị tương ứng.

Cho thị trường EU:* Thiết bị tuân thủ chỉ thị 2014/53/EU.*

Cho thị trường GB:* Thiết bị này tuân thủ Quy định về thiết bị vô tuyến 2017 SI 2017No. 1206.*

Toàn văn Tuyên bố tính hợp quy của thị trường EU có sẵn trên trang web sau: www.liebherr.com

Ngăn BioFresh đáp ứng các yêu cầu của ngăn bảo quản lạnh theo tiêu chuẩn DIN EN 62552:2020.

1.6 Chất SVHC theo quy định REACH

Bạn có thể kiểm tra xem thiết bị của mình có chứa chất SVHC theo quy định REACH hay không tại liên kết sau:

home.liebherr.com/de/deu/de/liebherr-erleben/nachhaltigkeit/umwelt/scip/scip.html

1.7 EPREL database

Thông tin chi tiết về các yêu cầu dán nhãn năng lượng và thiết kế sinh thái sẽ có trên cơ sở dữ liệu sản phẩm Châu Âu (EPREL) từ ngày 1 tháng 3 năm 2021. Bạn có thể truy cập cơ sở dữ liệu sản phẩm tại liên kết sau:

<https://eprel.ec.europa.eu/> Bạn sẽ được hỏi để nhập ID. Bạn có thể tìm thấy ID model trên bảng tên.

2 Hướng dẫn an toàn chung

Vui lòng giữ các hướng dẫn vận hành này ở nơi an toàn để bạn có thể tham khảo lại bất cứ lúc nào.

Nếu bạn chuyển lại thiết bị, vui lòng đưa hướng dẫn vận hành này cho người dùng tiếp theo. Đọc kỹ hướng dẫn vận hành này trước khi sử dụng để đảm bảo sử dụng thiết bị an toàn và đúng cách. Luôn tuân theo các hướng dẫn, hướng dẫn an toàn và thông báo cảnh báo đi kèm. Chúng rất quan trọng để đảm bảo bạn có thể vận hành và lắp đặt thiết bị một cách an toàn và không gặp bất kỳ sự cố nào.

Nguy hiểm cho người dùng:

- Thiết bị này có thể được sử dụng bởi trẻ em và những người bị suy giảm khả năng về thể chất, giác quan hoặc tinh thần hoặc thiếu kinh nghiệm và kiến thức với điều kiện là họ được giám sát hoặc nhận được hướng dẫn về cách sử dụng an toàn thiết bị này và về các mối nguy hiểm có thể xảy ra. Trẻ em không được chơi với thiết bị này. Trẻ em không được phép thực hiện công việc vệ sinh và bảo trì người dùng nếu không có sự giám sát của người lớn. Trẻ em từ 3 đến 8 tuổi được phép xếp và dỡ thiết bị. Trẻ em dưới 3 tuổi phải tránh xa thiết bị trừ khi có sự giám sát liên tục của người lớn.
- Ố cắm phải dễ tiếp cận để có thể ngắt kết nối thiết bị nhanh chóng khỏi nguồn điện trong trường hợp khẩn cấp. Nó không được đặt ở khu vực phía sau thiết bị.
- Khi ngắt kết nối thiết bị khỏi nguồn điện, luôn cầm vào phích cắm. Không kéo cáp.
- Trong trường hợp có lỗi, hãy rút phích cắm nguồn điện hoặc tắt cầu chì.
- Không làm hỏng cáp nguồn. Không vận hành thiết bị khi dây nguồn điện bị lỗi.
- Chỉ bộ phận dịch vụ khách hàng hoặc nhân viên được đào tạo đặc biệt khác mới có thể sửa chữa hoặc thực hiện các hoạt động khác trên thiết bị.

- Chỉ lắp ráp, kết nối và thải bỏ thiết bị theo hướng dẫn.

- Nhà sản xuất không chịu trách nhiệm về những hư hỏng do kết nối nước cố định bị lỗi.*

Nguy cơ hỏa hoạn:

- Chất làm mát được sử dụng (thông tin trên biển hiệu) thân thiện với môi trường nhưng cũng dễ cháy. Bất kỳ chất làm mát nào bị rò rỉ đều có thể bốc cháy.

- Không làm hỏng các ống dẫn chất làm lạnh.
- Không xử lý các nguồn gây cháy bên trong thiết bị.
- Không sử dụng các thiết bị điện bên trong thiết bị (ví dụ: máy làm sạch bằng hơi nước, máy sưởi, máy làm kem, v.v.).
- Nếu chất làm lạnh bị rò rỉ: loại bỏ mọi ngọn lửa trần hoặc nguồn đánh lửa khỏi khu vực lân cận điểm rò rỉ. Điều hòa không khí trong phòng đúng cách. Thông báo dịch vụ khách hàng.
- Không cất giữ chất nổ hoặc thuốc xịt sử dụng chất đẩy dễ cháy như butan, propan, pentane, v.v. trong thiết bị. Để xác định các bình xịt này, hãy tìm danh sách nội dung được in trên bình hoặc biểu tượng ngọn lửa. Khí có khả năng thoát ra có thể bốc cháy do các bộ phận điện.
- Để nền, đèn và các vật dụng khác bằng ngọn lửa trần cách xa thiết bị để chúng không gây cháy thiết bị.
- Hãy đảm bảo bảo quản đồ uống có cồn hoặc các loại bao bì khác có chứa rượu trong hộp kín. Bất kỳ lượng cồn nào rò rỉ ra ngoài đều có thể bị đốt cháy bởi các bộ phận điện.

Nguy cơ bị lật và rơi::

- Không lạm dụng các kệ, ngăn kéo, cửa ra vào, v.v. như một bước hoặc để hỗ trợ. Điều này đặc biệt áp dụng cho trẻ em.

Nguy cơ ngộ độc thực phẩm:

- Không sử dụng thực phẩm đã bảo quản quá lâu.

Nguy cơ tê cóng, tê và đau:

- Tránh để da tiếp xúc lâu với bề mặt lạnh hoặc hàng lạnh/đông lạnh hoặc thực hiện các biện pháp bảo vệ, ví dụ như đeo găng tay.

Nguy cơ bị thương và hư hỏng:

- Hơi nước nóng có thể gây thương tích. Không sử dụng thiết bị làm nóng bằng điện hoặc thiết bị làm sạch bằng hơi nước, ngọn lửa trần hoặc bình xịt rửa đông để rửa đông.
- Không dùng dụng cụ sắc nhọn để lấy đá.

Cách thức vận hành

Nguy cơ bị nghiền nát:

- Không cầm vào bản lề khi đóng mở cửa.
Ngón tay có thể bị kẹt.

Các ký hiệu trên thiết bị:



Biểu tượng này có thể được đặt trên máy nén. Nó liên quan đến dầu trong máy nén và đề cập đến nguy cơ: Nuốt hoặc hít phải có thể gây tử vong. Lời khuyên này chỉ liên quan đến việc tái chế. Không có nguy hiểm trong hoạt động bình thường.



Biểu tượng này nằm trên máy nén và cho biết sự nguy hiểm của vật liệu dễ cháy. Không tháo nhãn dán.



Nhãn dán này hoặc nhãn dán tương tự có thể được đặt ở phía sau thiết bị. Nhãn dán này cho biết có tấm cách nhiệt chân không (VIP) hoặc tấm đá trân châu ở cửa và/hoặc vỏ. Lời khuyên này chỉ liên quan đến việc tái chế. Không tháo nhãn dán.

Xin lưu ý các thông điệp cảnh báo và lời khuyên cụ thể khác trong các chương khác:

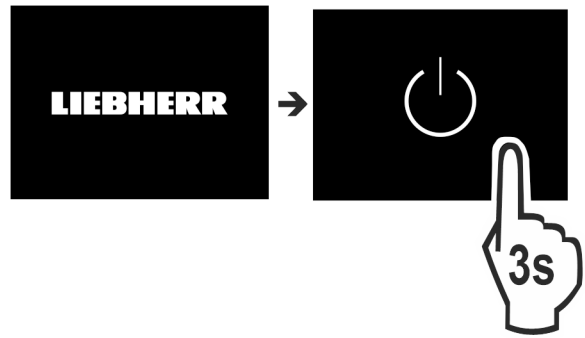
| | | |
|--|------------|---|
| | NGUY HIỂM | cho biết một tình huống nguy hiểm tức thời sẽ dẫn đến tử vong hoặc bị thương nặng nếu không tránh được. |
| | CẢNH BÁO | biểu thị một tình huống nguy hiểm có thể dẫn đến tử vong hoặc bị thương nặng nếu không tránh được |
| | THẬN TRỌNG | cho biết một tình huống nguy hiểm có thể dẫn đến thương tích nhẹ hoặc trung bình nếu không tránh được. |
| | CHÚ Ý | chỉ ra một tình huống nguy hiểm có thể dẫn đến thiệt hại về tài sản nếu không tránh được |
| | Lưu ý | chỉ ra các hướng dẫn và lời khuyên hữu ích. |

3 Đi vào hoạt động

3.1 Bật thiết bị

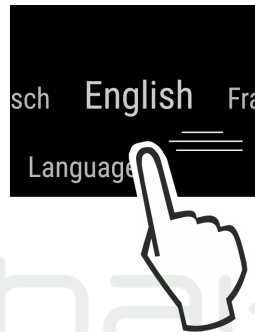
Đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau:

- Thiết bị được thiết lập và kết nối theo hướng dẫn lắp đặt.
- Tất cả các dải dính, băng dính và băng bảo vệ cũng như các thiết bị an toàn khi vận chuyển bên trong và trên thiết bị đều được tháo bỏ.
- Tất cả các tờ rơi tiếp thị được lấy ra khỏi ngăn kéo.



Hình. 2

- ▶ Bật thiết bị bằng màn hình.

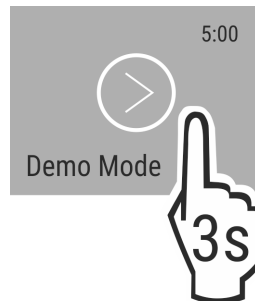


Hình. 3

- ▶ Lựa chọn ngôn ngữ.
- ▷ Màn hình hiển thị xuất hiện.

Thiết bị khởi động ở chế độ Demo:

Nếu thiết bị khởi động ở chế độ Demo, bạn có thể vô hiệu hoá chế độ Demo trong vòng 5 phút tiếp theo.



Hình. 4

- ▶ Ấn chế độ Demo trong 3 giây.
- ▷ Chế độ Demo bị tắt.

Lưu ý

Nhãn hàng khuyến nghị:

- ▶ Đặt thực phẩm vào bên trong: Đợi khoảng 6 giờ cho đến khi đạt nhiệt độ cài đặt.

3.2 Chèn các thành phần

Lưu ý

Phụ kiện có thể được mua ở cửa hàng Liebherr-Hausgeräte home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html.

- ▶ Đưa các thành phần được cung cấp để tận dụng tối đa thiết bị của bạn.
- ▶ Lắp bình chứa nước (xem 8.2.2 Lắp bình chứa nước) .*
- ▶ Lắp bộ lọc nước (xem 8.3.2 Lắp bộ lọc nước) .*

► Lắp khay nhỏ giọt (xem 8.2.3 Tháo/lắp khay nhỏ giọt).*

3.3 Đưa InfinitySpring vào hoạt động*

Nếu thiết bị của bạn được trang bị InfinitySpring, trước khi sử dụng lần đầu tiên, bạn phải xả hệ thống nước cho InfinitySpring và làm sạch InfinitySpring.

Đảm bảo rằng các yêu cầu sau được đáp ứng:

- Nguồn cấp nước đã được kết nối. Xem hướng dẫn cài đặt
- Bình chứa nước đã được lắp đặt. Xem Hướng dẫn cài đặt
- Bộ lọc nước được lắp đặt. Xem Hướng dẫn cài đặt hoặc*
- Thiết bị được kết nối đúng cách.

3.3.1 Xả nước hệ thống

- Mở cửa thiết bị.
- Đẩy chiếc ly vào phần dưới của Bộ phân phối InfinitySpring.
- ▷ Phần trên di chuyển ra ngoài và không khí thoát ra ngoài hoặc nước chảy vào kính.
- Tiếp tục cho đến khi nước chảy đều vào ly.
- ▷ Hệ thống nước xả nước

3.3.2 Làm sạch InfinitySpring

(xem phần 8.6.5 Vệ sinh InfinitySpring*)

4 Quản lý thực phẩm

4.1 Bảo quản thực phẩm

CẢNH BÁO

Nguy cơ cháy nổ

► Không sử dụng bất kỳ thiết bị điện nào trong khu vực thực phẩm của thiết bị trừ khi được nhà sản xuất khuyến nghị.

Ghi chú

Mức tiêu thụ năng lượng tăng và công suất làm mát giảm nếu thông gió không đủ.

► Luôn giữ cho các khe gió thông thoáng.

Khi bảo quản thực phẩm, hãy luôn tuân thủ những điều sau:

- Lỗ thông gió trên tấm tủ sau bên trong không bị cản trở.
- Lỗ thông gió trên quạt không bị cản trở.
- Thực phẩm được đóng gói kín.
- Thực phẩm dễ hấp thụ hoặc có mùi, vị được bảo quản trong hộp kín hoặc đậy kín.
- Thịt, cá sống được đựng trong hộp sạch, đậy kín để tránh tiếp xúc hoặc nhỏ giọt vào các thực phẩm khác.
- Chất lỏng được đựng trong hộp kín.
- Thực phẩm không được bảo quản quá gần nhau vì không khí cần được lưu thông.

Ghi chú

Việc không tuân theo những hướng dẫn này có thể dẫn đến thực phẩm bị hư hỏng.

4.1.1 Tủ lạnh

Sự lưu thông không khí tự nhiên tạo ra một phạm vi nhiệt độ.

Sắp xếp món ăn của bạn như sau:

► Ở phần trên cùng và trong cửa: bơ và pho mát, chất bảo quản và ống.

► Ở vùng lạnh nhất *Hình 1(C)*: thực phẩm dễ hư hỏng như đồ ăn đã chế biến sẵn.

4.1.2 BioFresh

BioFresh giúp một số loại thực phẩm tươi sống được tươi lâu hơn so với các phương pháp làm lạnh thông thường.

Trong trường hợp thực phẩm có thời hạn sử dụng tối thiểu, ngày ghi trên bao bì vẫn được áp dụng.

Ghi chú

Nếu nhiệt độ giảm xuống dưới 0°C, thực phẩm có thể đông cứng với nhau.

► Bảo quản các loại rau nhạy cảm với thời tiết lạnh như dưa chuột, cà tím, bí xanh và trái cây nhiệt đới nhạy cảm với thời tiết lạnh trong ngăn tủ lạnh.

An toàn cho Trái cây & Rau quả

Điều này cung cấp một môi trường lưu trữ trong lành khi đóng nắp. Khí hậu ẩm thích hợp để bảo quản thực phẩm rời có độ ẩm cao (ví dụ: salad, rau, trái cây).

Độ ẩm không khí trong ngăn phụ thuộc vào độ ẩm của đồ vật được bảo quản và số lần mở cửa. Bạn có thể điều chỉnh độ ẩm không khí.

Sắp xếp món ăn của bạn như sau:

- Cất trữ trái cây và rau quả rời của bạn.
- Độ ẩm không khí quá cao: Điều chỉnh độ ẩm không khí (xem phần 7.9 Điều chỉnh mức độ ẩm).

An toàn cho Thịt & Sữa

Ở đây khí hậu bảo quản tương đối khô được thiết lập. Khí hậu khô rất lý tưởng cho thực phẩm khô hoặc đóng gói (ví dụ: các sản phẩm từ sữa, thịt, cá, xúc xích).*

Ở đây khí hậu bảo quản tương đối khô được thiết lập. Khí hậu khô rất lý tưởng cho thực phẩm khô hoặc đóng gói (ví dụ: các sản phẩm từ sữa, thịt, cá, xúc xích).*

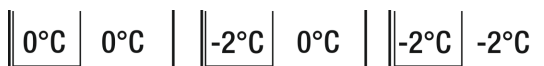
Sắp xếp món ăn của bạn như sau:

► Đặt thực phẩm khô hoặc đóng gói vào bên trong.

An toàn cho Cá & Hải sản

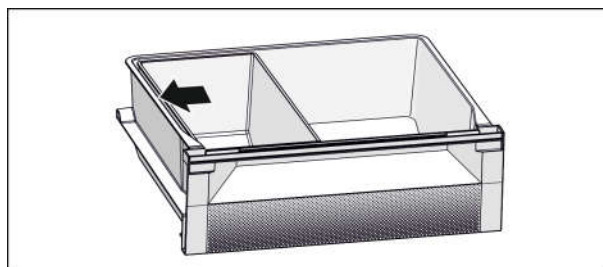
Ở tủ có luồng khí hậu bảo quản tương đối khô ráo. Khí hậu này rất phù hợp cho các cửa hàng tạp hóa khô hoặc đóng gói (ví dụ: các sản phẩm từ sữa, thịt, cá, hải sản, xúc xích).

Khay đựng Cá & Hải sản có thể di chuyển hoặc tháo rời. Nhiệt độ có thể được điều chỉnh thông qua màn hình hiển thị trên bảng điều khiển. Chỉ có thể chia ngăn thành các vùng nhiệt độ khác nhau khi khay được lắp vào. (xem Nhiệt độ) Có thể kết hợp các nhiệt độ sau:



Hình 5

Sắp xếp món ăn của bạn như sau:



Hình 6

- Định vị khay cá & hải sản. Vị trí hiển thị mang lại cho bạn chức năng làm mát tối ưu (xem Hình 6).
- Zone -2 °C: Bảo quản hải sản hoặc cá tươi.

Tiết kiệm năng lượng

► Vùng 0°C: Bảo quản các sản phẩm từ sữa hoặc thịt đóng gói

Ghi chú

Bạn có thể đạt được mức hiệu quả năng lượng cao nhất bằng cách sử dụng tổ hợp nhiệt độ **0 °C / 0 °C**.

Mức tiêu thụ năng lượng cao hơn một chút khi sử dụng tổ hợp nhiệt độ **-2 °C / 0 °C** and **-2 °C / -2 °C**.

4.2 Thời gian bảo quản

Hãy tham khảo thời gian lưu trữ được chỉ định làm hướng dẫn. Trong trường hợp thực phẩm có thời hạn sử dụng tối thiểu, ngày ghi trên bao bì vẫn được áp dụng.

4.2.1 Phần tủ lạnh

Luôn tuân theo ngày sử dụng tốt nhất ghi trên bao bì.

4.2.2 BioFresh

| Thời gian bảo quản được khuyến nghị trong chương trình An toàn Thịt & Sữa* | | |
|--|------|------------------|
| Thời gian bảo quản được đề xuất khi đã tắt HumidityPlus* | | |
| Bơ | 1 °C | lên đến 90 ngày |
| Phô mai cứng | 1 °C | lên đến 110 days |
| Sữa | 1 °C | lên đến 12 days |
| Xúc xích, thịt lạnh | 1 °C | lên đến 8 days |
| Gia cầm | 1 °C | lên đến 6 days |
| Thịt lợn | 1 °C | lên đến 6 days |
| Thịt bò | 1 °C | lên đến 6 days |
| Game | 1 °C | lên đến 6 days |

Ghi chú

► Hãy nhớ rằng thực phẩm giàu protein sẽ nhanh hỏng hơn; động vật có vỏ và giáp xác không để được lâu bằng cá và cá không để được lâu bằng thịt.

| Thời gian bảo quản được khuyến nghị trong sản phẩm An toàn cho rau quả* | | |
|---|---------|------------------|
| Thời gian bảo quản khuyến nghị khi kích hoạt HumidityPlus* | | |
| Rau củ, Salad | | |
| Atisô | 1 °C | lên đến 14 ngày |
| Rau cần tây | 1 °C | lên đến 28 ngày |
| Súp lơ | 1 °C | lên đến 21 ngày |
| Bông cải | 1 °C | lên đến 13 ngày |
| Rau diếp xoăn | 1 °C | lên đến 27 ngày |
| Rau xà lách | 1 °C | lên đến 19 ngày |
| Đậu | 1 °C | lên đến 14 ngày |
| Cải kale | 1 °C | lên đến 14 ngày |
| Cà rốt | 1 °C | lên đến 80 ngày |
| Tỏi | 1 °C | lên tới 160 ngày |
| Cây củ cải | 1 °C | lên đến 14 ngày |
| Rau xà lách | 1 °C | lên đến 13 ngày |
| Các loại thảo mộc | 1 °C | lên đến 13 ngày |
| Tỏi tây | at 1 °C | lên đến 29 ngày |
| Nấm | at 1 °C | lên đến 7 ngày |

| Thời gian bảo quản được khuyến nghị trong sản phẩm An toàn cho rau quả* | | |
|---|------|------------------|
| Thời gian bảo quản khuyến nghị khi kích hoạt HumidityPlus* | | |
| Củ cải | 1 °C | lên đến 10 ngày |
| bắp cải Bruccen | 1 °C | lên đến 20 ngày |
| Măng tây | 1 °C | lên đến 18 ngày |
| Rau chân vịt | 1 °C | lên đến 13 ngày |
| Savoy | 1 °C | lên đến 20 ngày |
| Hoa quả | | |
| Quả mơ | 1 °C | lên đến 13 ngày |
| Quả táo | 1 °C | lên đến 80 ngày |
| Quả lê | 1 °C | lên đến 55 ngày |
| Quả Dâu đen | 1 °C | lên đến 3 ngày |
| Quả chà là | 1 °C | lên tới 180 ngày |
| Quả dâu tây | 1 °C | lên đến 7 ngày |
| quả sung | 1 °C | lên đến 7 ngày |
| Quả việt quất | 1 °C | lên đến 9 ngày |
| Quả mâm xôi | 1 °C | lên đến 3 ngày |
| Cây phúc bồn tử | 1 °C | lên đến 7 ngày |
| Quả Anh đào | 1 °C | lên đến 14 ngày |
| Quả Kiwi | 1 °C | lên đến 80 ngày |
| Quả đào | 1 °C | lên đến 13 ngày |
| Quả mận | 1 °C | lên đến 20 ngày |
| Quả Nham lê | 1 °C | lên đến 60 ngày |
| cây đại hoàng | 1 °C | lên đến 13 ngày |
| Quả lý gai | 1 °C | lên đến 13 ngày |
| Quả nho | 1 °C | lên đến 29 ngày |

| Thời gian lưu trữ được khuyến nghị trong Fish & Seafood-Safe* | | |
|---|-------|----------------|
| Hải sản | | |
| Cua | -2 °C | lên đến 4 ngày |
| Con trai | -2 °C | lên đến 6 ngày |
| Sushi | -2 °C | lên đến 4 ngày |
| Cá | -2 °C | lên đến 4 ngày |

5 Tiết kiệm năng lượng

- Chú ý thông gió tốt. Không che các lỗ thông gió hoặc lưới.
- Luôn giữ cho các khe gió của quạt thông thoáng.
- Không lắp đặt thiết bị dưới ánh nắng trực tiếp, cạnh lò nướng, bộ tản nhiệt hoặc thiết bị tương tự.
- Mức tiêu thụ năng lượng phụ thuộc vào điều kiện lắp đặt, ví dụ: nhiệt độ môi trường xung quanh (xem 1.4 Phạm vi sử dụng của thiết bị). Nhiệt độ môi trường xung quanh ấm hơn có thể làm tăng mức tiêu thụ năng lượng.
- Mở thiết bị trong thời gian ngắn nhất có thể.
- Nhiệt độ càng thấp thì mức tiêu thụ năng lượng càng cao.
- Sắp xếp thực phẩm của bạn: home.liebherr.com/food.

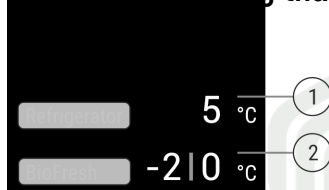
- Thực phẩm được đóng gói và đậy nắp cẩn thận. Điều này ngăn ngừa sương giá hình thành.
- Chỉ lấy thức ăn ra ngoài trong thời gian cần thiết để thức ăn không bị nóng lên quá nhiều.
- Cho thức ăn còn ấm vào: trước tiên để nguội về nhiệt độ phòng.
- Đối với thời gian vắng mặt lâu hơn, hãy sử dụng HolidayMode (xem HolidayMode).

6 Điều khiển

6.1 Điều khiển và hiển thị.

Màn hình hiển thị cung cấp cho bạn cái nhìn tổng quan nhanh chóng về cài đặt nhiệt độ cũng như trạng thái của các chức năng và cài đặt. Chọn hoặc điều chỉnh các chức năng bằng cách kích hoạt/hủy kích hoạt hoặc chọn một giá trị.

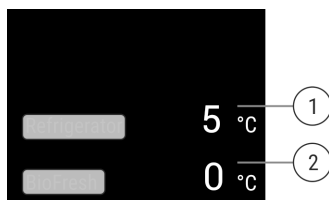
6.1.1 Hiển thị trạng thái



Hình. 7

(1) Hiển thị nhiệt độ của ngăn tủ lạnh*

(2) Hiển thị nhiệt độ tương sinh học (An toàn cho cá & hải sản)*



Hình. 8

(1) Hiển thị nhiệt độ của ngăn tủ lạnh*

(2) Hiển thị nhiệt độ BioFresh*

Màn hình trạng thái hiển thị nhiệt độ đã đặt và là màn hình chính. Từ đó, bạn có thể điều hướng đến các tùy chọn và cài đặt.

6.1.2 Điều hướng

Điều hướng trong menu để truy cập các chức năng riêng lẻ. Tín hiệu âm thanh sẽ phát ra sau khi xác nhận một chức năng hoặc cài đặt. Nếu không có lựa chọn nào được thực hiện sau 10 giây, màn hình sẽ chuyển sang màn hình Trạng thái.

| Điều hướng | Mô tả |
|------------|---|
| | Nhấn nhanh Kích hoạt/hủy kích hoạt chức năng. Xác nhận lựa chọn. Mở menu con. |
| | Nhấn và giữ (3 giây) Kích hoạt/hủy kích hoạt chức năng. Thanh tăng/giảm xuất hiện trên màn hình. Xác nhận lựa chọn. Đặt lại thiết bị/giá trị. Bật/tắt thiết bị. |

| Điều hướng | Mô tả |
|------------|--|
| | Vuốt Điều hướng trong menu. Tìm kiếm các giá trị. |
| | |
| | |
| | Nhấn nhanh biểu tượng "Back" Màn hình quay trở lại một cấp độ. |
| | Đề yên 10 giây Màn hình chuyển sang màn hình Trạng thái. |

6.1.3 Hiển thị ký hiệu

Các biểu tượng hiển thị cung cấp thông tin về trạng thái hiện tại của thiết bị:

| Ký hiệu | Trạng thái thiết bị |
|---------|--|
| | Chế độ chờ Thiết bị hoặc vùng nhiệt độ đã tắt. |
| | Số nhấp nháy Thiết bị đang hoạt động. Nhiệt độ nhấp nháy cho đến khi đạt đến nhiệt độ cài đặt. |
| | |
| | Biểu tượng nhấp nháy Thiết bị đang hoạt động. Việc thiết lập đã được thực hiện. |
| | |

6.2 Khái niệm điều khiển

6.2.1 Kích hoạt/vô hiệu hóa chức năng

Bạn có thể kích hoạt/hủy kích hoạt các chức năng sau:

| Ký hiệu | Chức năng |
|---------|---------------------|
| | SuperCool* |
| | HolidayMode |
| | Tiết kiệm điện năng |
| | HydroBreeze* |
| | HumidityPlus* |


* Khi chức năng này được bật, thiết bị sẽ hoạt động mạnh hơn. Điều này có nghĩa là tiếng ồn của thiết bị khi hoạt động có thể to hơn trong một thời gian ngắn và sẽ tiêu tốn nhiều năng lượng hơn.

Điều khiển

- ▶ Vuốt sang trái trên màn hình cho đến khi chức năng này xuất hiện.
- ▶ Xác nhận chức năng đã chọn bằng một cú chạm ngắn.
- ▷ Bạn nghe thấy âm xác nhận.
- ▷ Trạng thái xuất hiện trong menu.
- ▷ Chức năng đang bật/tắt.

6.2.2 Lựa chọn giá trị hàm

Với các chức năng sau, bạn có thể đặt giá trị trong menu phụ:


| Ký hiệu | Chức năng |
|---|---------------------------------------|
|  | Cài đặt nhiệt độ Bật/ Tắt thiết bị |

- ▶ Vuốt sang trái trên màn hình cho đến khi chức năng này xuất hiện.
- ▶ Xác nhận chức năng đã chọn bằng một cú chạm ngắn.
- ▶ Chọn giá trị cài đặt bằng cách vuốt màn hình.
- ▶ Nhấn nhanh để xác nhận giá trị đã chọn.

6.2.3 Kích hoạt/hủy kích hoạt cài đặt

Bạn có thể kích hoạt/hủy kích hoạt các cài đặt sau:

| Ký hiệu | Mô tả |
|---|-----------------------------|
|  | WiFi ¹ |
|  | Entry lock ² |
|  | Chế độ Sabbath ² |
|  | Chế độ vệ sinh ² |
|  | Nhắc nhở ¹ |
|  | Cài đặt lại ² |
|  | Tắt ² |

- ▶ Vuốt trái trên màn hình hiển thị tới khi  xuất hiện
- ▶ Chạm để xác nhận Cài đặt
- ▶ Vuốt cho tới khi thấy chức năng bạn cần.

¹ Kích hoạt cài đặt (nhấn nhanh)


- ▶ Nhấn nhanh để xác nhận.
- ▷ Bạn nghe thấy âm xác nhận.
- ▷ Trạng thái xuất hiện trong menu
- ▷ Cài đặt đang bật/tắt.




² Kích hoạt cài đặt (nhấn lâu)


- ▶ Nhấn lựa chọn trong 3 giây để xác nhận
- ▷ Bạn nghe thấy âm xác nhận.
- ▷ Trạng thái xuất hiện trong menu.
- ▷ Hiển thị các thay đổi.

6.2.4 Chọn giá trị cài đặt

Với các cài đặt sau, bạn có thể đặt giá trị trong menu phụ:




| Ký hiệu | Cài đặt |
|---|---------|
|  | Độ sáng |



| Ký hiệu | Cài đặt |
|---|--------------------|
|  | Âm báo cửa |
|  | Đơn vị đo nhiệt độ |
|  | Ngôn ngữ |

- ▶ Vuốt sang trái trên màn hình đến khi  xuất hiện.
- ▶ Chạm để xác nhận cài đặt
- ▶ Vuốt cho đến khi thấy cài đặt mình muốn.
- ▶ Chạm nhanh để xác nhận.
- ▶ Chọn giá trị cài đặt mong muốn bằng cách vuốt màn hình.
- ▶ Chạm nhanh để xác nhận.
- ▷ Bạn nghe thấy âm xác nhận.
- ▷ Trạng thái xuất hiện nhanh trong menu con.
- ▷ Màn hình chuyển trở lại menu.

6.2.5 Vào menu Khách hàng

Bạn có thể thấy các cài đặt sau trong menu Khách hàng:

| Ký hiệu | Chức năng |
|---|-------------------------------|
|  | BioFresh B-Value ¹ |
|  | D-Value ¹ |
|  | Software |

- ▶ Vuốt sang trái trên màn hình cho đến khi  xuất hiện.
- ▶ Chạm vào Cài đặt
- ▷ Menu con xuất hiện.
- ▶ Vuốt sang trái trên màn hình đến khi thông tin về công cụ  xuất hiện.
- ▶ Nhấn trong 3 giây.
- ▷ Menu nhập mã số sẽ xuất hiện.
- ▶ Nhập mã số 151.
- ▷ Menu khách hàng xuất hiện.
- ▶ Vuốt sang trái trên màn hình cho đến khi cài đặt mong muốn xuất hiện.

¹ Chọn giá trị

- ▶ Xác nhận bằng một cú chạm ngắn.
- ▷ Bạn nghe thấy âm xác nhận.
- ▷ Trạng thái xuất hiện nhanh trên màn hình.
- ▷ Màn hình chuyển trở lại menu.

² Kích hoạt cài đặt

- ▶ Để xác nhận, nhấn vào màn hình trong 3 giây.
- ▷ Bạn nghe thấy âm xác nhận.
- ▷ Trạng thái xuất hiện trên màn hình.
- ▷ Biểu tượng nhấp nháy trong thời gian thiết bị đang hoạt động.

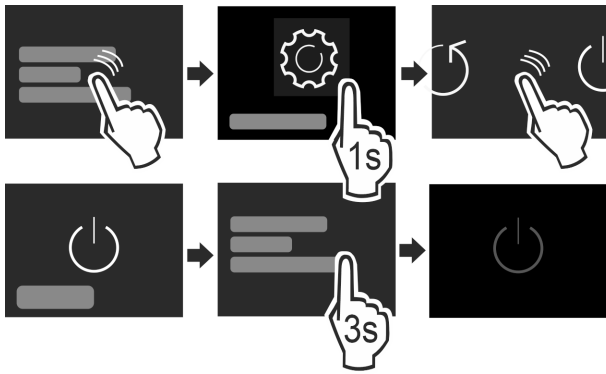
6.3 Chức năng



Tắt thiết bị

Cài đặt này sẽ tắt toàn bộ thiết bị.

Tắt toàn bộ thiết bị



Hình 9

- ▶ Kích hoạt/hủy kích hoạt (xem phần 6.2 Khái niệm điều khiển)
- ▶ Đặt lại cài đặt. (xem 6.2 Khái niệm kiểm soát)
- ▷ Tắt: Màn hình chuyển sang màu đen

WiFi

Sử dụng chức năng này để kết nối thiết bị của bạn với WiFi. Sau đó, bạn có thể vận hành nó thông qua ứng dụng SmartDevice trên thiết bị di động. Bạn cũng có thể sử dụng chức năng này để ngắt kết nối hoặc đặt lại kết nối WiFi. Để kết nối thiết bị của bạn với WiFi, bạn cần có SmartDeviceBox. Để biết thêm thông tin về SmartDeviceBox và cách sử dụng ứng dụng SmartDevice: (xem 1.3 SmartDevice)

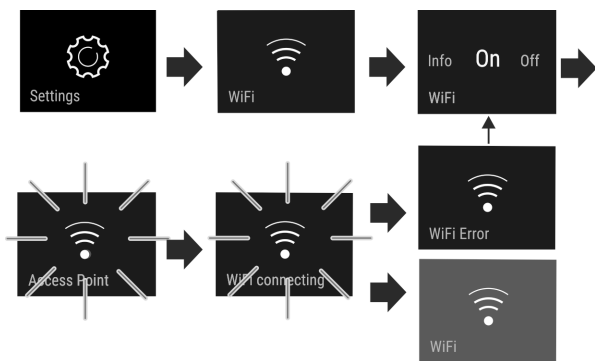
Ghi chú

Bạn không thể sử dụng SmartDeviceBox ở các quốc gia sau: Belarus, Kazakhstan, Nga. Chức năng SmartDevice không khả dụng.

Thiết lập kết nối WiFi

Đảm bảo rằng các yêu cầu sau được đáp ứng:

- Bạn đã mua và lắp SmartDeviceBox.(xem 1.3 SmartDevice)*
- Bạn đã cài đặt ứng dụng SmartDevice (xem apps.home.liebherr.com)
- Đăng ký trong ứng dụng SmartDevice đã hoàn tất.

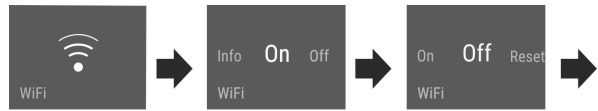


Hình 10

- ▶ Kích hoạt cài đặt. (xem 6.2 Khái niệm kiểm soát)
- ▷ Kết nối được thiết lập: Kết nối xuất hiện. Biểu tượng nhấp nháy.
- ▷ Kết nối được thiết lập: WiFi xuất hiện, màn hình chuyển sang màu xanh lam.
- ▷ Kết nối không thành công: Lỗi WiFi xuất hiện.

Ngắt kết nối khỏi WiFi

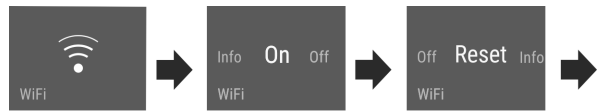
- ▶ Tắt cài đặt. (xem 6.2 Khái niệm kiểm soát)



Hình 11

- ▷ Không có kết nối: Biểu tượng hiển thị vĩnh viễn

Đặt lại kết nối WiFi



Hình 12

- ▷ Kết nối và các cài đặt khác được đặt lại về cài đặt gốc.

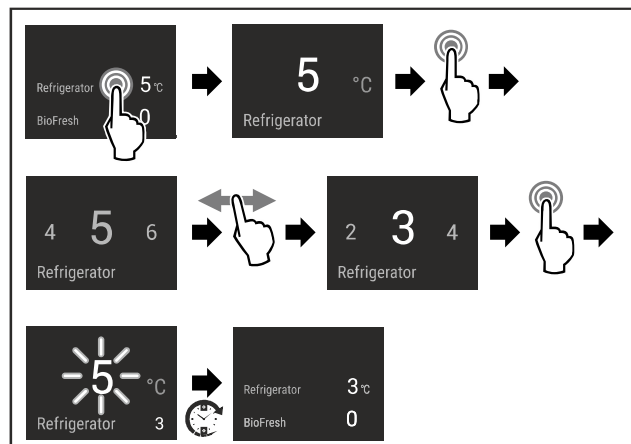
5 °C Nhiệt độ

Nhiệt độ phụ thuộc vào các yếu tố sau:

- Số lần mở cửa
- Cửa mở được bao lâu?
- Nhiệt độ phòng của nơi lắp đặt
- Loại, nhiệt độ và số lượng thực phẩm

| Vùng nhiệt độ | Cài đặt đề xuất |
|----------------------|------------------------|
| 5 °C Phản tử lạnh | 5 °C |
| 0 °C BioFresh | (xem BioFresh B-Value) |

Cài đặt nhiệt độ trong ngăn mát tủ lạnh



Hình 13

- ▶ Hoàn thành tất cả các bước
- ▷ Tắt toàn bộ thiết bị

Điều khiển

Cài đặt nhiệt độ trong BioFresh

Bạn có thể đặt nhiệt độ bằng cách sử dụng BioFresh B-Value trong menu khách hàng. (xem BioFresh B-Value)



Đơn vị nhiệt độ

Cài đặt này cho phép bạn chuyển đổi giữa độ C và độ F làm đơn vị nhiệt độ.

Lựa chọn giá trị cài đặt

► Đặt giá trị (xem 6.2 Khái niệm điều khiển).



BioFresh B-Value

Khi được cung cấp, nhiệt độ trong ngăn BioFresh được đặt ở mức B5. Chỉ báo trạng thái trên màn hình hiển thị nhiệt độ mục tiêu thích hợp trong BioFresh.

Bạn có thể thay đổi giá trị này một chút nếu nhiệt độ môi trường cao hơn hoặc thấp hơn là cần thiết. Khi thiết lập giá trị, lưu ý:

| Giá trị | Mô tả |
|---------|---|
| B1 | Nhiệt độ thấp nhất |
| B1-B4 | Nhiệt độ có thể giảm xuống dưới 0°C nên thực phẩm có thể dễ dàng đông cứng. |
| B5 | Nhiệt độ mặc định |
| B9 | Nhiệt độ cao nhất |

BioFresh B-Value

Chọn cài đặt

► Đặt kích thước trong menu Khách hàng (xem 6.2 Kiểm soát ý tưởng).



D-Value

D-Value được cài sẵn cho thiết bị của bạn và không thể thay đổi.



SuperCool

Chức năng này chọn nhiệt độ làm mát thấp nhất. Điều này giúp bạn có nhiệt độ bảo quản lạnh hơn.

Chức năng này liên quan đến phần tủ lạnh *Hình. 1 (A)*

Sử dụng:

- Làm nguội nhanh lượng lớn thực phẩm.

Kích hoạt/vô hiệu hóa chức năng

► Sử dụng ngăn tủ lạnh: kích hoạt chức năng khi bạn thêm hàng hóa

► Kích hoạt/hủy kích hoạt (xem 6.2 Khái niệm kiểm soát).

-hoặc-

► Kích hoạt/hủy kích hoạt bằng ứng dụng SmartDevice.*

Chức năng này sẽ tự động tắt. Thiết bị quay trở lại chế độ bình thường. Nhiệt độ tự điều chỉnh đến mức này.

Tùy chọn này cung cấp một loạt các chức năng và cài đặt đặc biệt hữu ích nếu bạn đang tổ chức một bữa tiệc.

Các chức năng sau được bật:

- SuperCool - Siêu mát
- InfinitySpring*

Tất cả các chức năng có thể được điều chỉnh linh hoạt và riêng biệt. Các thay đổi sẽ bị loại bỏ khi chức năng tắt.

6.3.8 Kích hoạt/vô hiệu hóa chức năng

► Kích hoạt/vô hiệu hóa (xem phần 6.2 Khái niệm điều khiển).

▷ Mở: Tất cả các chức năng được kích hoạt cùng lúc

▷ Tắt: Nhiệt độ đã cài đặt trước đó sẽ được khôi phục. Sau 24 giờ, chức năng này sẽ tự động tắt.



Chế độ Holiday

Chức năng này giảm thiểu mức tiêu thụ năng lượng trong thời gian vắng mặt kéo dài. Nhiệt độ của ngăn tủ lạnh được cài đặt ở mức 15°C và nhiệt độ này được hiển thị trên màn hình trạng thái khi đạt đến nhiệt độ.

Sử dụng:

- Tiết kiệm năng lượng nếu bạn dự định đi xa một thời gian.
- Tránh về nhà có mùi hôi, ẩm mốc.

Kích hoạt/vô hiệu hóa chức năng

► Dọn sạch mọi thứ trong ngăn tủ lạnh.

► Kích hoạt/hủy kích hoạt (xem phần 6.2 Khái niệm kiểm soát).

▷ Mở: Nhiệt độ tủ lạnh tăng lên.

▷ Tắt: nhiệt độ cài đặt trước đó được khôi phục.



Chế độ Sabbath

Với chức năng này, bạn có thể kích hoạt hoặc hủy kích hoạt Chế độ Sabbath. Nếu bạn kích hoạt chức năng này, một số chức năng điện tử sẽ bị tắt. Điều này cho phép thiết bị của bạn đáp ứng các yêu cầu tôn giáo vào các ngày lễ của người Do Thái như ngày Sa-bát và tuân thủ chứng nhận STAR-K Kosher.

| |
|--|
| Trạng thái thiết bị với Chế độ Sabbath đang hoạt động |
| Màn hình hiển thị trạng thái liên tục hiển thị SabbathMode. |
| Tất cả các chức năng trên màn hình ngoại trừ chức năng Tắt. Chức năng Chế độ Sabbath bị khóa. |
| Các chức năng hoạt động vẫn hoạt động. |
| Màn hình vẫn sáng khi bạn đóng cửa. |
| Đèn bên trong tắt. |
| Lời nhắc bị vô hiệu hóa. Khoảng thời gian đã đặt sẽ bị tạm dừng. |
| Lời nhắc và cảnh báo không được hiển thị. |
| Không có báo động cửa. |
| Không có báo động nhiệt độ. |
| InfinitySpring đã ngừng hoạt động.* |
| Chu trình rã đông chỉ hoạt động trong thời gian nhất định mà không tính đến việc sử dụng thiết bị. |
| Sau khi mất điện, thiết bị sẽ hoạt động trở lại Chế độ ngày Sabát. |

Tình trạng thiết bị

Ghi chú

Thiết bị này có chứng nhận từ "Viện Khoa học và Halacha". (www.machonhalacha.co.il)

Bạn có thể tìm thấy danh sách các thiết bị được chứng nhận STAR-K tại www.star-k.org/appliances.

Bật chế độ Sabbath



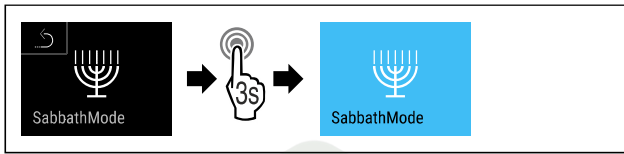
CẢNH BÁO

Nguy cơ ngộ độc thực phẩm từ thực phẩm hư hỏng! Nếu bạn đã kích hoạt Chế độ Sabbath và xảy ra mất điện, sẽ không có thông báo nào xuất hiện trên màn hình hiển thị về việc mất điện. Sau khi có điện trở lại, thiết bị sẽ tiếp tục hoạt động ở Chế độ Sabbath. Mất điện có thể khiến thực phẩm bị hỏng và việc tiêu thụ thực phẩm này có thể dẫn đến ngộ độc thực phẩm.

Sau khi mất điện:

- ▶ Không tiêu thụ thực phẩm đã đông lạnh và rã đông.
- ▶ Mở menu cài đặt. (xem 6.2 Khái niệm kiểm soát)

- ▶ Vuốt sang trái hoặc phải cho đến khi hiển thị chức năng tương ứng.

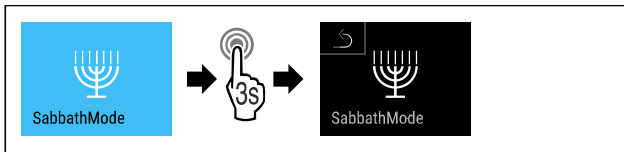


Hình. 14

- ▶ Hoàn thành các bước (xem Hình 14)
- ▷ Chế độ Sabbath được kích hoạt.
- ▷ Màn hình trạng thái liên tục hiển thị Chế độ Sabbath.

Tắt chế độ Sabbath

- ▶ Mở menu cài đặt. (xem 6.2 Khái niệm kiểm soát)
- ▶ Vuốt sang trái hoặc phải cho đến khi hiển thị chức năng tương ứng.



Hình. 15

- ▶ Hoàn thành các bước (xem Hình 15)
- ▷ Chế độ Sabbath bị vô hiệu hóa.

EnergySaver - Tiết kiệm năng lượng

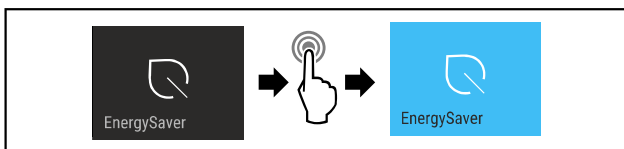
Chức năng này kích hoạt hoặc hủy kích hoạt chế độ tiết kiệm năng lượng. Khi bạn kích hoạt chức năng này, mức tiêu thụ năng lượng sẽ giảm và nhiệt độ trong thiết bị tăng thêm 2 °C. Thực phẩm vẫn tươi nhưng thời hạn sử dụng bị rút ngắn.

| Vùng nhiệt độ | Nhiệt độ gợi ý | Nhiệt độ khi kích hoạt chế độ Tiết kiệm năng lượng |
|----------------|----------------|--|
| 5 °C Ngăn lạnh | 5 °C | 7 °C |

Nhiệt độ

Kích hoạt EnergySaver - chế độ tiết kiệm năng lượng

- ▶ Vuốt sang trái hoặc phải cho đến khi hiển thị chức năng tương ứng.

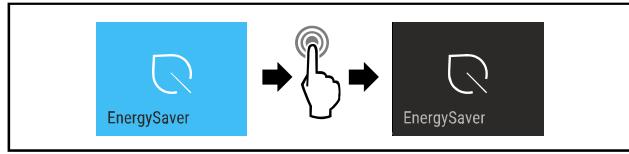


Hình. 16

- ▶ Hoàn thành các bước (xem Hình 16)
- ▷ Chế độ tiết kiệm năng lượng được kích hoạt.

Tắt EnergySaver

- ▶ Vuốt sang trái hoặc phải cho đến khi hiển thị chức năng tương ứng.



Hình. 17

- ▶ Hoàn thành các bước (xem Hình 17).
- ▷ Chế độ tiết kiệm năng lượng bị tắt.



HydroBreeze*

HydroBreeze tạo ra một làn sương mịn trong ngăn kéo cứ mỗi 90 phút sau trong 4 giây khi cửa đóng. Chức năng này cũng được kích hoạt khi bạn mở cửa. Chức năng này không được kích hoạt khi thiết bị được giao.

Sử dụng:

- Để bảo quản salad rời, rau và trái cây có độ ẩm cao.

Chọn từ các tùy chọn sau:

- 1: Khoảng thời gian hoạt động khi mở cửa 4 s
- 2: Khoảng thời gian hoạt động khi mở cửa 6 s
- 3: Khoảng thời gian hoạt động khi mở cửa 8 s
- Tắt: HydroBreeze tắt.

Kích hoạt/vô hiệu hóa chức năng

- ▶ Kích hoạt/vô hiệu hóa (xem 6.2 Khái niệm kiểm soát).
- hoặc -
- ▶ Kích hoạt/hủy kích hoạt trong Ứng dụng Liebherr SmartDevice.*



CleaningMode - Chế độ làm sạch

Sử dụng cài đặt này để dễ dàng vệ sinh thiết bị.

Cài đặt này đề cập đến phần tủ lạnh Hình. 1 (A).

Sử dụng:

- Lau sạch phần tủ lạnh bằng tay.
- Làm sạch InfinitySpring.*

Điều gì xảy ra trên thiết bị khi cài đặt này được bật:

- Màn hình hiển thị vĩnh viễn: CleaningMode.
- Phần tủ lạnh đã tắt.
- Đèn bên trong bật sáng.
- Nhắc nhở và cảnh báo không được hiển thị. Không có tín hiệu âm thanh.
- The InfinitySpring đã hết sử dụng được.*

Kích hoạt/vô hiệu hóa cài đặt

- ▶ Kích hoạt/vô hiệu hóa cài đặt (xem 6.2 Khái niệm kiểm soát).
- ▷ Bật: phần tủ lạnh đã tắt. Ánh sáng vẫn sáng.
- ▷ Tắt: nhiệt độ cài sẵn được khôi phục.

Sau 60 phút, cài đặt sẽ tự động tắt. Sau đó, thiết bị tiếp tục chạy ở chế độ bình thường.



Độ sáng màn hình

Đặt mức độ sáng của màn hình.

Điều khiển

Bạn có thể đặt các mức độ sáng sau:

- 40%
- 60%
- 80%
- 100%

Chọn Cài đặt

- ▶ Cài mức độ sáng (xem 6.2 Khái niệm kiểm soát).



Âm báo cửa

Đặt thời gian trước khi chuông báo cửa (xem Đóng cửa) kêu lên.

Các tùy chọn như sau:

- 1 min
- 2 min
- 3 min
- Off - Tắt

Chọn cài đặt

- ▶ Đặt thời gian (xem phần 6.4 Thông báo lỗi)



Entry lock

Cài đặt này ngăn chặn việc vô tình sử dụng thiết bị, ví dụ: bởi trẻ em.

Sử dụng:

- Tránh việc thay đổi cài đặt ngoài ý muốn.
- Tránh việc thiết bị bị tắt ngoài ý muốn.
- Tránh nhiệt độ bị thay đổi ngoài ý muốn.

Kích hoạt/vô hiệu hóa cài đặt

- ▶ Kích hoạt/hủy kích hoạt. (xem khái niệm điều khiển 6.2)



Ngôn ngữ

Cài đặt này cho phép bạn chọn ngôn ngữ hiển thị.

Chọn từ các ngôn ngữ sau:

- German - Đức
- English - Anh
- French - Pháp
- Spanish - Tây Ban Nha
- Italian - Ý
- Dutch - Hà Lan
- Czech - Séc
- Polish - Ba Lan
- Portuguese - Bồ Đào Nha
- Russian - Nga
- Chinese - Trung Quốc

Kích hoạt/vô hiệu hóa cài đặt

- ▶ Kích hoạt/vô hiệu hóa (xem 6.2 Khái niệm kiểm soát).




Thông tin

Cài đặt này cho phép đọc thông tin thiết bị cũng như truy cập vào menu khách hàng.

Nó cung cấp các thông tin sau:

- Tên mẫu thiết bị
- Mục lục
- Số Serial
- Số dịch vụ

Hiển thị dữ liệu thiết bị

- ▶ Vuốt trên màn hình cho đến khi  xuất hiện
- ▶ Xác nhận màn hình.
- ▶ Vuốt trên màn hình cho đến khi About (Giới thiệu) xuất hiện.
- ▶ Đọc thông tin thiết bị.



Lời nhắc nhở

Lời nhắc được đưa ra bằng âm thanh bằng tiếng bíp và bằng hình ảnh bằng biểu tượng trên màn hình. Tín hiệu sẽ to hơn cho đến khi cảnh báo dừng lại.



Thay bộ lọc nước*

Thông báo này xuất hiện khi máy lọc nước cần thay thế.

- ▶ Thay bộ lọc nước 6 tháng một lần.
- ▶ Xác nhận tin nhắn bằng OK.
- ▷ Khoảng thời gian dịch vụ được đặt lại.
- ▷ Bộ lọc nước đảm bảo chất lượng nước tốt nhất.



Thay thế bộ lọc than hoạt tính FreshAir

Thông báo này xuất hiện khi bộ lọc không khí cần thay thế.

- ▶ Thay bộ lọc không khí sáu tháng một lần.
- ▶ Xác nhận tin nhắn bằng OK.
- ▷ Khoảng thời gian dịch vụ được đặt lại.
- ▷ Bộ lọc không khí đảm bảo chất lượng không khí trong tủ lạnh.

Kích hoạt cài đặt

- ▶ Kích hoạt/vô hiệu hóa (xem 6.2 Khái niệm kiểm soát).



Cài lại

Chức năng này đặt lại tất cả các cài đặt về cài đặt gốc. Tất cả cài đặt bạn đã thực hiện cho đến nay sẽ được đặt lại về giá trị ban đầu.

Kích hoạt cài đặt

- ▶ Kích hoạt (xem 6.2 Khái niệm kiểm soát).

6.4 Thông báo lỗi

Thông báo lỗi xuất hiện trên màn hình. Có hai loại thông báo lỗi:

| Loại | Ý nghĩa |
|----------|--|
| Tin nhắn | Nhắc nhở các thủ tục chung. Bạn có thể thực hiện các thủ tục này để loại bỏ tin nhắn. |
| Cảnh báo | Xuất hiện khi có sự cố. Một tín hiệu phát ra ngoài màn hình. Tín hiệu trở nên to hơn cho đến khi bạn xác nhận bằng cách chạm vào màn hình. Bạn có thể tự mình loại bỏ những lỗi đơn giản. Đối với những lỗi nghiêm trọng hơn, bạn phải liên hệ với bộ phận dịch vụ khách hàng. |

6.4.1 Cảnh báo



Đóng cửa

Thông báo này xuất hiện nếu cửa mở quá lâu.

Bạn có thể đặt khoảng thời gian để thông báo này xuất hiện.

▶ Dừng báo động: Xác nhận thông báo.

-hoặc-

▶ Đóng cửa lại.



Lỗi

Thông báo này xuất hiện nếu có lỗi xảy ra với thiết bị. Một thành phần của thiết bị cho biết có lỗi.

▶ Mở cửa.

▶ Ghi lại mã lỗi.

▶ Xác nhận tin nhắn.

▷ Âm báo tín hiệu dừng lại.

▷ Màn hình hiển thị trạng thái xuất hiện.

▶ Đóng cửa.

▶ Liên hệ với bộ phận dịch vụ khách hàng. (xem 9.4 Dịch vụ khách hàng)

6.4.2 Chế độ Demo

Nếu “D” xuất hiện trên màn hình, chế độ demo đang bật. Tùy chọn này được thiết kế dành cho các nhà bán lẻ vì nó tắt tất cả các chức năng làm mát.

Dừng chế độ Demo

Nếu bạn thấy thông báo sau đang chạy trên màn hình:

▶ Xác nhận màn hình trong thời gian đếm ngược.

▷ Chế độ Demo đã tắt.

Nếu bộ hẹn giờ không chạy:

▶ Rút phích cắm của thiết bị.

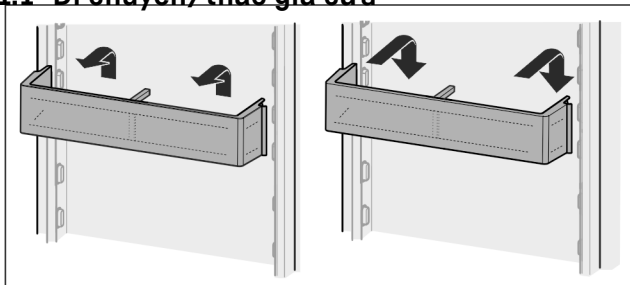
▶ Cắm lại thiết bị.

▷ Chế độ Demo đã tắt.

7 Tính năng

7.1 Giá đỡ cửa

7.1.1 Di chuyển/tháo giá đỡ cửa

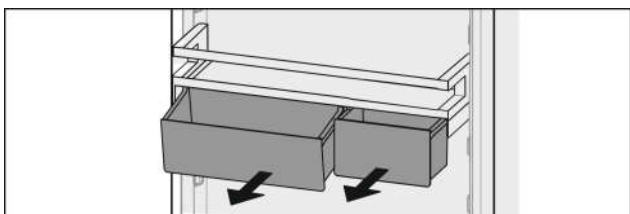


Hình. 18

▶ Trượt giá đỡ lên trên.

▶ Kéo về phía trước.

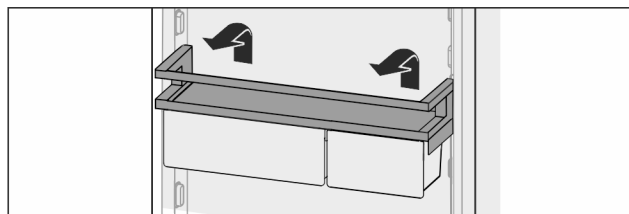
▶ Lắp lại theo thứ tự ngược lại.



Hình. 19

Bạn có thể chỉ sử dụng một hoặc cả hai VarioBox. Để bảo quản những chai lọ cỡ lớn, chỉ cần treo một chiếc hộp lên trên giá đựng chai.

Di chuyển kệ VarioBox:

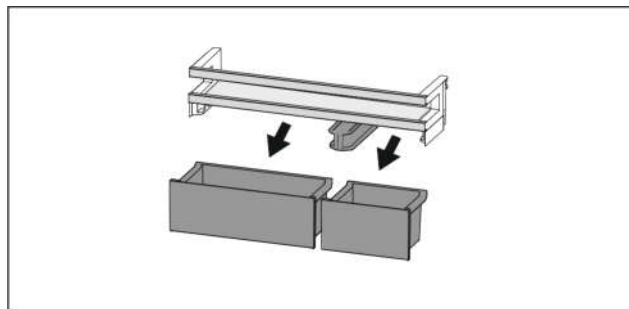


Hình. 20

▶ Kéo nó lên và ra.

▶ Đặt nó trở lại vị trí bất kỳ.

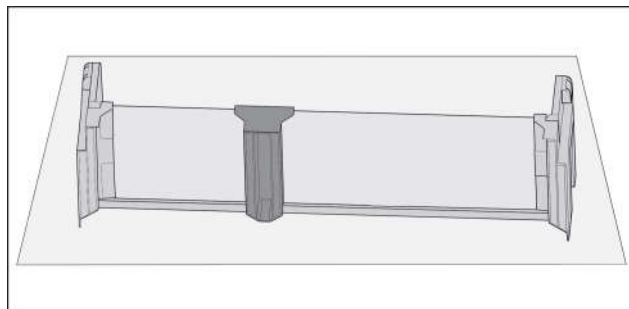
Di chuyển VarioBox:



Hình. 21

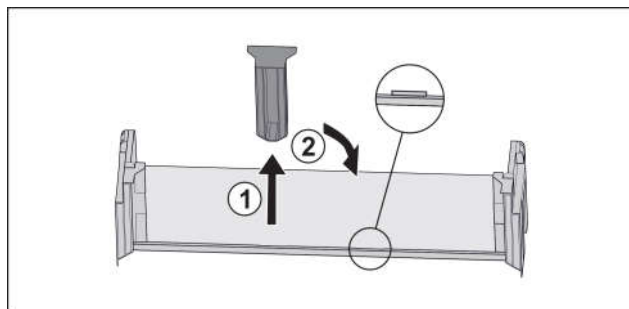
Nếu giá đỡ cửa được tháo ra:

▶ Xóa các thùng chứa.



Hình. 22

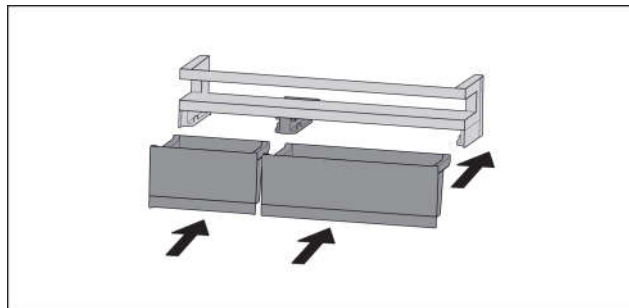
▶ Đặt kệ lên trên bàn



Hình. 23

▶ Kéo giá đỡ ở giữa Hình. 23 (1).

▶ Lắp giá đỡ ở giữa vào vị trí thứ hai Hình. 23 (2).



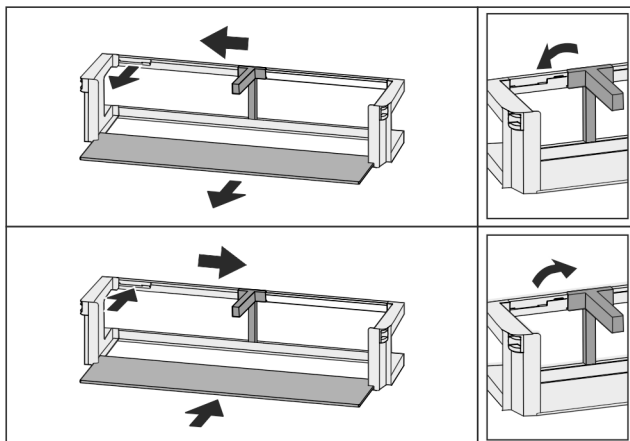
Hình. 24

▶ Thay thế các thùng chứa.

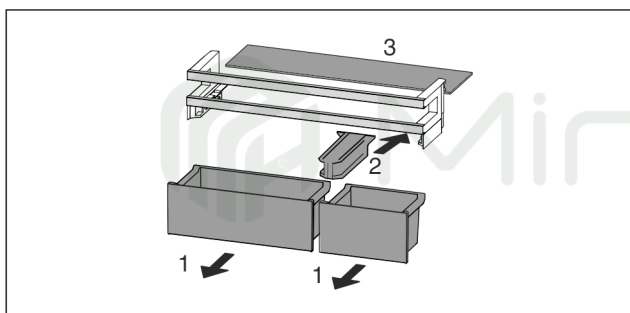
Tính năng

7.1.2 Tháo giá đỡ cửa

Giá đỡ cửa có thể tháo rời để vệ sinh.



Hình. 25



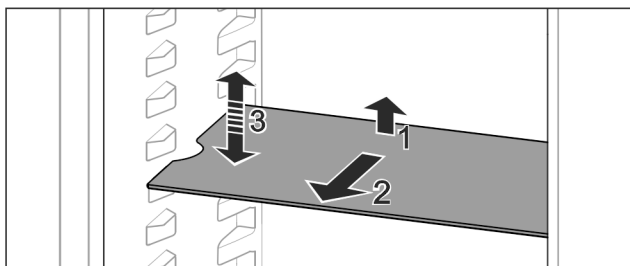
Hình. 26

- ▶ Tháo rời giá đỡ cửa.

7.2 Kệ

7.2.1 Điều chỉnh/tháo kệ

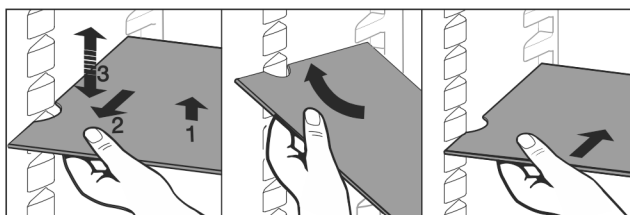
Ngăn chặn tình trạng các kệ bị kéo ra ngoài một cách vô tình bằng các chốt chặn kéo ra.



Hình. 27

- ▶ Nâng kệ và kéo về phía trước.
- ▷ Sắp xếp để trượt hai bên
- ▶ Điều chỉnh độ cao của kệ: Nâng hoặc hạ kệ đến độ cao mong muốn và trượt vào.

-or-



Hình. 28

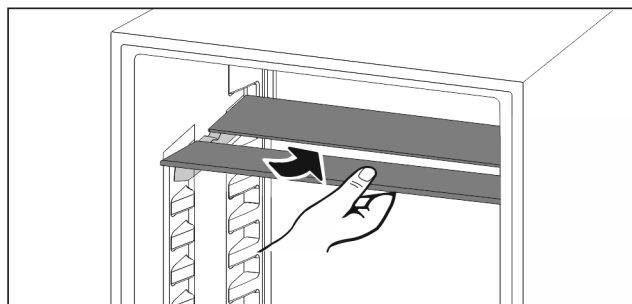
- ▶ Tháo hoàn toàn kệ: Kéo nó ra phía trước.
- ▶ Dễ dàng tháo lắp hơn: Đặt kệ ở một góc.

- ▶ Lắp lại kệ: Trượt kệ vào hết.
- ▷ Các nút chặn kéo ra hướng xuống dưới.
- ▷ Các nút chặn kéo ra nằm ở phía sau tấm đỡ phía trước.

7.3 Kệ chia ngăn

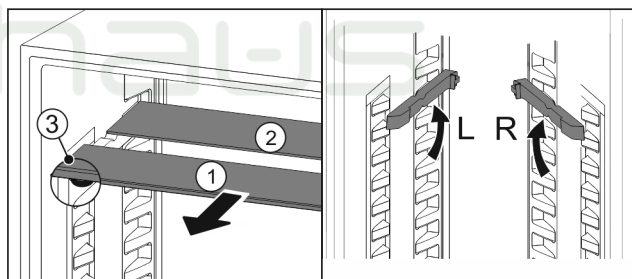
7.3.1 Sử dụng kệ chia ngăn

Ngăn chặn tình trạng các kệ bị kéo ra ngoài một cách vô tình bằng các chốt chặn kéo ra.



Hình. 29

- ▶ Đẩy kệ ngăn bên dưới như hình.



Hình. 30

Điều chỉnh chiều cao:

- ▶ Kéo các tấm kính ra Hình. 30 (1) từ phía trước, từng cái một.
- ▶ Thả các thanh đỡ và nhấn vào ở độ cao bạn muốn.
- ▶ Trượt từng tấm kính một.
- ▷ Cục chặn kéo phẳng ở phía trước, ngay phía sau thanh đỡ.
- ▷ Cục chặn kéo cao ở phía sau.

Sử dụng cả hai kệ:

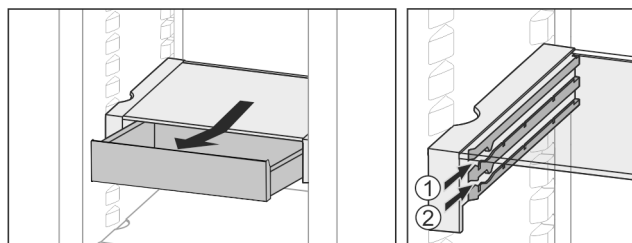
- ▶ Giữ tấm kính bằng một tay và kéo nó về phía trước.
- ▷ Tấm kính Hình. 30 (1) và dài trang trí ở phía trước.
- ▷ Các điểm dừng Hình. 30 (3) chỉ xuống.

7.4 VarioSafe

VarioSafe cung cấp không gian cho các thực phẩm và gói nhỏ gọn, nổi và ly.

7.4.1 Sử dụng VarioSafe

Bạn có thể tháo ngăn kéo ra và trượt trở lại ở 2 độ cao khác nhau. Điều này rất thuận tiện để lưu trữ các vật dụng cao hơn trong ngăn kéo.

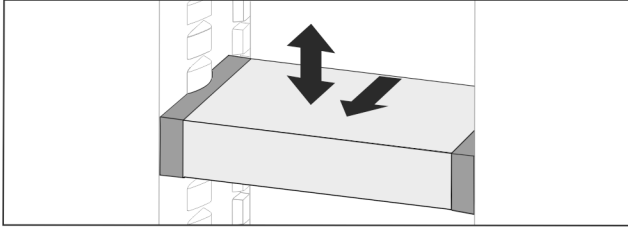


Hình. 31

- ▶ Tháo ngăn kéo ra.
- ▶ Trượt trở lại độ cao bạn muốn Hình. 31 (1) hoặc Hình. 31 (2).

7.4.2 Định vị lại VarioSafe

Bạn có thể thay đổi chiều cao của toàn bộ VarioSafe.



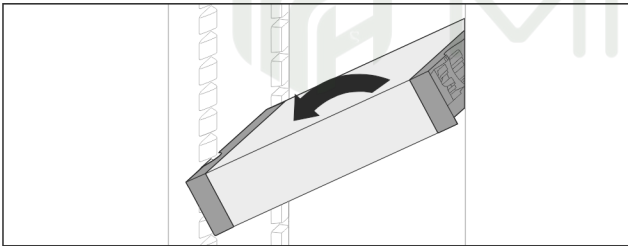
Hình. 32

- ▶ Kéo về phía trước.
- ▷ Sắp xếp để trượt hai bên
- ▶ Nâng hoặc hạ xuống độ cao bạn muốn.
- ▶ Trượt về phía sau.

7.4.3 Di chuyển toàn bộ VarioSafe

Bạn có thể di chuyển toàn bộ VarioSafe.

- ▶ Kéo về phía trước.
- ▷ Sắp xếp để trượt hai bên

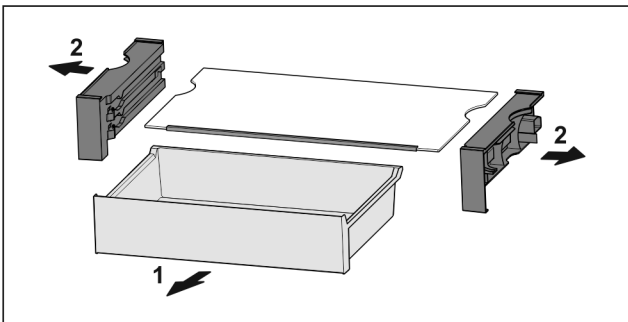


Hình. 33

- ▶ Nghiêng sang một bên và kéo về phía bạn.

7.4.4 Tháo rời VarioSafe

Bạn có thể tháo VarioSafe ra để vệ sinh.

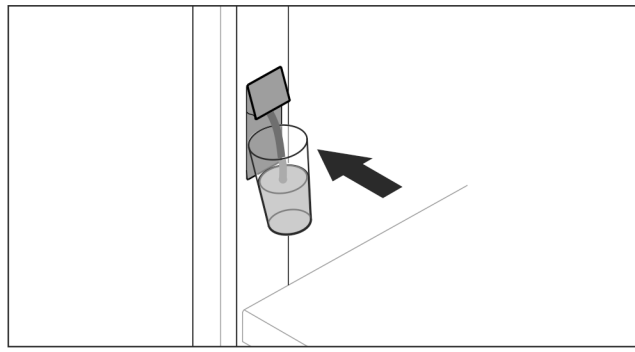


Hình. 34

- ▶ Tháo rời VarioSafe

7.5 InfinitySpring*

Bộ phân phối nước tích hợp rất phù hợp để dùng làm nước uống. Nhiệt độ nước phụ thuộc vào nhiệt độ trong tủ lạnh.



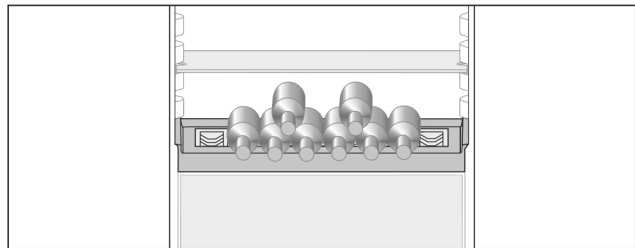
Hình. 35

- ▶ Đẩy kính vào nút ấn phía dưới của bộ phân phối.
 - ▷ Bộ phận rót di chuyển ra ngoài: Nước chảy vào ly.
 - ▶ Tránh làm đổ nước: Lấy cốc ra từ từ.
- Để có thêm nước:
- ▶ Nếu dòng nước dừng lại, hãy tháo ngăn chứa nước ra và ấn bình chứa vào nút ấn dưới cùng của bộ phân phối một lần nữa.

7.6 Kệ chai có thể điều chỉnh

7.6.1 Sử dụng kệ chai

Ở dưới cùng của ngăn tủ lạnh, bạn có thể sử dụng kệ chai có thể thay đổi hoặc tắt kính.



Hình. 36

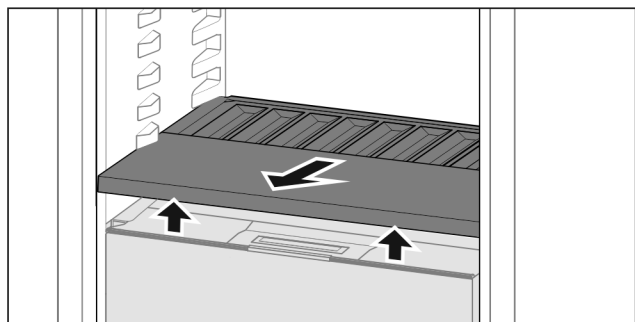
- ▶ Tháo tấm kính và bảo quản ở nơi an toàn.
- ▶ Đặt các chai có đế hướng về phía bức mặt sau tủ lạnh.

Ghi chú

- Nếu chai nhô ra phía trước kệ chai:
- ▶ Di chuyển giá đỡ cửa dưới lên một vị trí.

7.6.2 Tháo kệ chai

- Bạn có thể tháo kệ chai để vệ sinh.
- ▶ Tháo tấm kính phía trên kệ chai.



Hình. 37

- ▶ Nâng kệ chai ở phía trước và kéo ra.

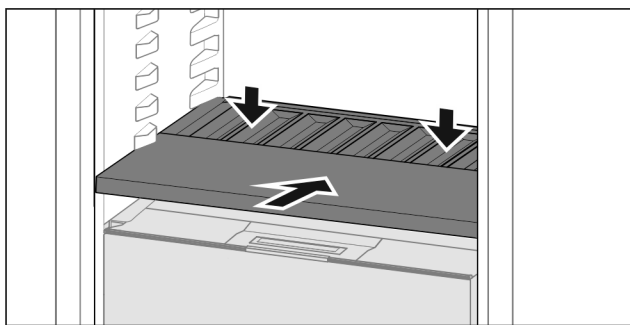
Ghi chú

Liebherr khuyến nghị như sau:*

Không đặt bất kỳ hàng hóa nào lên nắp ngăn kéo bên dưới.*

Tính năng

7.6.3 Lắp kệ chai



Hình. 38

- ▶ Trượt vào kệ chai cho đến khi nó ăn khớp và đẩy xuống.
- ▷ Các mẫu ở phía sau kệ chai được kết nối tự động.
- ▷ LED bật sáng.

7.7 Ngăn kéo

Bạn có thể tháo các ngăn ra để vệ sinh.

Cách tháo/lắp ngăn kéo sẽ khác nhau tùy theo hệ thống ngăn kéo. Thiết bị của bạn có thể chứa nhiều hệ thống kéo ra khác nhau.

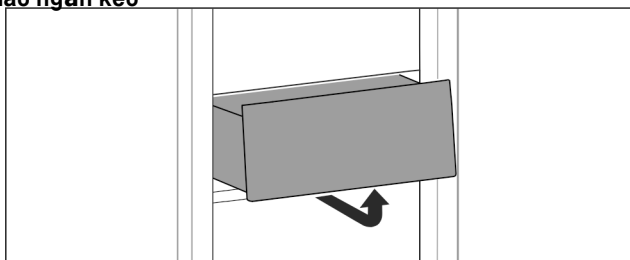
Ghi chú

Mức tiêu thụ năng lượng tăng và công suất làm mát giảm nếu thông gió không đủ.

- ▶ Luôn để lỗ thông hơi của quạt ở bức tường phía sau thông thoáng!

7.7.1 Ngăn kéo trên ray*

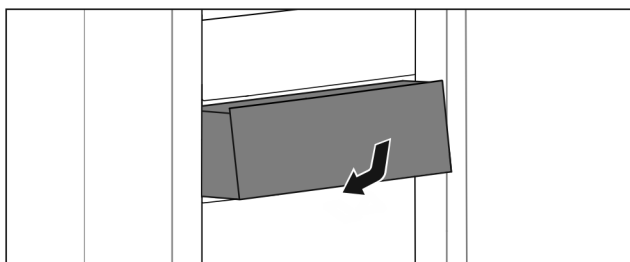
Tháo ngăn kéo



Hình. 39

- ▶ Tháo ngăn kéo như trong hình minh họa.

Chèn ngăn kéo



Hình. 40

- ▶ Lắp ngăn kéo vào như trong hình minh họa.

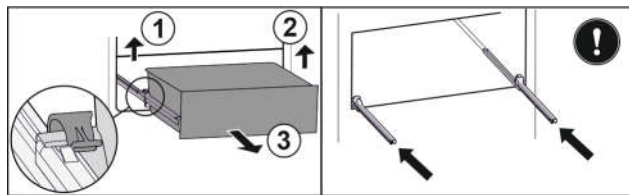
7.7.2 Ngăn kéo trên ray dạng ống lồng

Ngăn kéo chạy trên đường ray có thể mở rộng (đường ray dạng ống lồng). Có các thanh ray dạng ống lồng có thể mở rộng hoàn toàn và thanh ray dạng ống lồng có thể kéo ra một phần. Các ngăn kéo có khả năng mở rộng hoàn toàn có thể được kéo ra hoàn toàn khỏi thiết bị. Không thể tháo hoàn toàn các ngăn kéo có thể kéo ra một phần khỏi thiết bị. Hệ thống trong thiết bị của bạn phụ thuộc vào loại thiết bị đó.

Có thể mở rộng hoàn toàn*e*

Nếu bạn có đầy đủ các thanh ray có thể mở rộng thì sẽ có một cái kẹp nằm ở phía sau bên trái và bên phải của thanh ray.

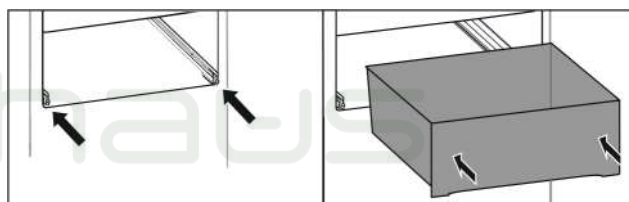
Tháo ngăn kéo



Hình. 41

- ▶ Kéo ngăn kéo ra hết mức có thể.
- ▶ Nâng kẹp trái và đồng thời kéo ngăn kéo về phía trước về phía bên trái. Hình. 41 (1)
- ▶ Nâng kẹp phải và đồng thời kéo ngăn kéo về phía trước về phía bên phải. Hình. 41 (2)
- ▶ Tháo ngăn kéo ra phía trước. Hình. 41 (3)
- ▶ Trượt ray vào.

Chèn ngăn kéo



Hình. 42

- ▶ Trượt ray vào.
- ▶ Đặt ngăn kéo lên ray.
- ▶ Trượt vào ngăn kéo phía sau.
- ▷ Ngăn kéo chốt vào có thể nghe thấy.

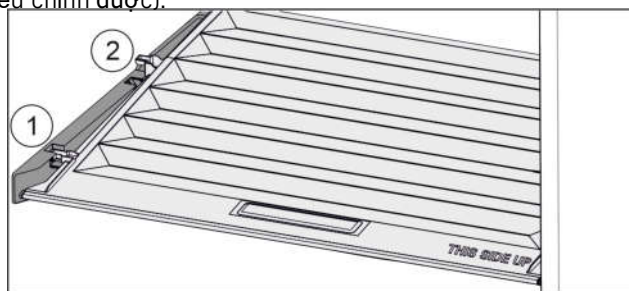
7.8 Nắp an toàn cho rau quả

Bạn có thể tháo nắp ngăn để vệ sinh.

7.8.1 Tháo nắp ngăn*

Đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau:

- Kệ đựng chai được tháo ra (xem 7.6 Giá đựng chai có thể điều chỉnh được).



Hình. 43

- Khi các ngăn kéo được tháo ra:
- ▶ Kéo nắp ở phía trước lên lỗ ở bộ phận giữ. Hình. 43 (1).
- ▶ Nhấn từ phía sau và kéo lên và đẩy ra ngoài. Hình. 43 (2).

7.8.2 Lắp nắp ngăn vào

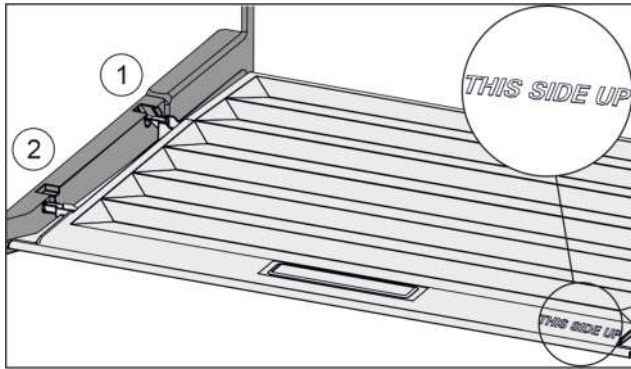


Fig. 44

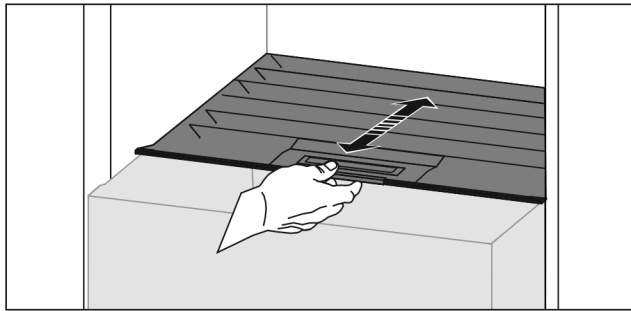
Nếu dòng chữ MẶT NÀY - THIS SIDE UP hướng lên trên:

- ▶ Lắp mép của nắp lên trên khe hở của giá đỡ phía sau Hình. 44 (1) và nhấn vào vị trí Hình. 44 (2).
- ▶ Đặt nắp ở nơi bạn muốn (xem phần 7.9 Điều chỉnh mức độ ẩm).

7.9 Điều chỉnh độ ẩm

Bạn có thể tự điều chỉnh độ ẩm trong ngăn bằng cách điều chỉnh nắp ngăn.

Nắp ngăn được gắn vào ngăn kéo và có thể được giấu bằng kệ hoặc ngăn kéo bổ sung.



Hình. 45

Độ ẩm không khí thấp

- ▶ Mở ngăn kéo.
- ▶ Trượt nắp ngăn về phía trước.
- ▷ Khi ngăn kéo đóng: Khe hở giữa nắp và ngăn.
- ▶ Tắt HydroBreeze.*
- ▷ Độ ẩm không khí giảm xuống.

Độ ẩm không khí cao

- ▶ Mở ngăn kéo.
 - ▶ Trượt nắp lại.
 - ▷ Khi ngăn kéo đóng: Nắp sẽ bịt kín ngăn.
 - ▶ Kích hoạt HydroBreeze.*
 - ▷ Độ ẩm không khí trong Safe tăng lên.
- Nếu có quá nhiều độ ẩm trong ngăn:
▶ Chọn cài đặt “độ ẩm không khí thấp”.

-hoặc-

- ▶ Loại bỏ độ ẩm dư thừa bằng vải.

Ghi chú

Bạn có thể áp dụng cài đặt “độ ẩm không khí thấp” cho An toàn cho Trái cây & Rau quả và An toàn cho Thịt & Sữa

- ▶ Đặt tùy chọn “độ ẩm không khí thấp”..

7.10 HydroBreeze*

HydroBreeze phun sương lên hàng hóa được làm lạnh để cung cấp độ ẩm mỗi khi cửa mở.

HydroBreeze và bình chứa nước của nó được đặt trong kệ chai có thể điều chỉnh được.

Đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau

- Bình chứa nước sạch (xem 8.6.4 Làm sạch các bộ phận).
- Bình chứa nước đã được lắp đúng cách.
- Độ ẩm được đặt ở mức “độ ẩm cao” (xem phần 7.9 Điều chỉnh mức độ ẩm).
- HydroBreeze đang bật (xem HydroBreeze*).

7.10.1 Đổ đầy bình nước



CẢNH BÁO

Nước bắn! Chất gây ô nhiễm.

- ▶ Chỉ đổ đầy nước uống.
- ▶ The HydroBreeze tắt: bình chứa nước trống.
- ▶ The HydroBreeze không còn được sử dụng nữa: bình chứa nước đã cạn.

ĐỂ Ý

Chất lỏng có hàm lượng đường gây hư hỏng HydroBreeze.

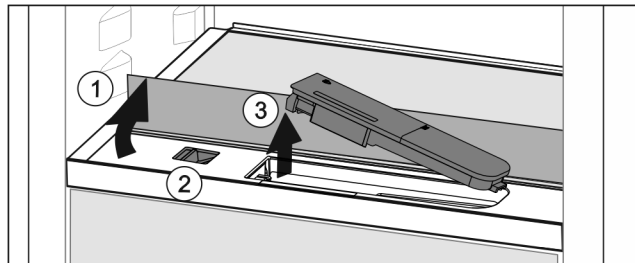
- ▶ Chỉ đổ đầy nước uống.

Ghi chú

Chỉ sử dụng nước đã lọc, đã khử cacbon để có nước uống có chất lượng tốt nhất và để HydroBreeze hoạt động trơn tru. Chất lượng nước này có thể đạt được bằng cách sử dụng loại máy lọc nước để bàn có bán tại các cửa hàng bán lẻ thương mại.

- ▶ Chỉ đổ đầy bình nước bằng nước uống đã lọc, đã khử cacbon.

Bình chứa nước được tích hợp vào kệ chai có thể điều chỉnh được (xem phần 1.2 Tổng quan về thiết bị).



Hình. 46

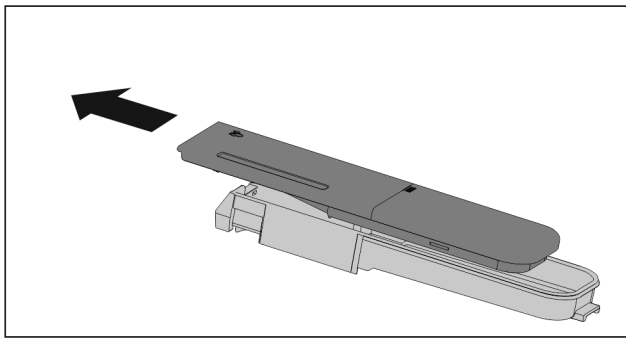
- ▶ Ấn vào góc sau bên trái của tấm kính phía trước.
- ▷ Mặt kính có thể gập lên ở phía trước.
- ▶ Nâng tấm kính lên và gập về phía sau cho đến khi nó khớp vào vị trí Hình. 46 (1).
- ▷ Bảng kính đứng thẳng.
- ▶ Trượt thanh trượt Hình. 46 (2) ở bên trái.
- ▷ Bể chứa nước nháy ra khỏi hốc.
- ▶ Tháo bình chứa nước Hình. 46 (3).
- ▶ Vệ sinh ngăn chứa nước (xem 8.6.4 Làm sạch bộ phận)

Mở hốc

- ▶ Đổ đầy nước uống đến vạch đánh dấu.
- ▶ Lắp bình chứa nước vào hốc, phía dưới trước.
- ▶ Từ từ hạ phần trước xuống và đẩy bình chứa vào.
- ▷ Bình chứa nước đã được lắp vào đúng vị trí.

7.10.2 Tháo bình chứa nước

Bạn có thể tháo bình chứa nước ra để vệ sinh.



Hình. 47

- ▶ Tháo dỡ bể chứa nước.

7.11 Kệ kính

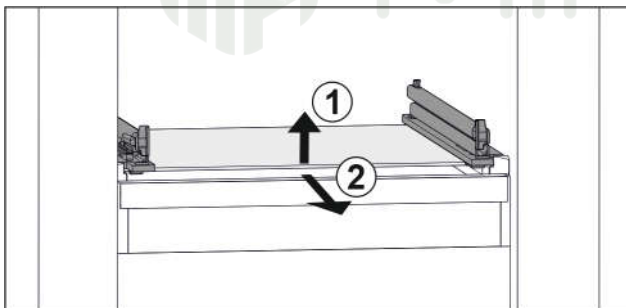
Bạn có thể tháo kệ kính dưới ngăn kéo để vệ sinh.

7.11.1 Tháo/lắp kệ kính

Đảm bảo rằng các yêu cầu sau được đáp ứng:

- ☐ Kệ kính dưới ngăn kéo: Ngăn kéo đã được tháo ra. (xem 7.7 Ngăn kéo)

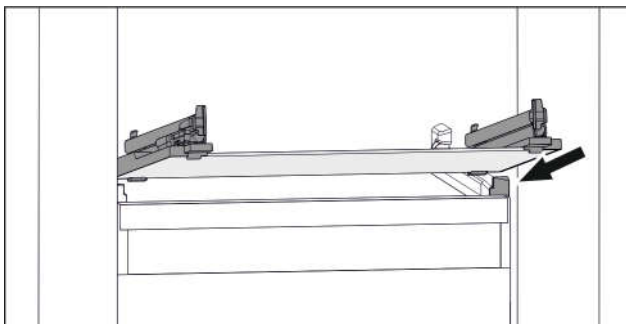
Tháo kệ kính



Hình. 48 Ví dụ minh họa kệ kính

- ▶ Kệ kính nâng ở phía trước. Hình. 48 (1)
- ▶ Lấy kệ kính ra phía trước. Hình. 48 (2)

Lắp kệ kính



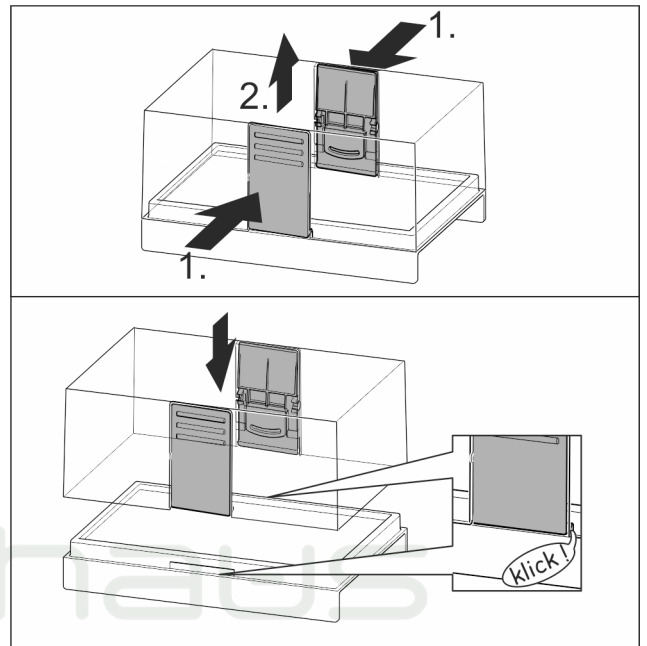
Hình. 49 Ví dụ minh họa kệ kính

- ▶ Đặt kệ kính ở một góc phía sau nút chặn. (xem Hình. 49)
- ▶ Đặt kệ kính thấp xuống.
- ▶ Trượt vào kệ kính phía sau.

7.12 Phụ kiện

7.12.1 Đĩa đựng bơ

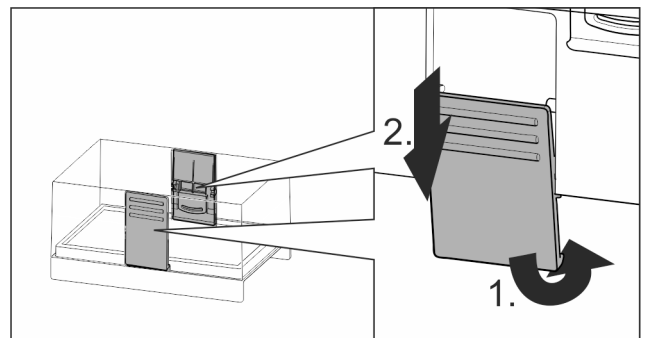
Mở/đóng đĩa đựng bơ



Hình. 50

Tháo dỡ đĩa đựng bơ

Bạn có thể tháo đĩa bơ ra để vệ sinh.



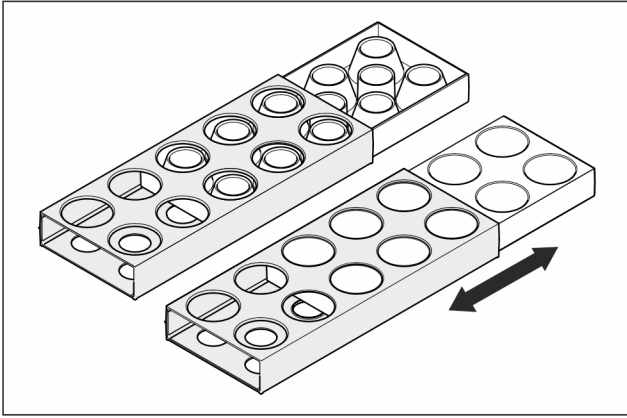
Hình. 51

- ▶ Tháo rời đĩa bơ.

7.12.2 Giá đỡ trứng

Bạn có thể kéo ra và xoay giá đựng trứng. Bạn có thể sử dụng cả hai mặt của giá đựng trứng để dán nhãn các chi tiết cụ thể như ngày mua.

Sử dụng khay đựng trứng

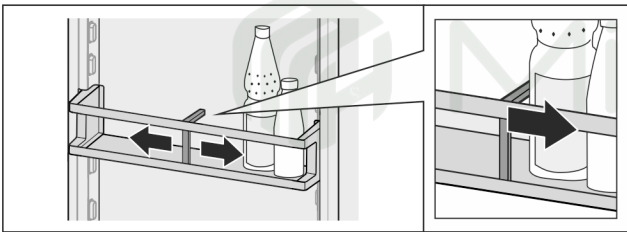


Hình. 52

- ▶ Lớp trên cùng: để đựng trứng gà.
- ▶ Lớp dưới cùng: để đựng trứng cút.

7.12.3 Giá đỡ chai

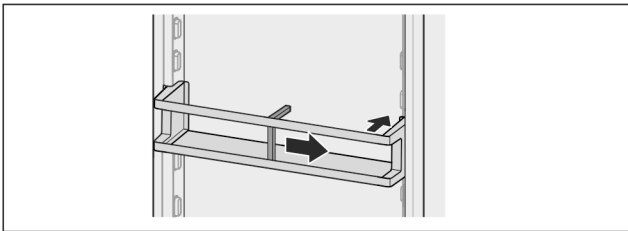
Sử dụng giá đỡ chai



Hình. 53

- ▶ Đẩy giá đỡ chai lên trên chai.
- ▷ Các chai được ngăn ngừa rơi xuống.

Tháo giá đỡ chai



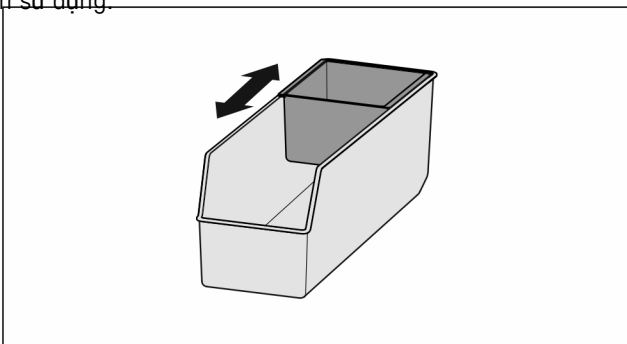
Hình. 54

- ▶ Di chuyển giá đỡ chai sang bên phải.
- ▶ Đẩy giá đỡ chai ra phía sau để tháo ra.

7.12.4 FlexSystem*

Sử dụng FlexSystem

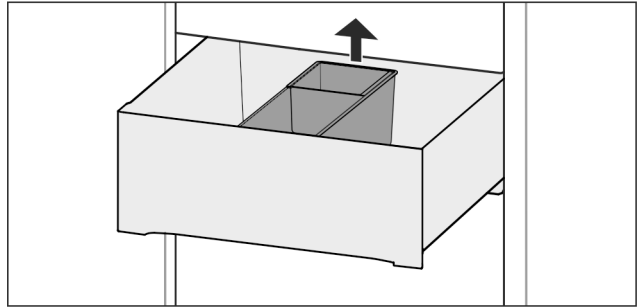
FlexSystem giúp bạn lưu trữ và sắp xếp thực phẩm một cách rõ ràng và linh hoạt. Ví dụ: nó cho phép bạn phân chia rõ ràng thực phẩm của mình thành trái cây, rau quả hoặc theo hạn sử dụng.



Hình. 55

- ▶ Di chuyển lớp vỏ bên trong.

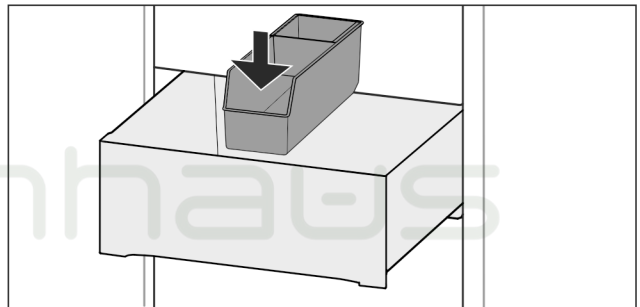
Di chuyển FlexSystem



Hình. 56

- ▶ Nâng FlexSystem lên từ phía sau.
- ▶ Kéo lên và đưa ra ngoài.

Chèn FlexSystem

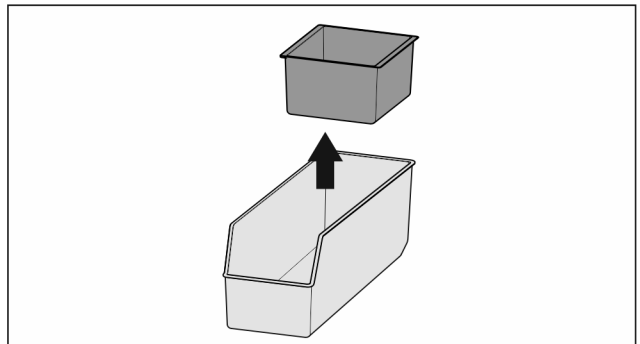


Hình. 57

- ▶ Lắp FlexSystem lên phía trước.
- ▶ Hạ phần phía sau xuống.

Tháo rời FlexSystem

Bạn có thể tháo FlexSystem ra để vệ sinh.



Hình. 58

- ▶ Tháo rời FlexSystem

8 Bảo trì

8.1 Bộ lọc carbon FreshAir

Bộ lọc carbon FreshAir nằm ở ngăn phía trên quạt. Nó đảm bảo chất lượng không khí tốt nhất.

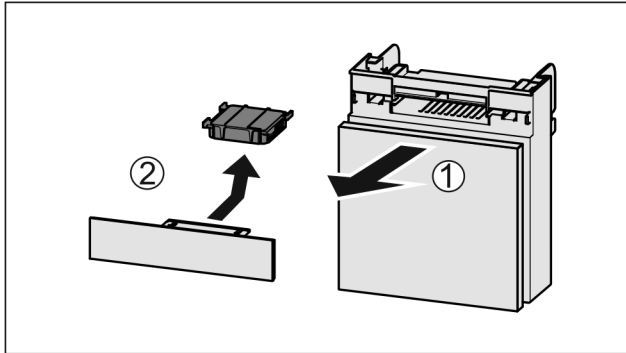
- Thay bộ lọc carbon 6 tháng một lần.
Khi lời nhắc được đặt, một thông báo trên màn hình sẽ nhắc bạn thay đổi lời nhắc.
- Bộ lọc carbon có thể được xử lý cùng với rác thải sinh hoạt thông thường.

Bảo trì

Note

Bạn có thể mua bộ lọc than hoạt tính FreshAir từ cửa hàng Liebherr-Hausgerätestore tại home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html.

8.1.1 Tháo bộ lọc carbon FreshAir



Hình. 59

- ▶ Kéo ngăn ra Hình. 59 (1).
- ▶ Tháo bộ lọc carbon Hình. 59 (2).

8.1.2 Lắp bộ lọc carbon FreshAir

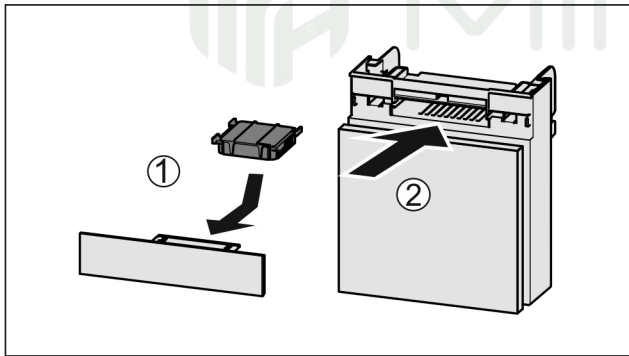


Fig. 60

- ▶ Lắp bộ lọc cacbon như minh họa trong sơ đồ Hình. 60 (1).
- ▷ Bộ lọc cacbon đã khớp vào vị trí.
Nếu bộ lọc carbon hướng xuống dưới:
 - ▶ Đẩy ngăn trong Hình. 60 (2).
 - ▷ Bộ lọc carbon hiện đã sẵn sàng để sử dụng.

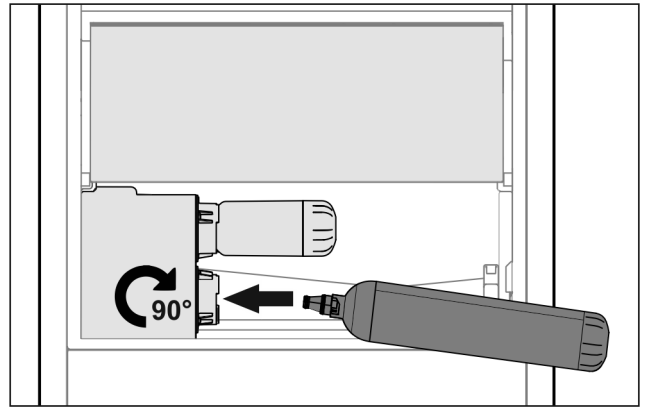
8.2 Bình chứa nước*

Bình chứa nước InfinitySpring nằm phía sau ngăn kéo thấp nhất.

8.2.1 Tháo bình chứa nước

- ▶ Tắt vòi nước.
- ▶ Xả InfinitySpring trong 30 giây và thu lượng nước còn lại bằng ly.
- ▶ Tháo ngăn kéo ra.
- ▶ Vận bình chứa nước ngược chiều kim đồng hồ và kéo nó ra.
- ▷ Nước nhỏ giọt sẽ được thu vào khay hứng.
- ▶ Đổ hết nước ra khỏi khay nhỏ giọt.
- ▶ Làm sạch khay nhỏ giọt bằng vải hoặc trong máy rửa bát.

8.2.2 Lắp bình chứa nước



Hình. 61

- ▶ Tháo ngăn kéo ra.
- ▶ Lắp bình chứa nước và xoay khoảng. 90° theo chiều kim đồng hồ cho đến khi nó khớp vào.
- ▶ Kiểm tra xem bình chứa có được bịt kín và không có nước rò rỉ ra ngoài hay không.
- ▶ Lắp ngăn kéo vào.
- ▶ Bật vòi.
- ▶ Xả hệ thống nước.(xem 3.3.1 Xả hệ thống nước)

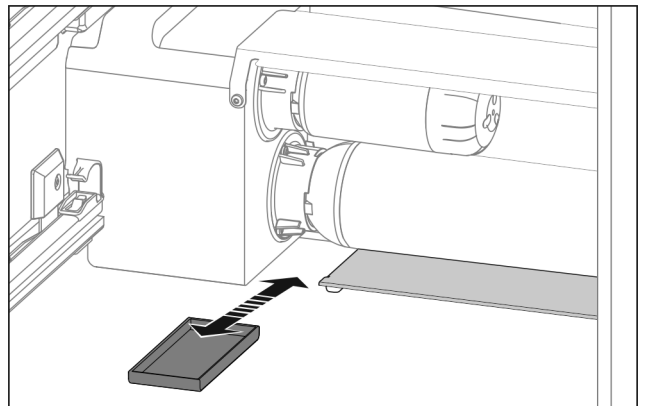
Thay vì bộ lọc nước, bạn có thể lắp thêm một bình chứa nước.

Ghi chú

Bạn có thể mua bình chứa nước này như một tùy chọn bổ sung.

8.2.3 Tháo/lắp khay nhỏ giọt

Bạn có thể tháo khay nhỏ giọt ra để vệ sinh.



Hình. 62

- ▶ Kéo khay nhỏ giọt ra phía trước.

8.3 Bộ lọc nước*

Bộ lọc nước được đặt phía sau ngăn kéo thấp nhất. Nó lọc cặn trong nước và làm giảm mùi vị của clo.

- Thay bộ lọc nước ít nhất 6 tháng một lần hoặc nếu tốc độ dòng chảy giảm đáng kể.
- Bộ lọc nước có chứa cacbon và có thể được xử lý cùng với rác thải sinh hoạt thông thường.

Ghi chú

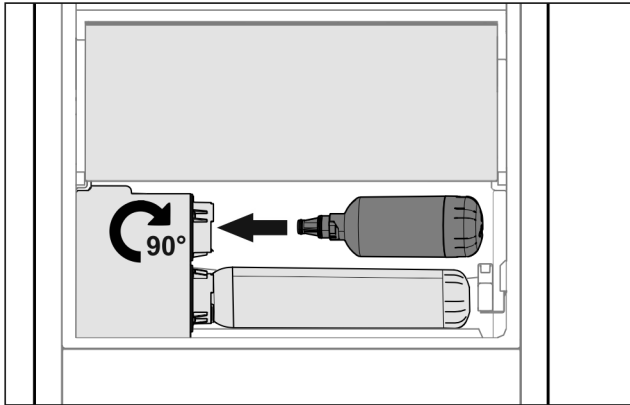
Bộ lọc nước có sẵn tại Liebherr-Hausgerätestore tại home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html.

8.3.1 Tháo bộ lọc nước

- ▶ Tháo ngăn kéo ra.

- ▶ Vận bộ lọc nước ngược chiều kim đồng hồ và kéo nó ra.
- ▷ Nước nhỏ giọt sẽ được thu vào khay hứng.
- ▶ Làm sạch khay nhỏ giọt bằng vải hoặc trong máy rửa bát.

8.3.2 Lắp bộ lọc nước vào



Hình. 63

- ▶ Tháo ngăn kéo ra.
- ▶ Lắp bộ lọc nước vào và xoay khoảng. 90° theo chiều kim đồng hồ cho đến khi nó khớp vào.
- ▶ Kiểm tra xem bộ lọc đã được bịt kín và không có nước rò rỉ ra ngoài.
- ▶ Lắp ngăn kéo vào.



THẬN TRỌNG

- Bộ lọc nước mới có thể chứa tạp chất
- ▶ Rút 3 l nước từ InfinitySpring và vứt bỏ nó.
- ▶ Bộ lọc nước hiện đã sẵn sàng để sử dụng.

8.4 Tháo/lắp hệ thống ngăn kéo

8.4.1 Những lưu ý khi tháo gỡ

Bạn có thể tháo rời một số hệ thống ngăn kéo để vệ sinh. Thiết bị của bạn có thể chứa nhiều hệ thống ngăn kéo khác nhau.

Các hệ thống kéo sau có thể tháo rời hoặc không thể tháo rời:

| Hệ thống kéo ra | Có thể tháo rời/không thể tháo rời |
|---------------------------|------------------------------------|
| Ngăn kéo trượt* | không thể tháo rời* |
| Có thể mở rộng hoàn toàn* | không thể tháo rời* |

8.5 Rã đông thiết bị



CẢNH BÁO

Rã đông thiết bị không đúng cách!

Thương tích và hư hỏng.

- ▶ Không sử dụng thiết bị cơ khí hoặc các phương pháp khác để đẩy nhanh quá trình rã đông ngoài những phương pháp được nhà sản xuất khuyến nghị.
 - ▶ Không sử dụng các thiết bị làm nóng bằng điện hoặc làm sạch bằng hơi nước, ngọn lửa trần hoặc bình xịt làm tan băng để rã đông.
 - ▶ Không sử dụng vật sắc nhọn để lấy đá.
- Việc rã đông được thực hiện tự động. Nước từ quá trình rã đông chảy qua cửa thoát và bay hơi.

- ▶ Vệ sinh lỗ thoát nước thường xuyên (xem 8.6 Vệ sinh thiết bị).

8.6 Vệ sinh thiết bị

8.6.1 Sẵn sàng



CẢNH BÁO

Nguy cơ bị điện giật!

- ▶ Tháo đầu nối tủ lạnh hoặc ngắt nguồn điện.



CẢNH BÁO

Nguy cơ cháy nổ

- ▶ Không làm hỏng mạch điện lạnh.

- ▶ Làm trống thiết bị.
- ▶ Tháo đầu nối nguồn điện.

-hoặc-

- ▶ Kích hoạt Chế độ làm sạch. (xem Chế độ làm sạch)

8.6.2 Vệ sinh vỏ máy

CHÚ Ý

Vệ sinh không đúng cách!

Hư hỏng thiết bị.

- ▶ Chỉ sử dụng vải lau mềm và chất tẩy rửa đa năng có độ pH trung tính.
- ▶ Không sử dụng miếng bọt biển có tính ăn mòn hoặc bụi nhùi thép vì có thể gây trầy xước.
- ▶ Không sử dụng bất kỳ chất tẩy rửa sắc hoặc mài mòn nào, cũng như bất kỳ chất nào có chứa cát, clorua hoặc axit.



CẢNH BÁO

Nguy cơ bị thương và hư hỏng do hơi nước nóng! Hơi nước nóng có thể gây bỏng và làm hỏng bề mặt.

- ▶ Không sử dụng bất kỳ máy làm sạch bằng hơi nước nào!

- ▶ Lau sạch vỏ bằng vải mềm, sạch. Nếu quá bẩn, hãy sử dụng nước ấm với chất tẩy rửa trung tính. Bề mặt kính cũng có thể được làm sạch bằng nước lau kính.

8.6.3 Vệ sinh bên trong

CHÚ Ý

Vệ sinh không đúng cách!

Hư hỏng thiết bị.

- ▶ Chỉ sử dụng vải lau mềm và chất tẩy rửa đa năng có độ pH trung tính
- ▶ Không sử dụng miếng bọt biển có tính ăn mòn hoặc bụi nhùi thép vì có thể gây trầy xước.
- ▶ Không sử dụng bất kỳ chất tẩy rửa sắc hoặc mài mòn nào, cũng như bất kỳ chất nào có chứa cát, clorua hoặc axit.

- ▶ Bề mặt nhựa: làm sạch bằng tay bằng vải mềm, sạch, nước ấm và một ít chất tẩy rửa.

- ▶ Bề mặt kim loại: làm sạch bằng tay bằng vải mềm, sạch, nước ấm và một ít chất tẩy rửa.

- ▶ Lỗ thoát nước: loại bỏ cặn bằng một vật mỏng (ví dụ như tăm bông).

HỖ TRỢ KHÁCH HÀNG

8.6.4 Làm sạch các bộ phận

CHÚ Ý

Vệ sinh không đúng cách!

Hư hỏng thiết bị..

- ▶ Chỉ sử dụng vải lau mềm và chất tẩy rửa đa năng có độ pH trung tính.
- ▶ Không sử dụng miếng bọt biển có tính ăn mòn hoặc bụi nhùi thép vì có thể gây trầy xước.
- ▶ Không sử dụng bất kỳ chất tẩy rửa sắc hoặc mài mòn nào, cũng như bất kỳ chất nào có chứa cát, clorua hoặc axit.

Lau sạch bằng vải mềm, sạch, nước ấm và một ít chất tẩy rửa:

- VarioSafe
- Nắp an toàn cho rau quả*
- Ngăn kéo
- Kệ chai có thể điều chỉnh
- FlexSystem*

Làm sạch với một miếng vải ẩm

- Thanh ray có thể thu vào
Xin lưu ý: Dầu mỡ trong thanh ray được sử dụng để bôi trơn và không được loại bỏ!

Rửa trong máy rửa chén ở nhiệt độ lên tới 60°C:

- Giá đỡ cửa
- VarioBox
- Giỏ chai
- Kệ
- Kệ chia ngăn
- Giá đỡ kệ chia ngăn
- Bình chứa nước HydroBreeze và nắp bình chứa nước*
- Khay ướn*
- Giá trứng
- Đĩa đựng bơ
- ▶ Để tháo rời các bộ phận: xem phần liên quan.
- ▶ Làm sạch các thành phần.

8.6.5 Vệ sinh InfinitySpring*

Bạn có thể làm sạch ổ cắm InfinitySpring và xung quanh nó mà không cần ngắt kết nối thiết bị khỏi nguồn điện.

Cần phải vệ sinh trong các trường hợp sau:

- Vận hành ban đầu
- Nếu không sử dụng quá 5 ngày.
- ▶ Nhấn nút dưới cùng của bộ phân phối.
- ▷ Bộ phận ổ cắm di chuyển ra ngoài.
- ▶ Làm sạch lỗ thoát nước và xung quanh nó bằng vải mềm, sạch, nước ấm và một ít chất tẩy rửa.
- ▶ Thả nút ấn phía dưới ra.
- ▶ Rút 2 l nước từ InfinitySpring và đổ bỏ nó.*

8.6.6 Vệ sinh HydroBreeze*

Cần phải vệ sinh trong các trường hợp sau:

- Vận hành ban đầu
- HydroBreeze tắt trong hơn 48 giờ
- Đổ đầy bình nước.

Đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau:

- HydroBreeze tắt (xem HydroBreeze*).
- Bình chứa nước đã được tháo ra và làm sạch trong máy rửa chén.
- ▶ Lau sạch phần lõm bằng vải ẩm.
- ▶ Lắp bình chứa nước vào.
- ▶ Kích hoạt HydroBreeze.

8.6.7 Sau khi vệ sinh

- ▶ Lau khô thiết bị và các bộ phận.
- ▶ Kết nối và bật thiết bị. Nhiệt độ đủ lạnh:
- ▶ Đặt thức ăn vào bên trong.
- ▶ Lập lại việc vệ sinh thường xuyên.

9 Hỗ trợ khách hàng

9.1 Thông số kỹ thuật

| Vùng nhiệt độ | |
|---|--|
| Lạnh | 3 °C đến 9 °C |
| BioFresh | 0 °C đến 3 °C |
| BioFreshchuyên nghiệp* (Cá & Hải sản)* | -2 °C đến 0 °C* Cài đặt (xem 4.1.2.3 An toàn cho Cá & Hải sản *) : * 0 °C 0 °C* -2 °C 0 °C* -2 °C -2 °C* |

| Đèn | |
|--|------------|
| Loại ¹ | Nguồn sáng |
| Sản phẩm này chứa một hoặc nhiều nguồn sáng loại G tiết kiệm năng lượng. | LED |

1 Thiết bị có thể chứa các nguồn sáng có mức hiệu suất năng lượng khác nhau. Phân loại hiệu quả năng lượng thấp nhất được chỉ định.

Đối với các thiết bị có kết nối WiFi*:

| Thông số* | |
|---------------------------------|---|
| Băng tần | 2.4 GHz |
| Công suất bức xạ tối đa | < 100 mW |
| Mục đích của thiết bị không dây | Tích hợp vào mạng WiFi cục bộ để liên lạc dữ liệu |

9.2 Tiếng ồn khi vận hành

Thiết bị tạo ra những tiếng ồn khác nhau khi bật.n.

- Ở **hiệt độ cao hơn**, thiết bị sử dụng ít năng lượng hơn nhưng hoạt động lâu hơn. Nó **yên tĩnh hơn**.
- Ở **hiệt độ thấp hơn**, thực phẩm được làm lạnh nhanh hơn. Nó **to hơn**.

Ví dụ:

- Bật chức năng (xem 6.3 Chức năng)
- Quạt chạy
- Thực phẩm được thêm gần đây
- Nhiệt độ môi trường cao
- Cửa mở được một lúc

| Tiếng ồn | Nguyên nhân | Loại tiếng ồn |
|---------------|------------------------------------|--------------------------------|
| Tiếng sủi bọt | Chất làm mát chảy vào mạch làm mát | Tiếng ồn hoạt động bình thường |
| Tiếng rít | Nước làm mát phun vào mạch làm mát | Tiếng ồn hoạt động bình thường |

| Tiếng ồn | Nguyên nhân | Loại tiếng ồn |
|--------------------------------|--|--------------------------------|
| Tiếng vo ve | Thiết bị đang nguội. Âm lượng phụ thuộc vào công suất làm mát. | Tiếng ồn hoạt động bình thường |
| Suction noises | Cửa đóng êm đang được mở và đóng.* | Tiếng ồn hoạt động bình thường |
| Tiếng vo ve xào xạc | Quạt đang chạy | Tiếng ồn hoạt động bình thường |
| Tiếng click (tiếng nhấp chuột) | Các bộ phận được bật và tắt. | Tiếng ồn hoạt động bình thường |
| Tiếng lạch cạch | Van hoặc nắp đang hoạt động | Tiếng ồn hoạt động bình thường |

| Tiếng ồn | Nguyên nhân | Loại tiếng ồn | Lifting |
|----------|---------------------------|-----------------|---|
| Rung | Thiết lập không đúng cách | Tiếng ồn bị lỗi | Cân bằng thiết bị bằng các chân có thể điều chỉnh được. |

| Tiếng ồn | Nguyên nhân | Loại tiếng ồn | Lifting |
|-----------------|--|-----------------|--|
| tiếng lạch cạch | Linh kiện, vật dụng bên trong thiết bị | tiếng ồn bị lỗi | Các linh kiện an toàn. Để lại đủ không gian giữa các linh kiện đó. |

9.3 Lỗi kỹ thuật

Thiết bị của bạn được thiết kế và chế tạo để đảm bảo nó hoạt động đáng tin cậy và có tuổi thọ lâu dài. Trong trường hợp hiếm gặp xảy ra lỗi trong quá trình vận hành, vui lòng kiểm tra xem đó có phải là do lỗi vận hành hay không. Nếu vậy, bạn sẽ phải trả chi phí gọi điện và sửa chữa ngay cả khi nó nằm trong thời hạn bảo hành.

Bạn có thể tự mình khắc phục những lỗi sau.

9.3.1 Chức năng của thiết bị

| Lỗi | Nguyên nhân | Biện pháp khắc phục |
|--|--|--|
| Thiết bị không hoạt động | → Thiết bị chưa được bật. | ▶ Bật thiết bị lên. |
| | → Phích cắm điện không được cắm đúng cách vào ổ cắm. | ▶ Kiểm tra lại ổ cắm. |
| | → Có vấn đề với cầu chì ổ cắm điện. | ▶ Kiểm tra cầu chì. |
| | → Ngắt điện | ▶ Đóng thiết bị lại ▶ Bảo vệ thực phẩm: Đặt các gói đông lạnh lên trên thực phẩm hoặc sử dụng một tủ đông khác nếu mất điện trong thời gian dài. ▶ Không đông lạnh lại thực phẩm đã rã đông, |
| | → Phích cắm của thiết bị không vừa với thiết bị. | ▶ Kiểm tra lại ổ cắm. |
| Nhiệt độ không đủ lạnh. | → Cửa thiết bị không được đóng đúng cách. | ▶ Đóng cửa thiết bị lại. |
| | → Không đủ thông gió. | ▶ Giữ lưới thông gió luôn thông thoáng và làm sạch nó. |
| | → Nhiệt độ môi trường quá cao. | ▶ Giải pháp: (xem phần 1.4 Phạm vi sử dụng của thiết bị) |
| | → Thiết bị được mở quá nhiều lần hoặc quá lâu. | ▶ Đợi xem nhiệt độ yêu cầu có tự điều chỉnh hay không. Nếu không, hãy liên hệ với bộ phận Dịch vụ khách hàng (xem phần 9.4 Dịch vụ khách hàng) |
| | → Nhiệt độ được cài đặt không chính xác. | ▶ Giảm nhiệt độ và kiểm tra sau 24 giờ. |
| | → Thiết bị ở quá gần nguồn nhiệt (lò nướng, bộ tản nhiệt, v.v.). | ▶ Di chuyển thiết bị hoặc nguồn nhiệt. |
| Gioăng cửa bị lỗi hoặc cần được thay thế vì lý do khác. | → Có thể thay thế phốt cửa. Nó có thể được thay thế mà không cần các công cụ đặc biệt. | ▶ Liên hệ với Dịch vụ khách hàng (xem 9.4 Dịch vụ khách hàng). |
| Thiết bị tích tụ quá nhiều đá hoặc nước ngưng tụ | → Gioăng cửa có thể đã trượt ra khỏi rãnh. | ▶ Kiểm tra xem đệm cửa có vừa khít với rãnh không. |

HỖ TRỢ KHÁCH HÀNG

| Lỗi | Nguyên nhân | Biện pháp khắc phục |
|--|--|----------------------------|
| đá hoặc ngưng tụ. | | |
| Thiết bị rất nóng khi chạm vào bên ngoài*. | → Nhiệt của mạch làm lạnh được sử dụng để tránh sự ngưng tụ. | ▶ Điều này là bình thường. |

9.3.2 Tính năng

| Lỗi | Nguyên nhân | Biện pháp khắc phục |
|---|---|--|
| InfinitySpring không hoạt động* | → Có không khí trong hệ thống nước. | ▶ Thông hệ thống nước (xem Hướng dẫn lắp đặt, Kết nối nước). |
| | → Đường nước kết nối chưa mở. | ▶ Mở kết nối nước.* |
| Nước chảy qua Infinity Spring không đều.* | → Máy sục khí bị bẩn. | ▶ Thay thế máy sục khí. Liên hệ với Dịch vụ khách hàng (xem 9.4 Dịch vụ khách hàng). |
| HydroBreeze không giữ ẩm cho hàng hóa được làm lạnh.* | → HydroBreeze không mở | ▶ Kích hoạt HydroBreeze. |
| | → Không có đủ nước trong ngăn chứa nước. | ▶ Đổ đầy bình nước. |
| | → Có bụi bẩn ở phía trước bộ tập trung. | ▶ Vệ sinh HydroBreeze. |
| | → Bình chứa nước không được lắp đúng vị trí. | ▶ Lắp bình chứa nước vào đúng vị trí. |
| | → Nắp của chế độ Fruit & Vegetable Safe ở mức “độ ẩm không khí thấp”. | ▶ Cài đặt Fruit & Vegetable-Safe ở chế độ “độ ẩm không khí cao”. |
| Đèn bên trong không sáng. | → Thiết bị chưa được bật. | ▶ Bật thiết bị. |
| | → Cửa đã mở lâu hơn 15 phút. | ▶ Đèn bên trong sẽ tự động tắt sau khoảng 15 phút. với cánh cửa mở. |
| | → Đèn LED bên trong bị lỗi hoặc nắp bị hỏng. | ▶ Liên hệ với bộ phận dịch vụ khách hàng (xem 9.4 Dịch vụ khách hàng). |

9.4 Dịch vụ khách hàng

Trước tiên, hãy kiểm tra xem bạn có thể tự khắc phục lỗi không (xem 9 Trợ giúp khách hàng). Nếu bạn không thể, hãy liên hệ với Dịch vụ khách hàng. Vui lòng tham khảo tài liệu “Liebherr-Service” kèm theo để biết địa chỉ.



CẢNH BÁO

Sửa chữa không chuyên nghiệp!
Chấn thương.

- ▶ Yêu cầu bất kỳ sửa chữa và hành động nào - không được chỉ định rõ ràng - đối với thiết bị và cấp nguồn chỉ được thực hiện bởi nhân viên bảo trì. (xem phần 8 Bảo trì)
- ▶ Cấp nguồn bị hỏng chỉ có thể được thay thế bởi nhà sản xuất, bộ phận Dịch vụ Khách hàng của nhà sản xuất hoặc người có trình độ tương tự.
- ▶ Trong trường hợp thiết bị có đầu nối IEC, khách hàng có thể thực hiện việc thay đổi.

9.4.1 Liên hệ với bộ phận Dịch vụ Khách hàng

Đảm bảo bạn có sẵn dữ liệu công cụ sau:

- Tên thiết bị (model và mục lục)

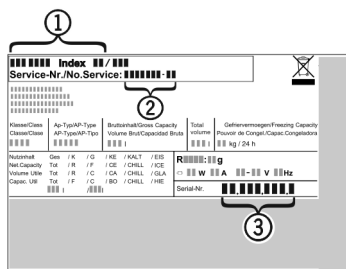
- Số dịch vụ (Dịch vụ)

- Số sê-ri. (S no.)

- ▶ Tra cứu thông tin thiết bị trên màn hình (xem Thông tin).
- hoặc-
- ▶ Tham khảo thông tin thiết bị trên bảng thông tin (xem 9.5 Bảng thông tin).
- ▶ Ghi lại thông tin thiết bị.
- ▶ Thông báo cho Dịch vụ Khách hàng về những điều sau: Cung cấp cho chúng tôi dữ liệu về thiết bị.
- ▷ Điều này sẽ giúp chúng tôi cung cấp cho bạn dịch vụ nhanh hơn, chính xác hơn.
- ▶ Thực hiện theo bất kỳ hướng dẫn nào khác do Dịch vụ Khách hàng đưa ra.

9.5 Tắm mô tả mẫu

Tắm mô hình nằm phía sau các ngăn kéo ở bên trong thiết bị. Tham khảo thiết bị thông tin trên bảng thông tin (xem 9.5 Thông tin bảng).



Hình. 64

(1) Mô tả thiết bị (3) Số sê-ri.

(2) Số dịch vụ

► Lưu ý dữ liệu trên tám mô tả.

10 Tắt máy

- Làm trống thiết bị.
- Tắt thiết bị.
- Tháo đầu nối nguồn điện.
- Tháo đầu nối thiết bị nếu cần: Tháo và di chuyển từ trái sang phải cùng một lúc.
- Vệ sinh thiết bị (xem phần 8.6 Vệ sinh thiết bị)
- Để cửa mở để tránh tích tụ mùi hôi.

11 Xử lý

11.1 Chuẩn bị thiết bị để thải bỏ



Li-Ion

Liebherr sử dụng pin trong một số thiết bị của mình. Tại EU, vì lý do môi trường, luật pháp bắt buộc người dùng cuối phải tháo các loại pin này trước khi vứt bỏ các thiết bị cũ. Nếu thiết bị của bạn có pin, thông báo tương ứng sẽ được đính kèm.

Đèn Nếu bạn có thể tự tháo đèn mà không phá hủy chúng, hãy tháo chúng trước khi vứt bỏ.

- Ngắt thiết bị ra khỏi hoạt động.
- Thiết bị có pin: tháo pin ra. Để biết mô tả, xem chương

Bảo trì.

- Nếu có thể: tháo đèn ra mà không phá hủy chúng.

11.2 Vứt bỏ thiết bị theo cách thân thiện với môi trường



Thiết bị vẫn chứa các vật liệu có giá trị và phải được xử lý riêng biệt với rác thải đô thị chưa được phân loại.



Li-Ion



Li-Ion

Vứt bỏ pin riêng biệt khỏi thiết bị cũ. Để thực hiện việc này, bạn có thể trả lại pin miễn phí cho các nhà bán lẻ cũng như các trung tâm tái chế và trung tâm thu gom vật liệu có thể tái chế.

Đèn Vứt bỏ đèn đã loại bỏ thông qua hệ thống thu gom tương ứng.

Thị trường Đức:

Bạn có thể vứt bỏ thiết bị này miễn phí thông qua các thùng thu gom loại 1 tại các trung tâm thu gom vật liệu tái chế và tái chế tại địa phương. Khi mua tủ lạnh/tủ đông mới, nếu diện tích bán hàng > 400 m², nhà bán lẻ cũng sẽ thu hồi thiết bị cũ miễn phí.



CẢNH BÁO

Rò rỉ nước làm mát và dầu!

Cháy. Chất làm mát có trong thiết bị thân thiện với môi trường nhưng cũng dễ cháy. Dầu chứa trong thiết bị dễ cháy. Chất làm mát và dầu thoát ra có thể bốc cháy nếu nồng độ đủ cao và tiếp xúc với nguồn nhiệt bên ngoài.

- Không làm hỏng các đường ống của mạch làm mát và máy nén.

- Vận chuyển thiết bị mà không làm hỏng thiết bị.
- Vứt bỏ pin, đèn và thiết bị theo các thông số kỹ thuật nêu trên.



home.liebherr.com/fridge-manuals

EN fridge with BioFresh



Ngày phát hành: 20230529

Part number index: 7080482-00

Liebherr-Hausgeräte Marica EOOD
Bezirk Plovdiv
4202 Radinovo
Bulgarien